

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



CÔNG TY CỔ PHẦN TASCOCO

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, Sở Tài chính Thành Phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 08/09/2025)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 469/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 10 năm 2026)

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch được cung cấp từ ngày 02/10/2026, tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCOCO

Trụ sở chính : Tầng 1 và Tầng 20, tòa nhà Tasco, Lô HH2-2, đường Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội.

Điện thoại : 024 6668 6863

Website : www.tasco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK

Trụ sở chính : Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, phường Xuân Đình, TP Hà Nội.

Điện thoại : (84.24) 3974 1771

Fax: (84.24) 3974 1760

Website : www.vbse.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Bà Phan Thùy Giang

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Người được ủy quyền công bố thông tin

Số điện thoại: 024 6668 6863

CÔNG TY
CỔ PHẦN
TASCOCO

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
TASCOCO
DN: cn=CÔNG TY CỔ
PHẦN TASCOCO, c=VN
Date: 2026.10.08
18:04:23 +07'00'

Quyển 1/2

HÀ NỘI – 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, Sở Tài chính Thành Phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 08/09/2025)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI RA CÔNG CHỨNG

Tên trái phiếu	: Trái phiếu Công ty Cổ phần Tasco
Loại trái phiếu	: Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần phổ thông, không có tài sản bảo đảm, không kèm chứng quyền.
Mã trái phiếu	: HUT426001
Mệnh giá	: 100.000 đồng/trái phiếu (Một trăm nghìn đồng một trái phiếu)
Tổng số lượng trái phiếu chào bán	: 35.609.519 trái phiếu (Ba mươi lăm triệu sáu trăm linh chín nghìn năm trăm mười chín trái phiếu)
Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá	: 3.560.951.900.000 đồng (Ba nghìn năm trăm sáu mươi tỷ chín trăm năm mươi một triệu chín trăm nghìn đồng)
Giá chào bán	: 100.000 đồng/trái phiếu
Lãi suất	: Trái Phiếu có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, cụ thể như sau: - <u>Đối với 02 Kỳ Tính Lãi đầu tiên</u>: Lãi suất Trái Phiếu được áp dụng cố định là 10%/năm (mười phần trăm một năm); - <u>Đối với mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo</u>: Lãi suất Trái Phiếu là lãi suất thả nổi với mức lãi suất bằng tổng của 3,5%/năm (ba phẩy năm phần trăm một năm) và Lãi Suất Tham Chiếu của Kỳ Tính Lãi đó. "Lãi Suất Tham Chiếu" là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (loại trả lãi sau) của Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất (là ngày làm việc thứ 7 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi) trên trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn lên đến hai chữ số ở phần thập phân.
Kỳ hạn trái phiếu	: 05 (năm) năm
Kỳ hạn trả lãi	: Là mỗi giai đoạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục kể từ Ngày Phát

Hành cho đến Ngày Đáo Hạn (“**Kỳ Tính Lãi**”)

- Tỷ lệ chuyển đổi/thực hiện quyền** : Tỷ lệ chuyển đổi 1:10 (mỗi Trái Phiếu được chuyển đổi thành 10 (*mười*) cổ phần phổ thông).
- Thời hạn chuyển đổi/thực hiện quyền** : Trái Phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông vào mỗi đợt trong 05 (*năm*) đợt (mỗi đợt như vậy được gọi là “**Đợt Chuyển Đổi**”) như sau:
- + Đợt Chuyển Đổi 1: Vào ngày tròn 01 (một) năm kể từ Ngày Phát Hành;
 - + Đợt Chuyển Đổi 2: Vào ngày tròn 02 (hai) năm kể từ Ngày Phát Hành;
 - + Đợt Chuyển Đổi 3: Vào ngày tròn 03 (ba) năm kể từ Ngày Phát Hành;
 - + Đợt Chuyển Đổi 4: Vào ngày tròn 04 (bốn) năm kể từ Ngày Phát Hành;
 - + Đợt Chuyển Đổi 5: Vào ngày tròn 05 (năm) năm kể từ Ngày Phát Hành (tức Ngày Đáo Hạn).

Vào Ngày Đáo Hạn, toàn bộ Trái Phiếu chưa được chuyển đổi sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.

Nếu ngày thực hiện Đợt Chuyển Đổi là ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ, Tết thì Đợt Chuyển Đổi sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

Số lượng Trái Phiếu thực hiện chuyển đổi tại mỗi Đợt Chuyển Đổi (ngoại trừ vào Ngày Đáo Hạn) do Người Sở Hữu Trái Phiếu tự quyết định. Để làm rõ, Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể thực hiện quyền chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Trái Phiếu đang nắm giữ theo quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán VietinBank

Trụ sở: Tầng 1 - Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, phường Xuân Đình, TP Hà Nội

ĐT: 024 39741771

Fax: 024 39741760

Website: www.vbse.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công Ty TNHH Kiểm Toán BDO

Địa chỉ: Tầng 20, Tòa ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024 3783 3911/12/13

Fax: 024 3783 3914

Website: www.bdo.vn

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	7
1.	Tổ chức phát hành.....	7
2.	Tổ chức tư vấn.....	7
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	8
1.	Rủi ro về kinh tế.....	8
2.	Rủi ro về luật pháp.....	9
3.	Rủi ro đặc thù.....	9
4.	Rủi ro về đợt chào bán.....	11
5.	Rủi ro pha loãng.....	12
6.	Rủi ro quản trị Công ty.....	13
7.	Rủi ro khác.....	13
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	15
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	17
1.	Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	17
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	20
3.	Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	21
4.	Cơ cấu quản trị và Bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	22
5.	Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	24
6.	Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	46
7.	Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác.....	53
8.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	53
9.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	54
10.	Hoạt động kinh doanh.....	55
11.	Chính sách đối với người lao động.....	86
12.	Chính sách cổ tức.....	90
13.	Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	91
14.	Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tiếp liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.....	92

15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	93
16.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	93
17.	Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	94
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	94
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh.....	94
2.	Tình hình tài chính.....	97
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành .	118
4.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	120
5.	Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo.....	123
VI.	THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	123
1.	Thông tin về cổ đông sáng lập.....	123
2.	Thông tin về cổ đông lớn	123
3.	Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.....	124
VII.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	168
1.	CƠ SỞ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....	168
2.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	168
2.1.	Tên trái phiếu	168
2.2.	Loại trái phiếu	169
2.3.	Mệnh giá.....	169
2.4.	Tổng số lượng trái phiếu chào bán	169
2.5.	Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá	169
2.6.	Kỳ hạn trái phiếu	169
2.7.	Lãi suất.....	169
2.8.	Kỳ hạn trả lãi, trả gốc.....	169
2.9.	Giá chào bán	170
2.10.	Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động.....	170

2.11.	Quyền của người sở hữu trái phiếu	170
2.12.	Phương thức thực hiện quyền	170
2.13.	Việc mua lại trái phiếu trước hạn.....	172
2.14.	Phương thức phân phối.....	172
2.15.	Đăng ký mua trái phiếu	172
2.16.	Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu	173
2.17.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	174
2.18.	Tài khoản phong toả nhận tiền mua Trái Phiếu	174
2.19.	Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán trái phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành.....	174
2.20.	Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	174
2.21.	Các loại thuế có liên quan.....	178
2.22.	Thông tin về các cam kết	179
2.23.	Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt ...	180
VIII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	180
1.	Mục đích chào bán.....	180
2.	Phương án khả thi	180
3.	Thông tin về tình hình triển khai dự án	189
IX.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	195
1.	Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	195
2.	Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán	213
X.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	215
1.	Các đối tác liên quan tới đợt chào bán	215
2.	Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán.....	215
3.	Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán.....	215
XI.	CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	216
XII.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN	217
XIII.	PHỤ LỤC:	218

1. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức phát hành****CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

- | | |
|------------------------|-------------------------------------|
| ❖ Ông: Vũ Đình Độ | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| ❖ Ông: Hoàng Minh Hùng | Chức vụ: Tổng Giám đốc |
| ❖ Bà: Bùi Thị Bình | Chức vụ: Kế toán trưởng |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK**

Đại diện được ủy quyền: Ông Phạm Ngọc Hiệp - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

(Theo Giấy ủy quyền số 32/2025/GUQ-CKCT ngày 17/03/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ số 07/2026/TVCB/VBSE07-HUT ngày 10/05/2026 với Công ty Cổ phần Tasco. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Tasco cung cấp.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư nên xem xét cân trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/sự kiện không chắc chắn được mô tả, liệt kê dưới đây, cùng với các thông tin trong Bản Cáo Bạch này. Hoạt động kinh doanh ("**HBKD**"), tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả, liệt kê dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn mà Tổ Chức Phát Hành hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

1. Rủi ro về kinh tế

Những thay đổi về điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách tại Việt Nam có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

Môi trường kinh doanh và tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế được coi là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế; khi môi trường kinh doanh thuận lợi, ổn định và nền kinh tế duy trì đà tăng trưởng thì cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại.

Sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm qua đã được các tổ chức quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam trong 10 năm gần đây đạt 5,6%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới.

GDP năm 2025 tăng trưởng tích cực, với tốc độ tăng ước đạt 8,02% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 475,04 tỷ USD, tăng 17,0% so với năm trước; vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 4.150,5 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm trước, trong đó vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam ước đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9,0% so với năm trước.

Theo số liệu của Cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) sáu tháng đầu năm 2026 tăng 8,18% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 tăng 7,63%). Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,87%, đóng góp 5,66%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,81%, đóng góp 47,20%; khu vực dịch vụ tăng 8,09%, đóng góp 47,14%. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 266,52 tỷ USD, tăng 21,0% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội sáu tháng đầu năm theo giá hiện hành ước đạt 1.807,8 nghìn tỷ đồng, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam sáu tháng đầu năm 2026 ước đạt 13,03 tỷ USD, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước.

Nhiều Tổ chức Quốc tế đánh giá triển vọng tăng trưởng trung và dài hạn của Việt Nam vẫn tiếp tục tích cực, được hỗ trợ bởi quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, sự gia tăng tiêu dùng trong nước và nhu cầu đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng. Những yếu tố này được kỳ vọng sẽ tiếp tục tạo nền tảng thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và đầu tư tại Việt Nam trong những năm tới.

Tuy nhiên, môi trường kinh tế vĩ mô toàn cầu hiện vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định. Các diễn biến địa chính trị, biến động lãi suất, tỷ giá, giá hàng hóa, cũng như khả năng tăng trưởng chậm lại hoặc suy thoái tại một số nền kinh tế lớn có thể tạo ra những biến động đáng kể đối với nền kinh tế thế giới và Việt Nam.

Những yếu tố này có thể ảnh hưởng đến nhu cầu thị trường, chi phí vốn, dòng vốn đầu tư, tỷ giá, chi phí đầu vào và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp và hoạt động của doanh nghiệp có thể chịu tác động đáng kể từ những biến động của môi trường kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế, có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả HĐKD và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

Mức độ lạm phát cao ở Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả HĐKD của Tổ Chức Phát Hành

Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, biện pháp quyết liệt để kiềm chế lạm phát và nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Mặc dù tỷ lệ lạm phát đã được duy trì ổn định trong những năm gần đây, kinh tế thế giới vẫn còn tiềm ẩn nhiều biến động, do đó không thể loại trừ khả năng nền kinh tế Việt Nam sẽ đối mặt trở lại với các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt khi nền kinh tế được dự báo có thể tăng trưởng nhanh trở lại. Trường hợp, lạm phát tăng cao trở lại sẽ dẫn đến các chi phí hoạt động của Tổ Chức Phát Hành gia tăng.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2025 tăng 3,31% so với cùng kỳ năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Bình quân năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với năm trước, thấp hơn mức tăng 3,31% của CPI bình quân chung, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản. Bình quân sáu tháng đầu năm 2026, CPI tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,12%.

2. Rủi ro về luật pháp

Công ty Cổ phần Tasco là công ty đại chúng và được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), do đó Công ty chịu tác động của hệ thống văn bản pháp luật bao gồm: Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế hay một số quy định về bảo vệ môi trường và an toàn lao động... Hệ thống các luật và các văn bản hướng dẫn có thể sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Để thích nghi với những thay đổi trong hệ thống pháp luật Việt Nam, Công ty đã bố trí nhân sự chủ động cập nhật các văn bản pháp luật mới được ban hành nhằm hạn chế rủi ro xuống mức thấp nhất và đảm bảo tính ổn định khi vận hành doanh nghiệp. Ban lãnh đạo luôn coi việc tuân thủ pháp luật là điều kiện tiên quyết trong công tác quản trị và một trong những mục tiêu trọng yếu trong việc phát triển Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro vĩ mô, nhu cầu sụt giảm

Rủi ro có thể phát sinh do nhu cầu tiêu dùng của thị trường giảm sút, dẫn đến giảm doanh số và lợi nhuận của Công ty. Công ty đã có những biện pháp để giảm thiểu rủi ro như: Lập kế hoạch mục tiêu tổng thể cho từng giai đoạn; Cụ thể hóa mục tiêu đến từng đơn vị thành viên, bộ phận, phòng ban; Thực hiện chiến lược tinh gọn; Ưu tiên thực hiện phát triển theo chiều sâu đối với các

hoạt động cốt lõi, thể mạnh của Công ty.

3.2 Rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng

Rủi ro có thể phát sinh do gián đoạn, không đảm bảo nguồn cung ứng cho hoạt động kinh doanh. Công ty đã có những biện pháp để giảm thiểu rủi ro như: Lập kế hoạch cụ thể đối với nhu cầu về vật tư, thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh; Thường xuyên theo dõi và bám sát biến động của thị trường để kịp thời điều chỉnh; và chủ động trao đổi, đàm phán với các nhà cung cấp để đa dạng nguồn cung ứng.

3.3 Rủi ro danh tiếng

Rủi ro có thể phát sinh do các thông tin, tin tức tiêu cực gây bất lợi, ảnh hưởng đến danh tiếng, thương hiệu của Công ty. Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng quy chế và quy trình xử lý khủng hoảng truyền thông, đồng thời giám sát, theo dõi các tin tức, bài viết từ cơ quan báo chí, khách hàng, người lao động,... để đảm bảo những nội dung, thông tin được công bố chính xác, kịp thời và đúng quy định của pháp luật.

3.4 Rủi ro không tuân thủ quy định, quy trình

Rủi ro có thể phát sinh do cán bộ, nhân viên không thực hiện đúng theo các quy định, quy trình của Công ty, dẫn đến thiệt hại hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến Công ty (chất lượng sản phẩm, dịch vụ, ảnh hưởng đến uy tín, danh tiếng). Do vậy, Công ty luôn cập nhật và sửa đổi hệ thống quy trình phù hợp với tình hình thực tế. Kết hợp tổ chức đào tạo, truyền thông đến toàn bộ cán bộ công nhân viên về các giá trị văn hóa, đạo đức trong doanh nghiệp. Đồng thời Công ty thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ về tính tuân thủ để giảm thiểu rủi ro có thể tác động đến Công ty.

3.5 Rủi ro biến động thị trường bất động sản

Tỷ trọng doanh thu lĩnh vực bất động sản của Tổ Chức Phát Hành không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty trong năm 2024, 2025 và trong các năm tới. Tuy nhiên hoạt động kinh doanh bất động sản của Tổ Chức Phát Hành cũng sẽ bị ảnh hưởng chung của thị trường bất động sản Việt Nam, bao gồm nguồn cung, khả năng thanh khoản, xu hướng phát triển sản phẩm... Bất kỳ diễn biến bất lợi nào trên thị trường, như là sự sụt giảm nhu cầu hay chiều hướng về tỷ suất cho thuê hoặc giá bất động sản có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, điều kiện tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Những rủi ro chung của thị trường bất động sản mà Tổ Chức Phát Hành có thể gặp phải:

- Những thay đổi bất lợi về tình hình chính trị hoặc kinh tế;
- Ảnh hưởng mang tính chu kỳ của các điều kiện thị trường (quan hệ cung cầu trong lĩnh vực bất động sản). Lợi nhuận và dòng tiền lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh bất động sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào điều kiện thị trường tại thời điểm dự án được hoàn tất và đủ điều kiện mở bán cho khách hàng;
- Các thay đổi của thị trường vốn nợ và vốn chủ sở hữu có thể gây khó khăn cho việc tìm nguồn tài trợ vốn với các điều khoản thuận lợi cho các dự án phát triển trong tương lai hoặc không có các nguồn vốn này;
- Thay đổi lãi suất, thuế suất và các chi phí điều hành khác;

- Thay đổi các luật và quy định về môi trường, quy hoạch và chính sách tài chính, tiền tệ;
- Các rủi ro liên quan khác.

3.6 Rủi ro về khả năng thanh toán

Rủi ro về khả năng thanh toán phát sinh khi Công ty không đảm bảo thanh toán được các khoản nợ khi đến hạn. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã xây dựng và hoàn thiện các quy trình quản lý kế hoạch sản xuất kinh doanh; xây dựng các nguyên tắc quản lý dòng tiền, có các kế hoạch dòng tiền ngắn hạn, trung dài hạn để quản trị rủi ro, xác định các rủi ro kèm theo các kịch bản hoạt động, đồng thời xây dựng các quy định về rà soát, đánh giá định kỳ các khoản công nợ.

3.7 Rủi ro quản trị chiến lược

Rủi ro quản trị chiến lược xảy ra khi Công ty xây dựng các mục tiêu chiến lược chưa phù hợp, chưa bắt kịp với thay đổi của môi trường kinh doanh, các hoạt động triển khai chiến lược chưa được thực hiện đầy đủ, hiệu quả. Để quản trị rủi ro này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc định kỳ họp cập nhật việc triển khai các chiến lược kinh doanh, cập nhật tình hình vĩ mô và ngành định kỳ để có những điều chỉnh kịp thời phù hợp với tình hình thực tế.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Rủi ro của việc chào bán

Trái phiếu không được bảo đảm

Trái phiếu là trái phiếu chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và không được bảo lãnh thanh toán bởi bên thứ ba. Do vậy, người sở hữu trái phiếu sẽ không có quyền truy đòi trực tiếp đối với tài sản của Tổ Chức Phát Hành hay bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác như là tài sản bảo đảm cho trái phiếu, hoặc yêu cầu bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác ngoài Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho các trái phiếu. Trái phiếu cũng sẽ không được thanh toán từ các tài sản đã được Tổ Chức Phát Hành sử dụng để bảo đảm cho nghĩa vụ khác của Tổ Chức Phát Hành trong trường hợp các tài sản đó không đủ để thanh toán cho nghĩa vụ được bảo đảm tương ứng. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị phá sản hoặc thanh lý, trái phiếu sẽ có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang bằng với các khoản nợ không có bảo đảm khác của Tổ Chức Phát Hành theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, bên cạnh quyền hưởng lãi trái phiếu theo các điều kiện, điều khoản của Trái phiếu, người sở hữu trái phiếu còn có quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu của Tổ Chức Phát Hành theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyền chuyển đổi này tạo thêm sự linh hoạt cho nhà đầu tư trong việc lựa chọn hình thức nắm giữ phù hợp, đồng thời cho phép nhà đầu tư có cơ hội tham gia vào sự tăng trưởng và gia tăng giá trị của Tổ Chức Phát Hành trong dài hạn. Theo đó, việc trái phiếu có tính năng chuyển đổi thành cổ phiếu cũng góp phần giảm thiểu phần nào các rủi ro thường gắn với trái phiếu không có tài sản bảo đảm so với các công cụ nợ thông thường.

Tính thanh khoản của thị trường thứ cấp đối với Trái Phiếu

Tính thanh khoản của Trái Phiếu khi đã được niêm yết trên HNX: Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp. Ngoài ra, sau khi đã được niêm yết và giao dịch, Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn so với giá Trái Phiếu tại thời

điểm phát hành, điều này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và thị trường giao dịch của các chứng khoán tương tự.

Rủi ro của dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Theo kế hoạch, Công ty dự kiến chào bán 35.609.519 trái phiếu, số tiền thu được từ đợt chào bán theo dự kiến là 3.560.951.900.000 đồng, sẽ được sử dụng để Góp vốn thực hiện dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận; Góp vốn vào Công ty TNHH Tasco Land, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109935403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/03/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 07/09/2026; Góp vốn vào Công ty TNHH Tasco Investment, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109383696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/10/2020, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 09/12/2025; Góp vốn đầu tư Dự án Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ (Tên thương mại: Khu Biệt thự cao cấp Việt Trì Legacy Lakeside).

Việc sử dụng nguồn vốn huy động thêm để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, góp vốn đã được Công ty xem xét thận trọng và nằm trong chiến lược và định hướng phát triển của Công ty, được kiểm soát và quản lý chặt chẽ, từ đó giúp tối thiểu hóa rủi ro và tối đa hóa hiệu quả kinh doanh.

5. Rủi ro pha loãng

Pha loãng giá cổ phiếu

Tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi, giá trị sổ sách của cổ phiếu sẽ không bị pha loãng. Tuy nhiên, giá trị sổ sách của cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi có thể bị pha loãng, tỷ lệ pha loãng phụ thuộc vào số lượng cổ phần chuyển đổi tại thời điểm chuyển đổi. Trái chủ có quyền thực hiện quyền chuyển đổi trong kỳ hạn 5 năm theo quy định của điều khoản và điều kiện Trái phiếu.

Khi Trái Phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, giá của mỗi cổ phiếu sẽ bị pha loãng theo công thức:

$$P = \frac{P_{tcd} \times Q1 + \text{Giá chuyển đổi} \times Q2}{Q1 + Q2}$$

Trong đó:

- *P:* là giá trị mỗi cổ phần theo sổ sách sau khi chuyển đổi
- *P_{tcd}:* là giá trị mỗi cổ phần theo sổ sách trước khi chuyển đổi
- *Q1:* là khối lượng cổ phiếu trước khi chuyển đổi
- *Q2:* là số lượng cổ phiếu được chuyển đổi từ trái phiếu

Pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu

Tại thời điểm trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phiếu, trong điều kiện doanh thu và lợi nhuận chưa tăng kịp so với tốc độ tăng trưởng của vốn điều lệ, chỉ tiêu thu nhập trên một cổ phiếu

sẽ bị giảm do lợi nhuận sau thuế của Tổ Chức Phát Hành được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

Pha loãng tỷ lệ sở hữu

Đối với việc phát hành trái phiếu chuyển đổi ra thị trường cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông, rủi ro pha loãng tỷ lệ sở hữu xảy ra đối với các cổ đông không thực hiện quyền mua trái phiếu chuyển đổi (hoặc) mua trái phiếu chuyển đổi nhưng nắm giữ một phần hoặc bán toàn bộ trước thời điểm chuyển đổi. Theo đó, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông sẽ bị giảm xuống. Với phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cổ đông đã được chuẩn bị về đợt phát hành này, do đó, khả năng pha loãng tỷ lệ sở hữu của các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được đánh giá ở mức thấp.

6. Rủi ro quản trị Công ty

Đối với bất kỳ công ty nào thì việc lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng quan trọng trong chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp.

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông và các nhà đầu tư khác. Những thông tin liên quan đến quản trị công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các cổ đông, giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các bên liên quan, giữa cổ đông với Công ty... cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, quyền lợi của cổ đông và người lao động.

Để khắc phục rủi ro về quản trị như trên, Công ty luôn hoàn thiện các quy chế hoạt động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, giám sát trong hoạt động kinh doanh. Thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện website, thực hiện công bố, cập nhật thông tin thường xuyên tới cổ đông, thực hiện tốt công tác quan hệ cổ đông, làm cầu nối giữa cổ đông và Công ty.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên thì rủi ro về môi trường cũng là yếu tố mà mỗi doanh nghiệp cần quan tâm. Ý thức được tầm quan trọng của vấn đề này, Tasco luôn có những kế hoạch cụ thể để giảm sự ảnh hưởng đến môi trường bằng các giải pháp cụ thể như: Thực hiện đánh giá tác động môi trường trước khi thực hiện các dự án; Xây dựng các định mức chi phí để tiết kiệm việc tiêu thụ năng lượng trong văn phòng.

Ngoài ra, còn một số nhân tố rủi ro mang tính chất bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn, cháy nổ... Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển của Công ty. Vì vậy, Tasco thường xuyên đánh giá nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy... đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho hàng hóa và tài sản của Công ty.

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

HUT/Công ty/Tasco/Tổ Chức Phát Hành	: Công ty Cổ phần Tasco.
VBSE/Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành	: Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank.
TCPH	: Tổ chức phát hành.
BKS	: Ban Kiểm soát.
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông.
HDQT	: Hội đồng Quản trị.
CTCP	: Công ty Cổ phần.
VSDC	: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
DVT	: Đơn vị tính.
HDKD	: Hoạt động kinh doanh.
SXKD	: Sản xuất kinh doanh.
KHKD	: Kế hoạch kinh doanh.
LNTT	: Lợi nhuận trước thuế.
LNST	: Lợi nhuận sau thuế.
BCTC	: Báo cáo tài chính.
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
VND	: Việt Nam đồng.
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên.
CP	: Cổ phần.
BDS	: Bất động sản.

TSCĐ	: Tài sản cố định.
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội.
CNTT	: Công nghệ thông tin.
PR	: Quan hệ công chúng.
TGD	: Tổng Giám đốc.
CNĐKDN	: Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
Tp.	: Thành phố.
QLDN	: Quản lý doanh nghiệp.
CKD (<i>Completely Knocked Down</i>)	: Được lắp ráp trong nước với hoàn toàn 100% linh kiện được nhập khẩu từ nước ngoài.
CBU (<i>Completely Built-Up</i>)	: Được sản xuất hoàn toàn ở nước ngoài và nhập khẩu nguyên chiếc về Việt Nam.

Những từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản luật khác có liên quan.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

1.1. Giới thiệu chung về Tổ chức phát hành

Tên đầy đủ	: CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO
Tên giao dịch quốc tế	: TASCO JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: TASCO - CTCP
Trụ sở chính	: Tầng 1 và Tầng 20, tòa nhà Tasco, Lô HH2-2, đường Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	: 024 6668 6863.
Website	: www.tasco.com.vn
Logo	: 
Vốn điều lệ đăng ký	: 10.682.855.810.000 đồng (<i>Mười nghìn sáu trăm tám mươi hai tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu tám trăm mười nghìn đồng</i>).
Giấy CNĐKDN	: Số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, Sở Tài Chính Thành Phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 08/09/2025.
Người đại diện theo pháp luật	: Ông Hoàng Minh Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc .
Mã cổ phiếu	: HUT
Sàn niêm yết	: HNX

1.2. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá) Chi tiết: Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4610 (Chính)
2	Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác	4781
3	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị	7730
4	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4661

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	(Trừ hoạt động đầu giá)	
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện), công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; (Không bao gồm: Xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội) – Xây dựng đường hầm.	4299
6	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531
7	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4662
8	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4783
9	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy	9532
10	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Đại lý bán điện (không bao gồm thực hiện hoạt động “Truyền tải điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội”)	3513
11	Xây dựng nhà để ở	4101
12	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác	7020
13	Xây dựng nhà không để ở	4102
14	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng	8210
15	Xây dựng công trình đường sắt	4211
16	Xây dựng công trình đường bộ	4212
17	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện) (không bao gồm thực hiện hoạt động “Truyền tải điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội”)	4221
18	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng hệ thống thủy lợi	4222
19	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh	4229

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
20	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác. (Không bao gồm: Dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ hộ gia đình)	3811
21	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);	7499
22	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo (không bao gồm thực hiện hoạt động "Truyền tải điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	3512
23	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Chi tiết: Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Tư vấn lập dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, và các công trình kỹ thuật khác; Tư vấn quản lý dự án công trình, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công công trình; Tư vấn thẩm tra thiết kế, dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi, và hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế kỹ thuật thi công công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, cầu đường bộ; Tư vấn lập quy hoạch xây dựng;	7110
24	Bán buôn tổng hợp (đối với ngành nghề có điều kiện phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi kinh doanh) (Không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	4690
25	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
26	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
27	Thu gom rác thải độc hại (Không bao gồm Dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình)	3812
28	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
29	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
30	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất vật liệu xây dựng từ xỉ lò	3290
31	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Kinh doanh phát triển nhà ở; Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng (không bao gồm: Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	
32	Chuẩn bị mặt bằng Loại trừ: Hoạt động dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng	4312
33	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác - Chi tiết: Xây lắp điện, nước	4390
34	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng - Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn	4673
35	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật - Chi tiết: Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;	7120
36	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động - Chi tiết: Dịch vụ du lịch, nhà hàng, ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường); (Không bao gồm Kinh doanh dịch vụ lễ hành)	5610
37	Trồng cây hàng năm khác - Chi tiết: Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;	0119
38	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - Chi tiết: Kinh doanh bãi đỗ xe và gara; Kinh doanh, khai thác công trình kết cấu hạ tầng; (không bao gồm quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư)	5229
39	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị (Không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	4659

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Tasco được thành lập ngày 27/03/1976. Trải qua hơn 50 năm thành lập và phát triển, Tasco đã phát triển thành một công ty có quy mô tổng tài sản đạt 52.231 tỷ đồng, vượt mốc 2 tỷ USD và tập trung thực hiện tầm nhìn trở thành “Hệ sinh thái đầu tư lấy công nghệ làm nền tảng, kết nối Hạ tầng giao thông – Bảo hiểm – Đầu tư cho dịch vụ thiết yếu và đổi mới sáng tạo”.

Một số cột mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty có thể kể đến như:

- **Giai đoạn 1976 - 2020: Thiết lập nền tảng**

- Năm 1976: CTCP Tasco được thành lập.
- Năm 2008: Cổ phiếu của CTCP Tasco chính thức niêm yết tại TTGDCK Hà Nội.
- Năm 2016: Đưa vào vận hành hệ thống thu phí tự động không dừng VETC.

- **Giai đoạn 2021 - 2024: Tái cấu trúc tinh gọn và hiệu quả**

- Năm 2021: Tái cấu trúc mạnh mẽ công ty, thoái vốn các mảng kinh doanh không cốt lõi nhằm tinh gọn bộ máy, tập trung cho lĩnh vực chính.
- Năm 2022: Thành lập Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco và Công ty TNHH Tasco Land
- Năm 2023: Tasco chính thức sở hữu 100% vốn Tasco Auto và doanh thu vượt mốc 1 tỷ USD.
- Năm 2024: Tasco Auto hợp tác chiến lược với Geely Auto (Top 10 OEM toàn cầu), liên doanh đầu tư nhà máy CKD 168 triệu USD. Mitsui & Co., Ltd. - Tập đoàn hàng đầu Nhật Bản, trở thành cổ đông chiến lược của Tasco Auto.

- **Giai đoạn 2025 - Nay: Tầm nhìn mới**

- Năm 2025: Công bố tầm nhìn mới và Giá trị cốt lõi 3T, định hướng chiến lược kinh doanh toàn hệ thống.
- Tăng vốn điều lệ lên 10.683 tỷ đồng.
- Công ty cổ phần DNP Holding chính thức trở thành công ty con của Tasco, quy mô doanh thu, tổng tài sản của hệ thống Tasco vượt 2 tỷ USD.

2.2. Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi:

❖ Tầm nhìn

- Hệ sinh thái đầu tư lấy công nghệ làm nền tảng, kết nối Hạ tầng giao thông – Bảo hiểm – Đầu tư cho dịch vụ thiết yếu và đổi mới sáng tạo.

❖ Giá trị cốt lõi 3T

- T1: Trọng tâm khách hàng
- T2: Tinh – Gọn – Hiệu suất cao
- T3: Tốc độ - Quyết liệt

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Hình 1: Sơ đồ tổ chức Công ty



Nguồn: CTCP Tasco

Công ty Cổ phần Tasco được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020, Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có 1 Trụ sở chính, 123 Công ty con (bao gồm 07 công ty con sở hữu trực tiếp và 116 công ty con sở hữu gián tiếp) và 13 Công ty liên kết.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1 và Tầng 20, tòa nhà Tasco, Lô HH2-2, đường Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội.

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Tổ Chức Phát Hành tính đến thời điểm hiện tại được thể hiện tại Mục IV.5 Bản cáo bạch này.

4. Cơ cấu quản trị và Bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Tasco được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần, trụ sở chính là nơi làm việc, tổ chức hợp của các cơ quan quan trọng của Công ty. Bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban điều hành của Công ty;
- Các Khối/phòng ban chức năng chuyên môn.



❖ Đại hội đồng Cổ đông:

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, được tổ chức ít nhất mỗi năm 01 lần. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty; kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty; quyết định phương án đầu tư, thanh lý tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty; bầu, bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS và các quyết định khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

❖ Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra, gồm 07 (bảy) thành viên với nhiệm kỳ 5 (năm) năm. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm; chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban khác.

Hội đồng Quản trị Công ty bao gồm: 01 (một) Chủ tịch, 03 (ba) Phó Chủ tịch và 03 (ba) thành viên Hội đồng Quản trị.

Bảng 1: Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Hồ Việt Hà	Phó Chủ tịch HĐQT
3.	Ông Nguyễn Thế Minh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch HĐQT
5.	Ông Hoàng Minh Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
6.	Bà Đàm Bích Thùy	Thành viên HĐQT độc lập
7.	Ông Bùi Quang Bách	Thành viên HĐQT độc lập

Nguồn: CTCP Tasco

❖ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 (ba) thành viên do ĐHĐCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm; Thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Bảng 2: Danh sách Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Nguyễn Minh Hiếu	Trưởng Ban Kiểm soát
2.	Bà Hoàng Thị Soa	Thành viên Ban Kiểm soát
3.	Bà Trần Thị Linh	Thành viên Ban Kiểm soát

Nguồn: CTCP Tasco

❖ **Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm: 01 (một) Tổng Giám đốc và 06 (sáu) Phó Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc của Công ty được HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng Giám đốc và các nhân sự quản lý cấp cao khác có nhiệm vụ hoạch định chiến lược phát triển, giám sát và phân bổ công việc cho đội ngũ nhân viên của Công ty, kiểm soát tình hình tài chính - kế toán, quản lý vốn và kiểm soát nội bộ của Công ty.

Bảng 3: Danh sách Thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Hoàng Minh Hùng	Tổng Giám đốc
2.	Ông Nguyễn Thế Minh	Phó Tổng Giám đốc
3.	Bà Phan Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Phạm Đức Minh	Phó Tổng Giám đốc
5.	Bà Phan Thùy Giang	Phó Tổng Giám đốc
6.	Ông Nguyễn Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc
7.	Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc

Nguồn: CTCP Tasco

- ❖ Các phòng ban nghiệp vụ của Công ty bao gồm: Ban Tài chính – Đầu tư; Phòng Quản trị rủi ro và cải tiến; Phòng truyền thông; Ban Nhân sự và Phát triển Tổ chức và Ban Thư ký Văn phòng Hội đồng quản trị. Các phòng ban nghiệp vụ thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

- 5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành

Không có.

5.2. Danh sách các công ty con, công ty liên doanh, liên kết mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

5.2.1. Công ty con

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty con sở hữu trực tiếp						
	Năm 2024						
1	Công ty TNHH MTV Tasco BOT	02/06/2023	0110375308	Hạ tầng giao thông	1.157.760	100%	100%
2	Công ty Cổ phần VETC	22/05/2015	0106858609	Dịch vụ	747.400	99,26%	99,26%
3	Công ty TNHH Tasco Land	17/03/2022	0109935403	Bất động sản	750.000	100%	100%
4	Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	06/07/2001	18/GPĐC18/KDBH	Bảo hiểm phi nhân thọ	405.000	100%	100%
5	Công ty Cổ phần Tasco Auto	27/10/2021	0109793371	Dịch vụ thương mại	5.438.880	96,45%	96,45%
	Năm 2025						
1	Công ty TNHH MTV Tasco BOT	02/06/2023	0110375308	Hạ tầng giao thông	1.157.760	100%	100%
2	Công ty Cổ phần VETC	22/05/2015	0106858609	Dịch vụ	747.400	99,26%	99,26%
3	Công ty TNHH Tasco Land	17/03/2022	0109935403	Bất động sản	750.000	100%	100%
4	Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	06/07/2001	18/GPĐC18/KDBH	Bảo hiểm phi nhân thọ	1.205.000	100%	100%
5	Công ty Cổ phần Tasco Auto	27/10/2021	0109793371	Dịch vụ thương mại	6.396.535	94,87%	94,87%
6	Công ty TNHH Tasco Investment	20/10/2020	0109383696	Dịch vụ tài chính	1.450.000	100%	100%
	6 tháng đầu năm 2026						
1	Công ty TNHH MTV Tasco BOT	02/06/2023	0110375308	Hạ tầng giao thông	1.157.760	100%	100%
2	Công ty Cổ phần VETC	22/05/2015	0106858609	Dịch vụ	747.400	99,26%	99,26%
3	Công ty TNHH Tasco Land	17/03/2022	0109935403	Bất động sản	750.000	100%	100%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
4	Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	06/07/2001	18/GPĐC18/KDBH	Bảo hiểm phi nhân thọ	1.205.000	100%	100%
5	Công ty Cổ phần Tasco Auto	27/10/2021	0109793371	Dịch vụ thương mại	6.396.535	94,87%	94,87%
6	Công ty TNHH Tasco Investment	20/10/2020	0109383696	Hoạt động đầu tư	1.450.000	100%	100%
7	Công ty TNHH Tasco Mobility	08/05/2026	0111490737	Đại lý ô tô	500.000	100%	100%
II	Công ty con sở hữu gián tiếp						
Năm 2024							
1	Công ty TNHH thu phí tự động VETC	08/07/2016	0107500414	Dịch vụ thu phí	277.917	99,35%	100%
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	07/08/2008	0600454929	Xây lắp	300.000	99,97%	99,97%
3	Công ty TNHH MTV Tasco 6	16/03/2009	0600542036	Hạ tầng giao thông	65.180	100%	100%
4	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	09/05/2013	3100959525	Hạ tầng giao thông	328.130	100%	100%
5	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	08/05/2015	0201632182	Hạ tầng giao thông	395.600	100%	100%
6	Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	15/12/2004	0301154821	Dịch vụ thương mại, bất động sản, dịch vụ tài chính	666.306	52,17%	54,09%
7	Công ty TNHH New Energy Holdings	22/06/2023	0110395745	Dịch vụ thương mại	879.800	95,14%	98,64%
8	Công ty Cổ phần ô tô Bắc Âu	12/11/2015	0313532348	Dịch vụ thương mại	60.000	52,60%	80,00%
9	Công ty TNHH ô tô Bắc Âu Sài Gòn	24/12/2021	0317098241	Dịch vụ thương mại	120.000	52,60%	100%
10	Công ty TNHH ô tô Bắc Âu Hà Nội	03/06/2016	0107460232	Dịch vụ thương mại	40.000	71,42%	100%
11	Công ty Cổ phần Dana	02/07/2007	0400259800	Dịch vụ thương mại	60.000	33,32%	59,83%
12	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	30/06/2000	0302030265	Dịch vụ thương mại	129.000	27,15%	52,05%
13	Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	09/07/2007	0305081349	Dịch vụ thương mại	30.000	29,92%	57,35%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
14	Công ty Cổ phần OtoS	02/06/2014	0312801485	Dịch vụ thương mại	14.300	42,18%	80,86%
15	Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	08/06/2015	0313291741	Dịch vụ thương mại	40.000	52,12%	99,90%
16	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	19/06/2007	0102305191	Dịch vụ thương mại, Bất động sản	160.000	65,36%	99,90%
17	Công ty TNHH Toyota Giải Phóng	09/12/2008	0100773902	Dịch vụ thương mại	60.000	33,39%	64,00%
18	Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	03/01/2014	0401581979	Dịch vụ thương mại, Bất động sản	72.930	36,52%	70,00%
19	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	17/06/2014	0401610891	Bất động sản	98.000	51,27%	98,28%
20	Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh	21/06/2018	3801177156	Dịch vụ thương mại	20.000	28,69%	55,00%
21	Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	08/06/2015	3702366949	Dịch vụ thương mại	20.000	46,95%	90,00%
22	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	11/08/2006	1800638890	Dịch vụ thương mại	8.500	45,97%	88,12%
23	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	18/04/2007	1800662639	Dịch vụ thương mại	79.000	33,39%	64,00%
24	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	26/06/2014	1801343681	Dịch vụ thương mại	12.000	43,91%	84,17%
25	Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	06/05/2015	1801395908	Dịch vụ thương mại	50.000	45,39%	87,00%
26	Công ty Cổ phần Ô tô Bà Rịa Vũng Tàu	16/07/2021	3502458462	Dịch vụ thương mại	30.000	26,61%	51,00%
27	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ô tô Đồng Hiệp	03/02/2020	1101940058	Dịch vụ thương mại	25.000	31,30%	60,00%
28	Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	13/12/2018	5801392333	Dịch vụ thương mại	25.000	27,13%	52,00%
29	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	16/07/2014	3702287077	Dịch vụ thương mại	90.000	42,73%	94,00%
30	Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	21/08/2015	1801413586	Dịch vụ thương mại	40.000	36,51%	69,99%
31	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Savico	06/12/2022	0317596423	Kinh doanh bất động sản	12.630	51,13%	98,00%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	Miền Nam						
32	Công ty Cổ phần Ô tô New Energy	02/02/2023	0317663221	Dịch vụ thương mại	68.000	26,61%	51,00%
33	Công ty Cổ phần Bến Thành Ô tô	18/01/2010	0309708126	Dịch vụ thương mại	40.000	14,12%	52,00%
34	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Cần Thơ	28/06/2013	1801310132	Dịch vụ thương mại	33.000	24,51%	90,25%
35	Công ty TNHH FX Auto	21/07/2020	0316395058	Dịch vụ thương mại	16.000	14,88%	57,26%
36	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Tân Phú	28/10/2021	0317001517	Dịch vụ thương mại	35.000	16,98%	81,05%
37	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Viễn Đông	29/10/2007	0305281725	Dịch vụ thương mại	5.000	29,92%	100%
38	Công ty TNHH Toyota Long Biên	20/07/2009	0104069006	Dịch vụ thương mại	30.000	33,33%	51,00%
39	Công ty TNHH Toyota Hải Dương	24/01/2014	0801070584	Dịch vụ thương mại	25.000	17,00%	51,00%
40	Công ty TNHH Toyota Chí Linh	17/07/2020	0801329043	Dịch vụ thương mại	20.000	8,67%	51,00%
41	Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Ô tô Hải Dương	16/10/2017	0801224562	Dịch vụ thương mại	20.000	33,33%	51,00%
42	Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	08/02/2010	0401337755	Dịch vụ thương mại	87.400	18,62%	51,00%
43	Công ty Cổ phần Ô tô Bình Định	11/07/2016	4101468352	Dịch vụ thương mại	15.000	37,92%	71,00%
44	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Ô tô	22/08/2018	0401920614	Dịch vụ thương mại	20.000	20,09%	55,00%
45	Công ty TNHH MTV Ô tô Gia Lai	10/06/2016	5901039192	Dịch vụ thương mại	10.000	18,62%	100%
46	Công ty Cổ phần Ô tô Kon Tum	21/11/2017	6101237239	Dịch vụ thương mại	11.000	18,46%	99,10%
47	Công ty TNHH MTV Ô tô Sơn Trà	06/09/2018	0401922788	Dịch vụ thương mại	10.000	18,62%	100%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
48	Công ty Cổ phần Ô tô Đại Thịnh	15/05/2019	0401976127	Dịch vụ thương mại	20.000	29,22%	80,00%
49	Công ty Cổ phần Toyota Ninh Bình	26/04/2021	2700928647	Dịch vụ thương mại	30.000	17,03%	51,00%
50	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Long An	08/04/2022	1102007831	Dịch vụ thương mại	30.000	7,20%	51,00%
51	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Tây Ninh	29/06/2020	3901300117	Dịch vụ thương mại	25.000	12,44%	65,00%
52	Công ty TNHH Savico Thanh Hóa	30/11/2022	2803049045	Dịch vụ thương mại	30.000	33,33%	51,00%
53	Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng	07/11/2017	0401863067	Dịch vụ thương mại	35.000	18,26%	55,00%
54	Công ty TNHH Ô tô Quảng Nam	02/03/2020	4001202630	Dịch vụ thương mại	20.000	18,26%	100%
55	Công ty Cổ phần Ô tô Âu Việt	10/07/2020	0402052199	Dịch vụ thương mại	20.000	30,01%	65,00%
56	Công ty TNHH MTV DVTM đầu tư Ô tô Kiên Giang	14/10/2019	1702176976	Dịch vụ thương mại	25.000	36,51%	100%
57	Công ty Cổ phần Ô tô Trường Chinh	06/12/2022	0317596832	Dịch vụ thương mại	30.000	7,20%	51,00%
58	Công ty Cổ phần Savico Kỹ Nguyên Mới	10/02/2023	0601246174	Dịch vụ thương mại	20.000	33,33%	51,00%
59	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển SVC Miền Bắc	27/03/2023	0110299907	Dịch vụ thương mại	815.000	59,50%	91,03%
60	Công ty Cổ phần Carpla	03/04/2019	0108684098	Dịch vụ thương mại	500.000	66,88%	100,00%
61	Công ty Cổ phần G-Lynk	10/10/2023	0110503782	Dịch vụ thương mại	315.000	59,47%	99,96%
62	Công ty Cổ phần Phân phối xe thương mại Tasco	27/03/2024	0110663828	Dịch vụ thương mại	35.000	67,52%	70,00%
63	Công ty Cổ phần Ô tô	29/05/2018	4001147588	Dịch vụ thương mại	30.000	7,20%	51,00%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	Bến Thành Tây Ninh						
64	Công ty Cổ phần Ô tô Đồng Bình Dương	21/07/2023	3703141786	Dịch vụ thương mại	980	30,52%	65,00%
65	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	09/04/2011	0302751838	Dịch vụ thương mại	60.000	67,67%	100%
66	Công ty TNHH Đầu tư Savico	27/06/2016	0313881275	Kinh doanh bất động sản	160.000	52,17%	100%
67	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	31/03/2017	3901240299	Dịch vụ thương mại	40.000	13,85%	51,00%
68	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm	03/07/2023	0317913834	Dịch vụ thương mại	20.000	13,85%	51,00%
69	Công ty TNHH Phân phối ô tô Tasco	04/09/2024	0110828678	Dịch vụ thương mại	100.000	96,45%	100%
70	Công ty TNHH Sweden Auto	15/04/2016	0313761612	Dịch vụ thương mại	50.000	96,45%	100%
71	Công ty Cổ phần Giải pháp Ô tô	23/09/2024	0110842961	Dịch vụ thương mại	358.000	52,17%	100%
72	Công ty Cổ phần Ô tô Bình Thuận	19/06/2020	3401206807	Dịch vụ thương mại	25.000	11,00%	65,00%
73	Công ty TNHH MTV Premium EV	13/09/2024	0110835139	Dịch vụ thương mại	50.000	96,45%	100%
74	Công ty TNHH Toyota Tây Ninh	26/12/2023	3901343230	Dịch vụ thương mại	40.000	67,67%	100%
75	Công ty TNHH Kinh doanh ô tô Tasco	01/11/2024	0110878453	Dịch vụ thương mại	100.000	96,45%	100%
Năm 2025							
1	Công ty TNHH thu phí tự động VETC	08/07/2016	0107500414	Dịch vụ thu phí	277.917	99,35%	100%
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	07/08/2008	0600454929	Xây lắp	300.000	99,97%	99,97%
3	Công ty TNHH MTV Tasco 6	16/03/2009	0600542036	Hạ tầng giao thông	65.130	100%	100%
4	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	09/05/2013	3100959525	Hạ tầng giao thông	328.130	100%	100%
5	Công ty TNHH MTV	08/05/2015	0201632182	Hạ tầng giao thông	395.600	100%	100%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	Tasco Hải Phòng						
6	Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	15/12/2004	0301154821	Dịch vụ thương mại, bất động sản, dịch vụ tài chính	932.783	51,32%	54,09%
7	Công ty TNHH New Energy Holdings	22/06/2023	0110395745	Dịch vụ thương mại	879.800	93,58%	98,64%
8	Công ty Cổ phần ô tô Bắc Âu	12/11/2015	0313532348	Dịch vụ thương mại	60.000	51,83%	80,00%
9	Công ty TNHH ô tô Bắc Âu Sài Gòn	24/12/2021	0317098241	Dịch vụ thương mại	120.000	51,83%	100%
10	Công ty TNHH ô tô Bắc Âu Hà Nội	03/06/2016	0107460232	Dịch vụ thương mại	40.000	70,29%	100%
11	Công ty Cổ phần Dana	02/07/2007	0400259800	Dịch vụ thương mại	100.000	32,77%	59,83%
12	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	30/06/2000	0302030265	Dịch vụ thương mại	129.000	27,38%	53,18%
13	Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	09/07/2007	0305081349	Dịch vụ thương mại	30.000	29,43%	57,35%
14	Công ty Cổ phần Ô tô S	02/06/2014	0312801485	Dịch vụ thương mại	14.300	41,50%	80,86%
15	Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	08/06/2015	0313291741	Dịch vụ thương mại	40.000	51,26%	99,90%
16	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	19/06/2007	0102305191	Dịch vụ thương mại, bất động sản, dịch vụ tài chính	160.000	64,29%	99,90%
17	Công ty TNHH Toyota Giải Phóng	09/12/2008	0100773902	Dịch vụ thương mại	40.000	51,32%	100%
18	Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	03/01/2014	0401581979	Dịch vụ thương mại, Bất động sản	72.930	35,92%	70,00%
19	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	17/06/2014	0401610891	Bất động sản	98.000	50,44%	98,29%
20	Công ty cổ phần Tasco Auto Bắc Sài Gòn	21/06/2018	3801177156	Dịch vụ thương mại	40.000	47,50%	95,00%
21	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	18/04/2007	1800662639	Dịch vụ thương mại	79.000	32,84%	64,00%
22	Công ty cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	26/06/2014	1801343681	Dịch vụ thương mại	24.000	47,04%	92,08%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
23	Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	06/05/2015	1801395908	Dịch vụ thương mại	50.000	50,80%	99,00%
24	Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	13/12/2018	5801392333	Dịch vụ thương mại	25.000	29,25%	57,00%
25	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ô tô Đồng Hiệp	03/02/2020	1101940058	Dịch vụ thương mại	25.000	30,79%	60,00%
26	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	16/07/2014	3702287077	Dịch vụ thương mại	90.000	42,97%	94,00%
27	Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	21/08/2015	1801413586	Dịch vụ thương mại	40.000	35,92%	70,00%
28	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Savico Miền Nam	06/12/2022	0317596423	Kinh doanh bất động sản	12.630	50,29%	98,00%
29	Công ty Cổ phần Ô tô New Energy	02/02/2023	317663221	Dịch vụ thương mại	68.000	26,17%	51,00%
30	Công ty Cổ phần Bến Thành Ô tô	18/01/2010	0309708126	Dịch vụ thương mại	90.000	22,62%	77,20%
31	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Cần Thơ	28/06/2013	1801310132	Dịch vụ thương mại	45.000	25,40%	92,78%
32	Công ty TNHH FX Auto	21/07/2020	0316395058	Dịch vụ thương mại	20.538	15,43%	57,26%
33	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Tân Phú	28/10/2021	0317001517	Dịch vụ thương mại	25.000	19,76%	81,05%
34	Công ty TNHH Toyota Long Biên	20/07/2009	0104069006	Dịch vụ thương mại	30.000	64,29%	100%
35	Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Ô tô Hải Dương	16/10/2017	0801224562	Dịch vụ thương mại	20.000	32,79%	51,00%
36	Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	08/02/2010	0401337755	Dịch vụ thương mại	87.400	18,32%	51,00%
37	Công ty Cổ phần Ô tô Bình Định	11/07/2016	4101468352	Dịch vụ thương mại	15.000	37,29%	71,00%
38	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Ô tô	22/08/2018	0401920614	Dịch vụ thương mại	20.000	19,76%	55,00%
39	Công ty TNHH MTV Ô tô Gia Lai	10/06/2016	5901039192	Dịch vụ thương mại	15.000	18,32%	100%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
40	Công ty Cổ phần Ô tô Kon Tum	21/11/2017	6101237239	Dịch vụ thương mại	11.000	18,15%	99,10%
41	Công ty TNHH MTV Ô tô Sơn Trà	06/09/2018	0401922788	Dịch vụ thương mại	15.000	18,32%	100%
42	Công ty Cổ phần Ô tô Đại Thịnh	15/05/2019	0401976127	Dịch vụ thương mại	20.000	28,74%	80,00%
43	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Long An	08/04/2022	1102007831	Dịch vụ thương mại	30.000	33,87%	99,00%
44	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Tây Ninh	29/06/2020	3901300117	Dịch vụ thương mại	25.000	17,57%	72,40%
45	Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng	07/11/2017	0401863067	Dịch vụ thương mại	40.000	17,96%	55,00%
46	Công ty TNHH Ô tô Quảng Nam	02/03/2020	4001202630	Dịch vụ thương mại	20.000	17,96%	100%
47	Công ty Cổ phần Ô tô Âu Việt	10/07/2020	0402052199	Dịch vụ thương mại	20.000	29,52%	65,00%
48	Công ty TNHH MTV DVTM đầu tư Ô tô Kiên Giang	14/10/2019	1702176976	Dịch vụ thương mại	25.000	35,92%	100%
49	Công ty Cổ phần Savico Kỹ Nguyên Mới	10/02/2023	0601246174	Dịch vụ thương mại	20.000	64,29%	100%
50	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển SVC Miền Bắc	27/03/2023	0110299907	Dịch vụ thương mại	815.000	58,52%	91,03%
51	Công ty Cổ phần Carpla	03/04/2019	0108684098	Dịch vụ thương mại	500.000	65,79%	100%
52	Công ty Cổ phần G-Lynk	10/10/2023	0110503782	Dịch vụ thương mại	315.000	58,51%	99,98%
53	Công ty TNHH Đầu tư Savico	27/06/2016	0313881275	Kinh doanh bất động sản	160.000	51,32%	100%
54	Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	29/05/2018	4001147588	Dịch vụ thương mại	30.000	13,15%	58,14%
55	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	09/04/2011	0302751838	Dịch vụ thương mại	60.000	66,56%	100%
56	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	31/03/2017	3901240299	Dịch vụ thương mại	40.000	22,65%	71,00%
57	Công ty cổ phần Ô tô	19/06/2020	3401206807	Dịch vụ thương mại	25.000	16,80%	70,00%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	Bình Thuận						
58	Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tasco	27/03/2024	0110663828	Dịch vụ thương mại	200.000	94,87%	100%
59	Công ty TNHH Sweden Auto	15/04/2016	0313761612	Dịch vụ thương mại	100.000	94,87%	100%
60	Công ty TNHH Giải pháp Ô tô	23/09/2024	0110842961	Dịch vụ thương mại	358.000	51,32%	100%
61	Công ty TNHH MTV Premium EV	13/09/2024	0110835139	Dịch vụ thương mại	50.000	94,87%	100%
62	Công ty TNHH MTV Toyota Tây Ninh	26/12/2023	3901343230	Dịch vụ thương mại	40.000	66,56%	100%
63	Công ty TNHH Kinh doanh ô tô Tasco	01/11/2024	0110878453	Dịch vụ thương mại	1.020.000	64,13%	100%
64	Công ty TNHH Dịch vụ Ô tô Carpla	16/01/2025	0110938494	Dịch vụ thương mại	156.000	65,79%	100%
65	Công ty TNHH G-lynk Hà Nội	08/01/2025	0110930417	Dịch vụ thương mại	100.000	58,51%	100%
66	Công ty TNHH Stargo	01/04/2024	0110670007	Dịch vụ thương mại	380.000	64,41%	100%
67	Công ty TNHH Truyền thông Carpla	16/01/2025	0110938487	Dịch vụ thương mại	2.000	65,79%	100%
68	Công ty TNHH Carpla Service Đồng Nam Bộ	25/04/2025	3703323271	Dịch vụ thương mại	10.000	60,30%	100%
69	Công ty cổ phần Tasco Auto Đà Nẵng	01/10/2025	0402260199	Dịch vụ thương mại	160.000	89,34%	100%
70	Công ty cổ phần Tasco Auto Tây Sài Gòn	24/01/2025	0318821304	Dịch vụ thương mại	58.500	76,66%	97,50%
71	Công ty TNHH VETC Digital	04/02/2025	0110947989	Công nghệ thông tin	25.000	65,79%	100%
72	Công ty cổ phần Tasco Auto Sài Gòn	27/06/2016	0313881275	Dịch vụ thương mại	60.000	48,45%	86,00%
73	Công ty TNHH Ô tô thể thao Anh Quốc	07/02/2025	0110950445	Dịch vụ thương mại	50.000	94,87%	100%
74	Công ty cổ phần G-Lynk Hải Dương	04/04/2025	0801446283	Dịch vụ thương mại	10.000	24,59%	75,00%
75	Công ty TNHH MTV	03/04/2025	1602195573	Dịch vụ thương mại	10.000	32,84%	100%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	AG-25						
76	Công ty cổ phần Geely An Giang	15/04/2025	1602195894	Dịch vụ thương mại	8.000	24,63%	75,00%
77	Công ty TNHH Tasco Auto Miền Nam	06/08/2025	0319091315	Dịch vụ thương mại	35.000	94,87%	100%
78	Công ty TNHH Tasco Auto Cần Thơ	29/09/2025	1801806499	Dịch vụ thương mại	9.000	73,94%	100%
79	Công ty TNHH VETC RSA	09/07/2025	0111119321	Dịch vụ thương mại	10.000	65,79%	100%
80	Công ty TNHH Carpla Auto Parts	31/07/2025	0319071809	Dịch vụ thương mại	5.000	65,79%	100%
81	Công ty TNHH Tasco Auto Bình Thuận	13/10/2025	3401276466	Dịch vụ thương mại	2.200	71,26%	100%
82	Công ty TNHH Great Auto	07/09/2023	0318032349	Dịch vụ thương mại	60.000	94,87%	100%
83	Công ty cổ phần Sản xuất xe ô tô Tasco	26/11/2025	1001318647	Sản xuất xe có động cơ	1.012.491	94,78%	99,90%
84	Công ty cổ phần DNP Holding	2/1/2004	3600662561	Dịch vụ thương mại	1.409.748	57,23%	57,23%
85	Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai	13/02/2006	4000434893	Sản xuất và kinh doanh ống nước	45.000	56,85%	99,33%
86	Công ty cổ phần Tân Phú Việt Nam	24/01/2005	0303640880	Sản xuất và kinh doanh nhựa	628.863	30,15%	52,68%
87	Công ty cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	26/04/2017	2400813885	Đầu tư ngành nước	2.542.356	29,27%	51,15%
88	Công ty cổ phần CMC	20/04/2006	2600106523	Sản xuất, kinh doanh gạch	366.909	29,27%	51,14%
89	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại DNP	16/06/2025	3502549374	Sản xuất và kinh doanh nhựa	510.900	42,92%	100%
90	Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Bắc Giang	18/08/2016	2400799373	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	450.510	27,20%	100%
91	Công ty cổ phần Sản xuất Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	1/9/2015	0106973513	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	79.200	25,99%	89,24%
92	Công ty cổ phần Bình Hiệp	24/12/2004	3400411352	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	100.000	25,73%	97,04%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
93	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	1/9/2010	3400164953	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	79.729	16,76%	57,26%
94	Công ty cổ phần Nhà máy Nước Đồng Tâm	9/2/2007	1200648505	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	389.230	15,42%	52,68%
95	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh	27/06/2006	3900243762	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	105.768	15,42%	52,68%
96	Công ty cổ phần Quản lý và Vận hành hệ thống nước sạch	06/04/2016	1201522142	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	485	16,59%	59,47%
97	Công ty cổ phần Đầu tư nước Bình An	12/10/2016	3401135916	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	15.000	29,26%	99,97%
98	Công ty cổ phần DNP Hawaco	8/8/2019	0108859703	Kinh doanh vật tư ngành nước	74.000	23,08%	99,93%
99	Công ty cổ phần DNP Hawaco Miền Nam	15/07/2020	0316388195	Kinh doanh vật tư ngành cơ điện	12.500	28,43%	50,00%
100	Công ty cổ phần Đô thị Ninh Hòa	7/1/2005	4200442852	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	41.394	28,14%	99,00%
101	Công ty TNHH Kiểm định Đo lường Ninh Hòa	15/08/2018	4201807136	Vật tư ngành nước	500	15,08%	100%
102	Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô thị Ninh Hòa	20/11/2015	4201667094	Thương mại dịch vụ sản xuất	3.500	15,08%	100%
103	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước	30/12/2008	3800228182	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	232.326	15,08%	100%
104	Công ty TNHH Nước thô DNP - Sông Tiền	4/9/2022	1201660914	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	220.000	24,64%	84,32%
105	Công ty cổ phần Thiết bị và Công nghệ Eco Việt Nam	3/14/2016	0107353671	Giải pháp và hạ tầng ngành nước	10.000	27,02%	99,99%
106	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT	2/8/2021	2601064731	Hoạt động dịch vụ tài chính	700.100	19,89%	70,00%
107	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thành	7/26/2018	4201803822	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	80.000	29,26%	99,99%
108	Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	21/09/2004	0303476454	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	645.221	16,10%	55,00%
109	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	15/06/2015	0313303884	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	630.000	14,81%	50,61%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
110	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	19/11/1998	5900189614	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	180.000	14,81%	100%
111	Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn - Đan Kìa	16/06/2010	5800916256	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	100.000	7,55%	51,00%
112	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Công nghiệp PT	19/01/2024	2601101292	Bất động sản và Quyền sử dụng đất	150.000	13,34%	90,00%
113	Viện Khoa học và Công nghệ nước	20/11/2023	0110547130	Nghiên cứu và triển khai dự án nước	700	29,27%	100%
114	Công ty cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	09/06/2016	5901039114	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	90.000	22,74%	80,00%
115	Công ty TNHH Giải pháp Ngành nước S&D	10/09/2025	0111212842	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	5.000	11,46%	77,33%
116	Công ty cổ phần Năng lượng Tasco	23/12/2024	0318788791	Sản xuất điện	46.660	29,26%	100%
6 tháng đầu năm 2026							
1	Công ty TNHH thu phí tự động VETC	08/07/2016	0107500414	Dịch vụ thu phí	277.917	99,35%	100%
2	Công ty CP Tasco Nam Thái	07/08/2008	0600454929	Xây lắp	300.000	99,97%	99,97%
3	Công ty TNHH MTV Tasco 6	16/03/2009	0600542036	Hạ tầng giao thông	65.130	100,00%	100,00 %
4	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	08/05/2015	0201632182	Hạ tầng giao thông	395.600	100,00%	100,00 %
5	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	09/05/2013	3100959525	Hạ tầng giao thông	328.130	100,00%	100,00 %
6	Công ty TNHH VETC Digital	04/02/2025	0110947989	Dịch vụ thương mại	25.000	65,79%	100,00 %
7	Công ty TNHH ô tô Bắc Âu Sài Gòn	24/12/2021	0317098241	Dịch vụ thương mại	120.000	52,60%	100,00 %
8	Công ty TNHH ô tô Bắc Âu Hà Nội	03/06/2016	0107460232	Dịch vụ thương mại	40.000	70,58%	100,00 %
9	Công ty CP ô tô Bắc Âu	12/11/2015	0313532348	Dịch vụ thương mại	60.000	52,60%	80,00%
10	Công ty CP Dana	02/07/2007	0400259800	Dịch vụ thương mại	100.000	32,77%	59,83%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
11	Công ty TNHH New Energy Holdings	22/06/2023	0110395745	Dịch vụ thương mại	879.800	93,58%	98,64%
12	Công ty CP dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	15/12/2004	0301154821	Dịch vụ thương mại, BĐS, dịch vụ tài chính	932.783	51,32%	54,09%
13	Công ty CP Ô tô Sông Hàn	08/02/2010	0401337755	Dịch vụ thương mại	87.400	18,32%	51,00%
14	Công ty CP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	30/06/2000	0302030265	Dịch vụ thương mại	129.000	32,49%	63,14%
15	Công ty CP Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	31/03/2017	3901240299	Dịch vụ thương mại	40.000	25,75%	71,00%
16	Công ty CP Savico Hà Nội	19/06/2007	0102305191	Kinh doanh bất động sản	160.000	64,29%	99,90%
17	Công ty CP Savico Kỳ Nguyên Mới	10/02/2023	0601246174	Dịch vụ thương mại	20.000	64,29%	100,00 %
18	Công ty CP Savico Đà Nẵng	03/01/2014	0401581979	Kinh doanh bất động sản	72.930	35,92%	70,00%
19	Công ty CP Ô tô Kon Tum	21/11/2017	6101237239	Dịch vụ thương mại	11.000	18,15%	99,09%
20	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	18/04/2007	1800662639	Dịch vụ thương mại	79.000	32,84%	64,00%
21	Công ty CP Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	08/06/2015	0313291741	Dịch vụ thương mại	40.000	51,26%	99,90%
22	Công ty TNHH MTV Ô tô Gia Lai	10/06/2016	5901039192	Dịch vụ thương mại	15.000	18,32%	100,00 %
23	Công ty CP Ô tô Nam Sông Hậu	06/05/2015	1801395908	Dịch vụ thương mại	50.000	50,80%	99,00%
24	Công ty TNHH Đầu tư Savico	27/06/2016	0313881275	Kinh doanh bất động sản	160.000	51,32%	100,00 %
25	Công ty TNHH Toyota Long Biên	20/07/2009	0104069006	Dịch vụ thương mại	30.000	64,29%	100,00 %
26	Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	21/08/2015	1801413586	Dịch vụ thương mại	40.000	35,92%	70,00%
27	Công ty TNHH FX Auto	21/07/2020	0316395058	Dịch vụ thương mại	20.538	18,28%	57,26%
28	Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	09/07/2007	0305081349	Dịch vụ thương mại	30.000	29,43%	57,35%
29	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	26/06/2014	1801343681	Dịch vụ thương mại	24.000	47,04%	92,08%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
30	Công ty CP Tasco Auto Bắc Sài Gòn	21/06/2018	3801177156	Dịch vụ thương mại	128.000	80,11%	98,44%
31	Công ty CP Tasco Auto Sài Gòn	27/06/2016	0313881275	Dịch vụ thương mại	60.000	77,85%	86,00%
32	Công ty Cổ phần OtoS	02/06/2014	0312801485	Dịch vụ thương mại	14.300	41,50%	80,86%
33	Công ty CP Đầu tư Phát triển Savico Miền Nam	06/12/2022	0317596423	Kinh doanh bất động sản	12.630	50,29%	98,00%
34	Công ty TNHH Ô tô Quảng Nam	02/03/2020	4001202630	Dịch vụ thương mại	20.000	17,96%	100,00 %
35	Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	13/12/2018	5801392333	Dịch vụ thương mại	25.000	29,25%	57,00%
36	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Long An	08/04/2022	1102007831	Dịch vụ thương mại	30.000	36,01%	99,00%
37	Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Ô tô Hải Dương	16/10/2017	0801224562	Dịch vụ thương mại	20.000	32,79%	51,00%
38	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Tây Ninh	29/06/2020	3901300117	Dịch vụ thương mại	25.000	20,56%	72,40%
39	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Tân Phú	28/10/2021	0317001517	Dịch vụ thương mại	25.000	23,15%	81,05%
40	Công ty TNHH MTV Ô tô Sơn Trà	06/09/2018	0401922788	Dịch vụ thương mại	15.000	18,32%	100,00 %
41	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Cần Thơ	28/06/2013	1801310132	Dịch vụ thương mại	45.000	30,14%	92,78%
42	Công ty Cổ phần Carpla	03/04/2019	0108684098	Dịch vụ thương mại	500.000	65,79%	100,00 %
43	Công ty TNHH Truyền thông Carpla	16/01/2025	0110938487	Dịch vụ thương mại	2.000	65,79%	100,00 %
44	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	17/06/2014	0401610891	Bất động sản	98.000	50,44%	98,29%
45	Công ty Cổ phần Ô tô Đại Thịnh	15/05/2019	0401976127	Dịch vụ thương mại	20.000	28,74%	80,00%
46	Công ty Cổ phần Bến Thành Ô tô	18/01/2010	0309708126	Dịch vụ thương mại	90.000	26,25%	77,20%
47	Công ty TNHH Tasco	11/07/2016	4101468352	Dịch vụ thương mại	15.000	37,29%	71,00%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	Auto Gia Lai						
48	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển SVC Miền Bắc	27/03/2023	0110299907	Dịch vụ thương mại	815.000	58,52%	91,03%
49	Công ty TNHH MTV DVTM đầu tư Ô tô Kiên Giang	14/10/2019	1702176976	Dịch vụ thương mại	25.000	35,92%	100,00 %
50	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	09/04/2011	0302751838	Dịch vụ thương mại	180.000	66,56%	100,00 %
51	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Ô tô	22/08/2018	0401920614	Dịch vụ thương mại	20.000	19,76%	55,00%
52	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	16/07/2014	3702287077	Dịch vụ thương mại	90.000	43,85%	94,00%
53	Công ty Cổ phần Ô tô Âu Việt	10/07/2020	0402052199	Dịch vụ thương mại	20.000	29,52%	65,00%
54	Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng	07/11/2017	0401863067	Dịch vụ thương mại	40.000	17,96%	55,00%
55	Công ty TNHH Toyota Giải Phóng	09/12/2008	0100773902	Dịch vụ thương mại	40.000	51,32%	100,00 %
56	Công ty CP Ô tô Bến Thành Tây Ninh	29/05/2018	4001147588	Dịch vụ thương mại	30.000	15,26%	58,14%
57	Công ty TNHH GreenLynk Automotives	3/7/2023	0317913834	Dịch vụ thương mại	300.000	56,73%	89,33%
58	Công ty cổ phần Ô tô Bình Thuận	19/06/2020	3401206807	Dịch vụ thương mại	25.000	19,37%	70,00%
59	Công Ty TNHH MTV Toyota Tây Ninh	26/12/2023	3901343230	Dịch vụ thương mại	40.000	66,56%	100,00 %
60	Công ty Cổ phần Giải pháp Ô tô	23/09/2024	0110842961	Dịch vụ thương mại	358.000	51,32%	100,00 %
61	Công ty TNHH Sweden Auto	15/04/2016	0313761612	Dịch vụ thương mại	100.000	94,87%	100,00 %
62	Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tasco	27/03/2024	0110663828	Dịch vụ thương mại	434.000	78,38%	100,00 %
63	Công ty TNHH Kinh doanh Ô tô Tasco	01/11/2024	0110878453	Dịch vụ thương mại	1.020.000	64,13%	100,00 %
64	Công ty TNHH	13/09/2024	0110835139	Dịch vụ thương mại	50.000	94,87%	100,00

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	Premium EV						%
65	Công ty TNHH Tasco Auto Đà Nẵng	01/10/2025	0402260199	Dịch vụ thương mại	160.000	89,28%	99,81%
66	Công ty TNHH Dịch vụ Ô tô Carpla	16/01/2025	0110938494	Dịch vụ thương mại	156.000	65,79%	100,00 %
67	Công ty TNHH Stargo	01/04/2024	0110670007	Dịch vụ thương mại	580.000	64,41%	100,00 %
68	Công ty Cổ phần Tasco Auto Tây Sài Gòn	24/01/2025	0318821304	Dịch vụ thương mại	94.500	85,41%	100,00 %
69	Công ty Cổ phần G-Lynk Hải Dương	04/04/2025	0801446283	Dịch vụ thương mại	10.000	24,59%	75,00%
70	Công ty TNHH Ô tô Thể thao Anh Quốc	07/02/2025	0110950445	Dịch vụ thương mại	50.000	94,87%	100,00 %
71	Công ty TNHH MTV AG-25	03/04/2025	1602195573	Dịch vụ thương mại	6.000	32,84%	100,00 %
72	CT TNHH Carpla Service Đông Nam Bộ	25/04/2025	3703323271	Dịch vụ thương mại	10.000	70,08%	100,00 %
73	Công ty TNHH Tasco Auto Miền Nam	06/08/2025	0319091315	Dịch vụ thương mại	224.640	94,87%	100,00 %
74	Công ty TNHH Tasco Auto Cần Thơ	29/09/2025	1801806499	Dịch vụ thương mại	39.000	83,34%	100,00 %
75	Công ty TNHH VETC RSA	09/07/2025	0111119321	Dịch vụ thương mại	10.000	65,79%	100,00 %
76	Công ty TNHH Carpla Auto Parts	31/07/2025	0319071809	Dịch vụ thương mại	50.000	65,79%	100,00 %
77	Công ty CP DNP Holding	2/1/2004	3600662561	Dịch vụ thương mại	1.409.748	57,20%	57,20%
78	Công ty CP Nhựa Đồng Nai	13/02/2006	4000434893	Sản xuất và kinh doanh ống nước	45.000	56,82%	99,33%
79	Công ty CP Tân Phú Việt Nam	24/01/2005	0303640880	SX KD nhựa công nghiệp	628.863	30,16%	52,73%
80	Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP	26/04/2017	2400813885	Đầu tư	2.542.356	29,26%	51,15%
81	Công ty CP CMC	20/04/2006	2600106523	SX, KD và phân phối gạch men	366.909	29,25%	51,14%
82	Công ty TNHH ĐT Hạ tầng nước DNP -	18/08/2016	2400799373	Sản xuất và kinh doanh	450.510	27,19%	100,00

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	Bắc Giang			nước sạch			%
83	Công ty CP SX KD nước sạch số 3 Hà Nội	1/9/2015	0106973513	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	79.200	25,98%	89,24%
84	Công ty CP Bình Hiệp	24/12/2004	3400411352	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	100.000	25,71%	97,04%
85	Công ty CP Cấp thoát nước Bình Thuận	1/9/2010	3400164953	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	79.729	16,75%	57,26%
86	Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	9/2/2007	1200648505	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	389.230	15,41%	52,68%
87	Công ty CP Cấp thoát nước Tây Ninh	27/06/2006	3900243762	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	105.768	16,58%	59,47%
88	Công ty CP QL và VH hệ thống nước sạch	06/04/2016	1201522142	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	485	29,25%	99,97%
89	Công ty CP Đầu tư nước Bình An	12/10/2016	3401135916	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	15.000	23,07%	99,93%
90	Công ty CP DNP Hawaco	8/8/2019	0108859703	Kinh doanh vật tư ngành nước	74.000	28,41%	50,00%
91	Công ty CP DNP Hawaco Miền Nam	15/07/2020	0316388195	Cung cấp vật tư thiết bị cơ điện	12.500	28,12%	99,00%
92	Công ty CP Đô thị Ninh Hòa	7/1/2005	4200442852	SX KD nước sạch, dịch vụ công ích	41.394	15,07%	51,51%
93	Công ty TNHH Kiểm định Đo lường Ninh Hòa	15/08/2018	4201807136	Kiểm tra và phân tích đồng hồ đo nước	500	15,07%	100,00 %
94	Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô thị Ninh Hòa	20/11/2015	4201667094	Thương mại dịch vụ và lắp ráp, sản xuất	3.500	15,07%	100,00 %
95	Công ty CP Cấp thoát nước Bình Phước	30/12/2008	3800228182	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	232.680	24,67%	84,32%
96	Công ty TNHH Nước thô DNP - Sông Tiền	4/9/2022	1201660914	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	220.000	27,01%	99,99%
97	Công ty CP Thiết bị và Công nghệ Eco Việt Nam	3/14/2016	0107353671	Cung cấp vật tư xử lý nước cấp, nước thải	10.000	19,89%	70,00%
98	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT	2/8/2021	2601064731	Hoạt động dịch vụ tài chính	700.100	29,25%	99,99%
99	Công ty CP ĐT XD Cấp thoát nước Sơn Thành	7/26/2018	4201803822	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	80.000	16,09%	55,00%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
100	Công ty CP Hạ Tầng nước Sài Gòn	21/09/2004	0303476454	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	645.221	14,81%	50,61%
101	Công ty CP Cấp thoát nước Củ Chi	15/06/2015	0313303884	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	630.000	14,81%	100,00 %
102	Công ty CP Cấp thoát nước Gia Lai	19/11/1998	5900189614	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	180.000	07,55%	51,00%
103	Công ty CP Cấp nước Sài Gòn Đan kìa	16/06/2010	5800916256	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	100.000	13,33%	90,00%
104	Công ty CP Nước Sài Gòn- An Khê	09/06/2016	5901039114	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	90.000	11,45%	77,33%
105	Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco	22/04/2026	0111474213	Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	250.000	100,00%	100,00 %
106	Viện khoa học và công nghệ nước	20/11/2023	0110547130	Nghiên cứu khoa học cấp thoát , xử lý nước	700	22,73%	80,00%
107	Công ty CP Năng lượng Tasco	23/12/2024	0318788791	Cho thuê máy móc, thiết bị	46.660	14,89%	50,90%
108	Công ty CP sản xuất và thương mại DNP	16/06/2025	3502549374	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm từ nhựa	510.900	42,90%	100,00 %
109	Công ty TNHH Tasco Auto Bình Thuận	13/10/2025	3401276466	Dịch vụ thương mại	22.000	74,67%	100,00 %
110	Công ty TNHH Great Auto	07/09/2023	0318032349	Dịch vụ thương mại	60.000	94,87%	100,00 %
111	Công ty TNHH xe tải điện Tasco	20/05/2026	0111506835	Dịch vụ thương mại	30.000	100,00%	100,00 %
112	Công ty Cổ phần Sản xuất xe ô tô Tasco	26/11/2025	1001318647	Sản xuất	1.012.491	94,78%	99,90%
113	Công ty CP Vectra Energy	21/05/2026	0319561264	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	8.000	100%	14,09%
114	Công ty TNHH Tasco Smartcharge	11/05/2026	0319543233	Lắp đặt hệ thống điện	5.000	51%	7,60%
115	Công ty TNHH Tasco Finance	22/05/2026	0111510334	Hỗ trợ dịch vụ tài chính	50.000	99%	99%
116	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xe tải điện Tasco	20/05/2026	0111506440	Dịch vụ thương mại	30.000	100,00%	100,00 %

Nguồn: CTCP Tasco

5.2.2. Công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Năm 2024							
1	Công ty Cổ phần NVT Holdings	17/03/2022	0109935146	Kinh doanh bất động sản	1.336.200	50,00%	50,00%
2	Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	26/05/2015	2600940457	Hạ tầng giao thông	230.000	30,00%	30,00%
3	Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	03/11/2003	0303091197	Dịch vụ thương mại	200.000	15,81%	30,30%
4	Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	18/09/2017	3401155091	Dịch vụ thương mại	12.000	8,15%	30,00%
5	Công ty TNHH Savico Quảng Nam	29/06/2018	0315137858	Dịch vụ thương mại	13.000	18,26%	50,00%
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	18/12/2018	0315441978	Dịch vụ thương mại	35.000	9,50%	35,00%
7	Công ty Cổ phần GreenLynk Automotives	20/12/2023	0110578435	Dịch vụ thương mại	50.000	18,93%	36,00%
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Tri thức Tương Lai	27/06/2016	0313881275	Kinh doanh bất động sản và giáo dục	80.000	24,59%	47,13%
Năm 2025							
1	Công ty Cổ phần NVT Holdings	17/03/2022	0109935146	Kinh doanh bất động sản	1.336.200	20,00%	50,00%
2	Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	26/05/2015	2600940457	Hạ tầng giao thông	230.000	30,00%	30,00%
3	Công ty TNHH Savico Quảng Nam	29/06/2018	0315137858	Dịch vụ thương mại	13.000	18,26%	50,00%
4	Công ty Cổ phần GreenLynk Automotives	20/12/2023	0110578435	Dịch vụ thương mại	50.000	18,93%	36,00%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Tri thức Tương Lai	27/06/2016	0313881275	Kinh doanh bất động sản và giáo dục	80.000	24,59%	47,13%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
6	Công ty TNHH Cấp thoát nước Dương Xanh	18/03/2009	3400722735	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	2.999	4,19%	25,01%
7	Công ty cổ phần Nước và Môi trường Đồng Hải	05/05/2009	3400753081	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	10.000	4,19%	25,00%
8	Công ty cổ phần Kỹ thuật Hạ tầng Meta	31/07/2020	0109280323	Dịch vụ thương mại	12.500	6,97%	24,50%
9	Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang	29/08/1998	2400126106	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	181.494	7,10%	24,99%
10	Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn - Pleiku	03/12/2009	5900660255	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	90.000	7,26%	49,00%
11	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ TKT Land	22/06/2022	0110038091	Bất động sản	10.507	40,10%	40,10%
6 tháng đầu năm 2026							
1	Công ty Cổ phần NVT Holdings	17/03/2022	0109935146	Kinh doanh bất động sản	1.336.200	20,00%	50,00%
2	Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	26/05/2015	2600940457	Hạ tầng giao thông	230.000	30,00%	30,00%
3	Công ty TNHH Savico Quảng Nam	29/06/2018	0315137858	Dịch vụ thương mại	13.000	17,96%	50,00%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Tri thức Tương Lai	27/06/2016	0313881275	Kinh doanh bất động sản và giáo dục	80.000	24,18%	47,13%
5	Công ty TNHH Cấp thoát nước Dương Xanh	18/03/2009	3400722735	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	2.999	4,19%	25,01%
6	Công ty cổ phần Nước và Môi trường Đồng Hải	05/05/2009	3400753081	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	10.000	4,19%	25,00%
7	Công ty cổ phần Kỹ thuật Hạ tầng Meta	31/07/2020	0109280323	Dịch vụ thương mại	12.500	6,97%	24,50%
8	Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang	29/08/1998	2400126106	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	181.494	7,10%	24,99%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy phép thành lập & hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
9	Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn - Pleiku	03/12/2009	5900660255	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	90.000	7,26%	49,00%
10	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ TKT Land	22/06/2022	0110038091	Bất động sản	10.507	40,10%	40,10%
11	Công ty Cổ phần Tasco Headway Logistics	02/02/2026	0319395553	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	30.000	38,03%	50,00%
12	Công ty CP Giải pháp ngành nước S&D	10/09/2025	0111212842	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	10.000	14,64%	50,00%
13	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Nam Auto	18/03/2021	0316756628	Dịch vụ thương mại	30.000	7,81%	38,00%

Nguồn: CTCP Tasco

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Từ khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần đến nay, CTCP Tasco đã thực hiện 20 đợt tăng vốn, vốn hiện tại của Công ty là 10.682.855.810.000 đồng. Quá trình tăng vốn được thể hiện chi tiết trong bảng dưới đây:

Bảng 4: Quá trình tăng/giảm vốn điều lệ của Công ty

Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng/giảm (tính theo mệnh giá)	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ quan chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
Thời điểm cổ phần hóa Tháng 06/2000	7.000.000.000	7.000.000.000		Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Không có
Lần 1 Tháng 04/2003	3.000.000.000	10.000.000.000	Phát hành 300.000 cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Không có

Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng/giảm (tính theo mệnh giá)	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ quan chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
Lần 2 Tháng 11/2003	6.000.000.000	16.000.000.000	- Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu - Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu - Phát hành cổ phiếu cho CBCNV	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Không có
Lần 3 Tháng 08/2007	39.000.000.000	55.000.000.000	- Phát hành 263.458 cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu - Phát hành 1.586.564 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu - Phát hành 999.978 cổ phiếu cho CBCNV với giá phát hành 12.000 đồng/cổ phiếu - Phát hành 1.050.000 cổ phiếu riêng lẻ cho những người ứng vốn cho dự án xử lý rác thải TP. HCM, cổ đông chiến lược và CBCNV với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Không có
Lần 4 Tháng 12/2009	80.000.000.000	135.000.000.000	- Phát hành 5.500.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Không có

Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng/giảm (tính theo mệnh giá)	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ quan chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
			phiếu - Phát hành 2.225.000 cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược với giá phát hành 13.500 đồng/cổ phiếu - Phát hành 275.000 cổ phiếu cho CBCNV với giá phát hành 12.000 đồng/cổ phiếu		
Lần 5 Tháng 03/2010	214.976.000.000	349.976.000.000	- Phát hành 13.500.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu; - Phát hành 4.100.000 cổ phiếu ra công chúng theo hình thức đấu giá - Phát hành 3.225.000 cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược với giá phát hành 14.000 đồng/cổ phiếu - Phát hành 675.000 cổ phiếu cho CBCNV với giá phát hành 12.000 đồng/cổ phiếu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Không có
Lần 6 Tháng 06/2013	69.994.710.000	419.970.710.000	- Phát hành 2.799.808 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2012 theo tỷ lệ 100:8 - Phát hành 4.199.712 cổ phiếu để trả cổ tức năm	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Không có

Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng/giảm (tính theo mệnh giá)	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ quan chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
			2011 theo tỷ lệ 100:12		
Lần 7 Tháng 06/2013	226.504.200.000	646.474.910.000	Phát hành 22.650.420 cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi với giá phát hành 7.020 đồng/cổ phiếu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Không có
Lần 8 Tháng 04/2014	200.000.000.000	846.474.910.000	Phát hành 20.000.000 cổ phiếu riêng lẻ với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Không có
Lần 9 Tháng 12/2014	100.000.000.000	946.474.910.000	Phát hành 10.000.000 cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Không có
Lần 10 Tháng 04/2015	200.000.000.000	1.146.474.910.000	Phát hành 20.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Không có
Lần 11 Tháng 06/2015	137.572.420.000	1.284.047.330.000	Phát hành 13.757.242 cổ phiếu để trả cổ tức theo tỷ lệ 100:12	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Không có
Lần 12 Tháng 06/2016	400.126.830.000	1.684.174.160.000	Phát hành 40.012.683 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Không có

Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng/giảm (tính theo mệnh giá)	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ quan chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
Lần 13 Tháng 09/2016	79.120.000.000	1.763.294.160.000	Phát hành 7.912.000 cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Không có
Lần 14 Tháng 06/2017	141.054.970.000	1.904.349.130.000	Phát hành 14.105.497 cổ phiếu để trả cổ tức theo tỷ lệ 100:8	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Không có
Lần 15 Tháng 08/2017	500.000.000.000	2.404.349.130.000	Phát hành 50.000.000 cổ phiếu riêng lẻ với giá phát hành 10.500 đồng/cổ phiếu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tasco từ đợt phát hành 50.000.000 cổ phiếu riêng lẻ và hoàn thành đợt chào bán ngày 21/08/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như mô tả tại Mục số 3 của Báo cáo.

Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng/giảm (tính theo mệnh giá)	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ quan chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
Lần 16 Tháng 09/2017	106.240.000.000	2.510.589.130.000	Phát hành 10.624.000 cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi với giá phát hành với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Không có
Lần 17 Tháng 12/2018	175.730.520.000	2.686.319.650.000	Phát hành 17.573.052 cổ phiếu để trả cổ tức theo tỷ lệ 100:8	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Không có
Lần 18 Tháng 12/2021	800.000.000.000	3.486.319.650.000	Phát hành 80.000.000 cổ phiếu riêng lẻ với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn của chủ sở hữu của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập để giúp Công ty đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý nhà nước. Vì thế, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.

Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng/giảm (tính theo mệnh giá)	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ quan chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
Lần 19 Tháng 9/2023	5.438.800.000.000	8.925.119.650.000	Phát hành 543.880.000 cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Không có
Lần 20 Tháng 9/2025	1.757.736.160.000	10.682.855.810.000	Phát hành 175.773.616 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành 175.773.616 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ ngày 07 tháng 9 năm 2025 đến ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Công ty cổ phần Tasco, phù hợp với các cơ sở kế toán liên quan đến việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn được trình bày tại Thuyết minh số II.1 của Bản thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn. Không phù nhận ý kiến nêu trên; chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo đến Thuyết minh II.3 của Bản thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn về việc Báo cáo này chỉ nhằm mục đích báo cáo chi

Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng/giảm (tính theo mệnh giá)	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ quan chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
					Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

Nguồn: CTCP Tasco

- Công ty không có đợt giảm vốn điều lệ.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Từ năm 2024 đến nay, Công ty không có các khoản góp vốn có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm thực hiện.

Từ năm 2024 đến nay, Công ty không có các khoản thoái vốn có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm thực hiện.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 5: Cơ cấu Cổ đông của Công ty

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	14.820	1.055.513.050	98,80%
1	Tổ chức	24	334.539.904	31,32%
2	Cá nhân	14.796	720.973.146	67,49%
II	Cổ đông nước ngoài	81	12.772.531	1,20%
1	Tổ chức	57	12.520.063	1,17%
-	Trong đó: Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ	0	0	0,00%

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
	trên 50% vốn điều lệ			
2	Cá nhân	24	252.468	0,02%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00%
	Tổng cộng	14.901	1.068.285.581	100,00%

Nguồn: Tổng hợp từ Danh sách Cổ đông của Công ty Cổ phần Tasco tại ngày 18/03/2026 do VSDC cung cấp

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Ngoài các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành nói trên, tính đến thời điểm ký bản cáo bạch này, Công ty đã phát hành và đang lưu hành 500.000 triệu đồng trái phiếu riêng lẻ theo mệnh giá.

Thông tin chi tiết về các trái phiếu đang lưu hành của HUT tại thời điểm ký bản cáo bạch này như sau:

STT	Mô tả công nợ	Năm phát hành	Hình thức phát hành	Giá trị phát hành (triệu VND)	Dư nợ (triệu VND)	Loại trái phiếu	Lãi suất năm đầu tiên	Lãi suất các năm sau	Kỳ hạn
1	Trái phiếu HUT32401	2024	Riêng lẻ	500.000	500.000	Trái phiếu doanh nghiệp	10,5%	Bảng tổng của Lãi Suất Tham Chiếu cộng biên độ 4%/năm nhưng trong mọi trường hợp không thấp hơn 10,5%/năm	03 năm

Nguồn: CTCP Tasco

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

9.1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài tại Công ty tuân theo Luật Đầu tư năm 2020, các Nghị định hướng dẫn thi hành và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Theo Văn bản số 2235/UBCK-PTTT ngày 06/06/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Tasco là 49%.

9.2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có)

Không quy định.

9.3. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại

Theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài do VSDC công bố ngày 05/05/2026, số lượng cổ phiếu HUT do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là 23.933.099 cổ phiếu, chiếm 2,24% vốn Điều lệ Công ty.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

❖ Các sản phẩm và dịch vụ chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Tasco bao gồm: i) Hạ tầng giao thông (phân phối ô tô tại Tasco Auto và Carpla, dịch vụ thu phí thông minh (VETC) + Dịch vụ tài chính (Tasco Finance); ii) Bảo hiểm (Tasco Insurance); iii) Đầu tư (Tasco Investment: dịch vụ thiết yếu, bao gồm nước, y tế, dược phẩm, tiêu dùng, chuyển đổi xanh và đổi mới sáng tạo).

(i) Hạ tầng giao thông - Hoàn thiện nền tảng, sẵn sàng cho tầm nhìn dài hạn

Mảng hạ tầng giao thông, bao gồm Tasco Auto, VETC, Carpla và các dịch vụ tài chính ngân hàng liên quan, tiếp tục là trụ cột tăng trưởng của Tasco.

a) Tasco Auto: mảng nhập khẩu phân phối, bán lẻ ô tô

Năm 2023, Tasco đã hoàn thành tăng vốn để sở hữu 100% Tasco Auto, đơn vị sở hữu 54,08% cổ phần Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn, tính đến cuối năm 2025 đang chiếm khoảng 14,2% thị phần phân phối xe ô tô mới (theo VAMA).

Tasco Auto hiện đang là đại lý phân phối 16 thương hiệu xe ô tô, là nhà nhập khẩu và phân phối chuỗi Volvo, là nhà phân phối hàng đầu của các thương hiệu lớn như Toyota, Ford, Mitsubishi,... thông qua hệ thống 150 showroom trên cả nước.

Với định hướng phát triển theo chiều dọc, hướng lên thượng nguồn, Tasco và Tasco Auto đã có những sự kiện đánh dấu mốc quan trọng trong năm 2024 - 2026. Cụ thể:

- Tháng 08/2024, Mitsui & Co – một trong những Tập đoàn thương mại và đầu tư hàng đầu Nhật Bản, có mặt tại 60 quốc gia, chính thức trở thành cổ đông chiến lược của Tasco Auto. Quan hệ hợp tác giữa Tasco và Mitsui tại Tasco Auto được xem là bước tiến quan trọng giúp Tasco hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược của Công ty.
- Tháng 09/2024, Tasco và Geely Auto Group đã ký kết Hợp đồng liên doanh lắp ráp và phân phối xe ô tô tại Việt Nam. Đây là sự kiện quan trọng, tiếp tục thắt chặt quan hệ giữa Geely và Tasco, từng bước hiện thực hóa mục tiêu tiến lên thượng nguồn ngành ô tô mà Tasco đang theo đuổi. Geely được biết đến là nhà sản xuất ô tô Top 7 thế giới, công ty mẹ của Volvo -

hãng xe an toàn nhất thế giới, Lotus - hãng siêu xe giá trị nhất nước Anh, Polestar (Thụy Điển) - thương hiệu xe điện hiệu suất cao & sang trọng. Geely cũng đồng thời là cổ đông lớn của hàng loạt thương hiệu danh tiếng toàn cầu như: Mercedes Benz, Aston Martin, liên doanh xe Smart cùng Mercedes Benz. Geely có đội ngũ 30.000 nhân sự R&D và các trung tâm R&D tại Gothenburg (Thụy Điển), Coventry (UK), Frankfurt (Đức), Hàng Châu, Ninh Ba (Trung Quốc). Với lợi thế sở hữu gần 32.000 bằng sáng chế và dải sản phẩm đa dạng, chất lượng xe của Geely được khẳng định trên toàn cầu. Doanh số bán xe trên toàn cầu của Geely tiếp tục tăng trưởng trong năm 2025, đạt 4,12 triệu xe (+26% so với cùng kỳ), sản lượng xe năng lượng mới tăng trưởng 90%, xuất khẩu mở rộng thêm 13 thị trường mới (Anh, Ý, Brazil...), nâng tổng số quốc gia hiện diện lên 88 nước, với 1.200 đại lý toàn cầu. Năm 2025 cũng đánh dấu năm thứ 5 liên tiếp Geely tăng trưởng nhanh vượt bậc, củng cố vị thế là một trong những tập đoàn ô tô phát triển nhanh nhất thế giới.

- Với tốc độ triển khai quyết liệt, Công ty đã hoàn thành phần hạ tầng phân phối quan trọng của 2 thương hiệu mới là Lynk&Co và Geely. Tính đến hết Quý II/2026, Công ty đã hoàn thành với 92 showroom Geely, Lynk & Co để sẵn sàng cho giai đoạn tăng trưởng của 2 thương hiệu này, thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của nhà phân phối với người tiêu dùng trong việc đầu tư nghiêm túc, lâu dài tại thị trường Việt Nam.
- Năm 2025, mảng ô tô do Tasco Auto phụ trách đạt sản lượng tiêu thụ hơn 37.000 xe, chiếm khoảng 14,2% thị phần toàn thị trường (chưa tính VinFast và Hyundai của TC Group). Tasco Auto cũng liên tục mở rộng danh mục sản phẩm, từ xe phổ thông đến xe sang và xe điện.
- Tháng 4 năm 2026, Tasco Auto tiếp tục đẩy mạnh chiến lược phục vụ hệ sinh thái ô tô. Đầu tháng 4, Tasco Auto ký hợp tác với Ford Việt Nam để phát triển hạ tầng sạc, hướng tới xây dựng mạng lưới gần 90 điểm sạc trên toàn quốc. Song song, Doanh nghiệp cũng lên kế hoạch đưa về Việt Nam loạt mẫu xe điện và xe sang như Zeekr, Lotus, mở rộng sang phân khúc cao cấp.
- Trong năm 2026, Tasco Auto đã có bước tăng trưởng rõ rệt về kinh doanh khi ra mắt thành công nhiều mẫu xe chiến lược bao gồm: thương hiệu Volvo với mẫu Volvo XC90 phiên bản mới với giá bán hấp dẫn, thương hiệu Geely với mẫu Geely EX2 và Geely EX5 EM-i với gần 1.500 đơn đặt hàng chỉ trong vòng 02 tuần đầu tiên sau khi ra mắt.

b) Carpla:

Trong chiến lược mở rộng chuỗi giá trị hậu mãi, Tasco Auto cũng phát triển Carpla trở thành trung tâm cung cấp các dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, đồng sơn, thay thế phụ tùng chính hãng, và rửa xe tự động. Hiện Carpla sở hữu hệ thống gần 70 xưởng dịch vụ trên toàn quốc. Đặc biệt, hoạt động này được số hóa mạnh mẽ thông qua ứng dụng Carpla, giúp khách hàng chủ động đặt lịch, theo dõi tiến độ và tra cứu chi phí trực tuyến một cách minh bạch, thuận tiện. Carpla cũng tiếp tục duy trì nền tảng kinh doanh xe cũ với quy trình kiểm định chất lượng nghiêm ngặt 160 bước khi nhập xe, minh bạch giá cả, đội ngũ kỹ thuật viên tay nghề cao và chính sách bảo hành, hoàn tiền, giúp khách hàng yên tâm trải nghiệm và đánh giá sản phẩm toàn diện. Ngoài ra, để hoàn thiện chuỗi dịch vụ toàn diện cho xe và chủ xe, Tasco còn sở hữu Carpla, với định hướng mang đến những trải nghiệm khác biệt cho khách hàng có nhu cầu sở hữu xe ô tô đã qua sử dụng. Carpla được đầu tư hệ thống cơ sở

vật chất tích hợp đa dịch vụ, công nghệ hiện đại, chế độ bảo hành tin cậy, thông tin minh bạch và đội ngũ chuyên gia am hiểu.

c) VETC

VETC là nhà cung cấp dịch vụ đầu tiên trên thị trường Việt Nam về công nghệ thu phí tự động đường bộ ETC (Electronic Toll Collection). Thương hiệu VETC tiên phong trong xu thế dịch chuyển công nghệ giao thông thông minh tại Việt Nam với mong muốn mang đến giải pháp thu phí ứng dụng công nghệ hiện đại, góp phần tăng tốc sự phát triển chung của lĩnh vực giao thông vận tải nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. VETC hiện đang đầu tư, kết nối và vận hành 136 trạm thu phí – 765 làn cao tốc trên toàn quốc, phục vụ hơn 4,7 triệu xe và xử lý khoảng 2 triệu lượt xe mỗi ngày. Hiện nay, VETC đã trở thành trung tâm Digital cho hạ tầng Smart Mobility với 4,7 triệu xe/người sử dụng xe trên ứng dụng, 3 triệu khách hàng dùng ví VETC trên tổng số 6 triệu khách hàng sở hữu và sử dụng xe ô tô tại Việt Nam. Ngoài dịch vụ thu phí giao thông thông minh, VETC đã mở rộng các sản phẩm khác như thu phí cảng hàng không sân bay (với 20 cảng hàng không sân bay), thu phí bãi đỗ xe, thu phí xăng dầu, cũng như triển khai cung cấp thêm các sản phẩm dịch vụ số khác để phục vụ hành trình an tâm cho khách hàng cá nhân dịch vụ cứu hộ (RSA), dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ tài chính cho vay trước trả sau, thẻ tín dụng chuyên biệt về Mobility có các chính sách ưu đãi đặc biệt dành cho di chuyển...

Tháng 7/2025, IFC – thành viên nhóm Ngân hàng thế giới đã đầu tư 500 tỷ đồng (tương đương gần 20 triệu USD) vào VETC thông qua trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 5 năm, lãi suất coupon 5% bằng VND. Với sự hợp tác này, hai bên kỳ vọng sẽ đẩy nhanh hơn các dự án giao thông thông minh mà công ty đang theo đuổi, tăng cường kết nối quốc tế qua sự hỗ trợ của IFC để nâng cao chuẩn mực về sản phẩm, dịch vụ, môi trường.

Theo nghiên cứu của Đại học Quốc gia Singapore công bố tháng 8/2024, hệ thống thu phí không dừng (ETC) giúp tiết giảm chi phí cho xã hội và bảo vệ sức khỏe con người khi giúp giảm 2,3 triệu tấn khí thải CO₂, tiết kiệm 727 nghìn tấn xăng và dầu diesel, hơn 1 tỷ giờ nhân lực, 445 triệu giờ tuổi thọ phương tiện và 465 triệu USD chi phí vận hành, tương đương khoảng 5,3 tỷ USD đóng góp vào nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2019 - 2030. Đây là minh chứng cho vai trò của VETC trong hiện đại hóa hạ tầng giao thông, thúc đẩy phát triển bền vững.

d) Dịch vụ tài chính:

Tasco cung cấp giải pháp tài chính linh hoạt cho khách hàng, triển khai các chương trình cho vay mua xe với lãi suất tốt trên cơ sở hợp tác với các ngân hàng, đối tác tài chính và thiết kế các sản phẩm tài chính phù hợp với từng phân khúc khách hàng. Công ty cũng tiếp tục phát triển các sản phẩm tài chính vì mô để mở rộng dịch vụ thanh toán giao thông theo mô hình mua trước - trả sau (Buy Now Pay Later), thẻ tín dụng đồng thương hiệu Mobility Co-brand với những đặc quyền chuyên biệt cho khách hàng sở hữu và sử dụng xe ô tô.

(ii) Bảo hiểm

Bảo hiểm Tasco hiện đang thuộc Top 7 doanh nghiệp dẫn đầu thị phần bảo hiểm xe cơ giới trên thị trường chỉ sau hơn 2 năm hoạt động. Với định hướng lấy trải nghiệm khách hàng và chất lượng dịch vụ làm nền tảng cho tăng trưởng, Bảo hiểm Tasco tập trung đẩy mạnh số hóa toàn bộ hành trình bảo hiểm – từ cấp đơn, giám định đến bồi thường – giúp nâng cao hiệu quả và tính nhất

quán trong trải nghiệm khách hàng, đồng thời phát triển các sản phẩm theo hướng chuyên biệt cho từng nhóm khách hàng trong hệ sinh thái di chuyển, bao gồm bảo hiểm xe, con người, tài sản, kỹ thuật, hàng hóa theo hướng có chọn lọc.

(iii) Đầu tư

Năm 2025, DNP Holding trở thành công ty con là bước đi chiến lược của Tasco để hoàn thiện trụ cột đầu tư vào các lĩnh vực thiết yếu như nước sạch, năng lượng tái tạo, y tế, tiêu dùng.

Dịch vụ bất động sản: Tasco sở hữu lợi thế quỹ đất 210 ha đa phần khúc và hệ thống nghỉ dưỡng cao cấp hiện hữu đang vận hành hiệu quả. Điểm nhấn là dự án Việt Tri Legacy Lakeside (17,3 ha) khởi công tháng 3/2026 tại vị trí đắc địa, cung ứng 92 biệt thự đơn lập giới hạn. Với mật độ xây dựng dưới 60%, dự án ưu tiên không gian xanh và mặt nước, kết hợp tinh hoa thiết kế từ các đơn vị danh tiếng quốc tế như WATG (Mỹ), Noor Design (Anh), LJ-Group để kiến tạo cộng đồng tinh hoa theo phong cách Indochine – Tropical. Tasco cũng sở hữu hai khu nghỉ dưỡng cao cấp nổi tiếng là Six Senses Ninh Vân Bay tại Nha Trang và Ana Mandara Đà Lạt theo tiêu chuẩn 5 sao quốc tế. Tasco đang triển khai áp dụng các quy chuẩn 5 sao này trong toàn hệ thống để nâng tầm chất lượng sản phẩm, dịch vụ và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Với những điểm nhấn độc đáo về phong cách và gắn kết với thiên nhiên, hai khu nghỉ được các tổ chức quốc tế công nhận về các giá trị bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển bền vững và sự sang trọng của khu nghỉ như: Condé Nast Traveler, World Travel Awards, HICAP Sustainable Hotel Awards, Sustainable Cities and Human Settlements Awards, Heritage Fashion's Choice 2024, World Luxury Hotel Awards 2024, World Travel Awards 2025.

Bên cạnh các hoạt động cốt lõi, Tasco tiếp tục kế thừa và duy trì hoạt động kinh doanh BOT. Mạng thu phí BOT mang lại dòng tiền đều đặn cho Tasco.

❖ Địa bàn kinh doanh:

Công ty thực hiện kinh doanh trên toàn quốc.

❖ Trình độ công nghệ áp dụng

Công ty luôn ý thức được việc đảm bảo và nâng cao trình độ công nghệ áp dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh là công việc có ý nghĩa quan trọng đối với doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn chú trọng thường xuyên cập nhật công nghệ tiên tiến vào từng lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

❖ Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng bởi tính thời vụ và chu kỳ kinh doanh đặc thù của từng lĩnh vực hoạt động.

Đối với lĩnh vực phân phối và dịch vụ ô tô, nhu cầu mua sắm xe thường có xu hướng tăng vào các giai đoạn cuối năm, trước các kỳ nghỉ lễ, Tết hoặc khi thị trường có chính sách hỗ trợ, chương trình khuyến mại, ra mắt mẫu xe mới; trong khi nhu cầu bảo dưỡng, sửa chữa và dịch vụ sau bán hàng thường tăng trước và sau các kỳ nghỉ dài, mùa cao điểm di chuyển hoặc khi điều kiện thời tiết ảnh hưởng đến quá trình sử dụng phương tiện.

Đối với lĩnh vực hạ tầng giao thông thông minh, doanh thu và tiến độ ghi nhận kết quả kinh doanh có thể phụ thuộc vào kế hoạch đầu tư, tiến độ triển khai, nghiệm thu và thanh toán của từng dự án.

Đối với lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ tài chính và bất động sản, hoạt động kinh doanh có thể chịu tác động bởi chu kỳ tiêu dùng, mặt bằng lãi suất, khả năng tiếp cận tín dụng, diễn biến thị trường bất động sản và nhu cầu sử dụng các sản phẩm, dịch vụ đi kèm hệ sinh thái ô tô.

Đối với hoạt động BOT, doanh thu có thể biến động theo lưu lượng phương tiện qua trạm, đặc biệt vào các giai đoạn cao điểm di chuyển như dịp lễ, Tết, mùa du lịch hoặc khi có sự thay đổi về chính sách thu phí, tổ chức giao thông và điều kiện vận hành tuyến đường.

Do đó, doanh thu, chi phí, hàng tồn kho, nhu cầu vốn lưu động và dòng tiền của Công ty có thể biến động giữa các kỳ trong năm. Công ty định hướng quản trị các yếu tố này thông qua việc chủ động xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính, quản trị hàng tồn kho, tối ưu năng lực vận hành và khai thác hiệu quả các lĩnh vực hoạt động trong hệ sinh thái của Công ty.

❖ Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

a) Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm:

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất qua các năm

Đvt: triệu đồng

Stt	Doanh thu thuần	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	% doanh thu	Giá trị	% doanh thu	Giá trị	% doanh thu
1	Hoạt động bán hàng hóa	25.730.534	85,05%	30.097.698	82,87%	19.010.262	85,67%
2	Hoạt động thu phí	1.190.928	3,94%	1.222.546	3,37%	616.638	2,78%
3	Cung cấp dịch vụ	2.885.464	9,55%	4.315.081	11,88%	2.446.616	11,03%
4	Hoạt động kinh doanh bất động sản	285.640	0,94%	546.050	1,50%	182.004	0,82%
5	Hoạt động khác	156.185	0,52%	198.857	0,55%	54.396	0,25%
	Các khoản giảm trừ	(19.866)	(0,07%)	(62.794)	(0,17%)	(119.148)	(0,54%)

Stt	Doanh thu thuần	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	% doanh thu	Giá trị	% doanh thu	Giá trị	% doanh thu
	<i>doanh thu</i>						
	Tổng cộng	30.228.885	100%	36.317.438	100%	22.190.769	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, 2025 và BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2026 của Công ty

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty mẹ qua các năm

Đvt: triệu đồng

Stt	Doanh thu thuần	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	% doanh thu	Giá trị	% doanh thu	Giá trị	% doanh thu
1	Cung cấp dịch vụ	131.026	41,11%	347.105	60,57%	74.920	57,23%
2	Hoạt động kinh doanh bất động sản	28.880	9,06%	33.360	5,82%	17.033	13,01%
3	Hợp đồng xây dựng	154.268	48,40%	189.319	33,03%	24.691	18,86%
4	Hoạt động khác	4.535	1,43%	3.303	0,58%	14.265	10,90%
	Tổng cộng	318.709	100%	573.087	100%	130.909	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, 2025 và BCTC soát xét riêng bán niên năm 2026 của Công ty

Năm 2025, Doanh thu thuần hợp nhất 2025 đạt 36.317.438 triệu đồng, tăng 20,14% so với cùng kỳ. Doanh thu thuần Công ty mẹ năm 2025 đạt 573.087 triệu đồng, ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ 79,81% so với cùng kỳ.

Sáu tháng đầu năm 2026, Doanh thu thuần hợp nhất đạt 22.190.769 triệu đồng, tăng 44,56% so với cùng kỳ. Doanh thu thuần Công ty mẹ đạt 130.909 triệu đồng, cơ cấu doanh thu ghi nhận trong kỳ có sự thay đổi lớn so với cùng kỳ năm trước.

Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp các mảng hoạt động hợp nhất qua các năm

Đvt: triệu đồng

Stt	Lợi nhuận gộp	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	% LN gộp	Giá trị	% LN gộp	Giá trị	% LN gộp
1	Hoạt động bán hàng hóa	1.294.587	48,41%	1.687.864	50,03%	1.620.809	64,12%
2	Hoạt động thu phí	560.174	20,95%	626.651	18,57%	279.569	11,06%
3	Cung cấp dịch vụ	709.243	26,52%	1.027.929	30,47%	644.545	25,50%
4	Hoạt động kinh doanh bất động sản	127.406	4,76%	88.212	2,61%	64.583	2,56%
5	Hoạt động khác	2.614	0,10%	5.841	0,17%	28.457	1,13%
	Các khoản giảm trừ doanh thu/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(19.866)	(0,74%)	(62.794)	(1,86%)	(110.275)	(4,36%)
	Tổng cộng	2.674.159	100%	3.373.703	100%	2.527.688	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, 2025 và BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2026 của Công ty

Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp các mảng hoạt động Công ty mẹ qua các năm

Đvt: triệu đồng

Stt	Lợi nhuận gộp	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	% LN gộp	Giá trị	% LN gộp	Giá trị	% LN gộp
1	Cung cấp dịch vụ	2.096	31,20%	204.123	96,38%	6.982	69,92%

Stt	Lợi nhuận gộp	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	% LN gộp	Giá trị	% LN gộp	Giá trị	% LN gộp
2	Hoạt động kinh doanh bất động sản	1.981	29,48%	4.618	2,18%	2.321	23,24%
3	Hợp đồng xây dựng	1.543	22,96%	1.893	0,89%	247	2,47%
4	Hoạt động khác	1.099	16,36%	1.147	0,54%	436	4,37%
	Tổng cộng	6.718	100%	211.781	100%	9.986	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, 2025 và BCTC soát xét riêng bán niên năm 2026 của Công ty

Lợi nhuận từ các mảng hoạt động của Công ty có sự chuyển dịch qua các năm, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bất động sản có xu hướng giảm dần qua các năm, thay vào đó là lợi nhuận của mảng dịch vụ và các mảng khác.

b) Chi phí sản xuất:

Bảng 10: Cơ cấu chi phí sản xuất hợp nhất qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	% tổng chi phí	Giá trị	% tổng chi phí	Giá trị	% tổng chi phí
1.	Giá vốn hàng bán	27.554.726	89,42%	32.943.735	88,81%	19.663.080	86,13%
2.	Chi phí tài chính	706.004	2,29%	1.144.856	3,09%	960.046	4,21%
-	Chi phí lãi vay	623.498	2,02%	932.241	2,51%	931.247	4,08%
3.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.393.438	4,52%	1.567.254	4,22%	1.056.816	4,63%

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	% tổng chi phí	Giá trị	% tổng chi phí	Giá trị	% tổng chi phí
4.	Chi phí bán hàng	1.128.818	3,66%	1.377.371	3,71%	1.111.293	4,87%
5.	Chi phí khác	31.836	0,10%	61.912	0,17%	37.851	0,17%
	Tổng cộng	30.814.822	100%	37.095.127	100%	22.829.086	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, 2025 và BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2026 của Công ty

Bảng 11: Cơ cấu chi phí sản xuất Công ty mẹ qua các năm

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	% tổng chi phí	Giá trị	% tổng chi phí	Giá trị	% tổng chi phí
1.	Giá vốn hàng bán	311.991	39,54%	361.306	43,30%	120.923	43,90%
2.	Chi phí tài chính	337.465	42,77%	368.038	44,11%	112.154	40,72%
-	Chi phí lãi vay	27.767	3,52%	188.287	22,57%	112.151	40,71%
3.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	127.234	16,13%	90.379	10,83%	38.629	14,02%
4.	Chi phí bán hàng	7.320	0,93%	4.880	0,58%	0	0,00%
5.	Chi phí khác	5.008	0,63%	9.751	1,17%	3.754	1,36%
	Tổng cộng	789.018	100%	834.354	100%	275.460	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, 2025 và BCTC soát xét riêng bán niên năm 2026 của Công ty

Trong cơ cấu chi phí hợp nhất, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao nhất với 88,81% năm 2025. Tổng chi phí sản xuất hợp nhất 2025 tăng khoảng 20,38% so với cùng kỳ. Trong cơ cấu chi phí Công ty mẹ, giá vốn hàng bán và chi phí tài chính chiếm tỷ trọng cao nhất lần lượt là 43,30% và 44,11% năm 2025. Tổng chi phí sản xuất Công ty mẹ 2025 tăng khoảng 5,75% so với cùng kỳ.

10.2. Tài sản

10.2.1 Tài sản cố định

Bảng 12: Thông tin về các tài sản lớn cố định hợp nhất của Công ty

Dvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	9.619.775	6.227.418	20.726.282	11.856.937	21.064.727	11.662.694
Nhà cửa vật kiến trúc	1.287.553	761.864	3.323.644	1.822.580	3.372.905	1.792.240
Máy móc thiết bị	405.327	121.854	3.471.959	1.400.723	3.545.121	1.334.016
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	361.614	264.798	6.306.560	3.902.269	6.543.877	3.977.799
Thiết bị, dụng cụ quản lý	39.202	12.958	83.561	33.131	58.035	22.557
Tài sản cố định khác	7.526.079	5.065.944	7.540.558	4.698.234	7.544.789	4.536.081
2. Tài sản cố định vô hình	983.510	844.038	1.114.868	901.843	1.132.863	902.370
Quyền sử dụng đất	701.581	662.800	749.196	684.767	748.471	683.587
Phần mềm máy tính	281.929	181.238	358.218	215.207	378.748	217.627
TSCĐ vô hình khác	0	0	7.453	1.869	5.644	1.157
3. Tài sản cố định cho thuê tài chính	29.713	24.103	393.176	332.599	501.975	421.016

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, 2025 và BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2026 của Công ty

Bảng 13: Thông tin về các tài sản cố định của Công ty mẹ

Đvt: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	210.622	137.871	217.734	119.938	218.064	103.838
Nhà cửa vật kiến trúc	1.856	0	1.856	0	1.856	0
Máy móc thiết bị	13.212	9.752	13.280	9.202	13.525	9.127
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	9.205	3.847	8.657	7.986	8.657	7.565
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.792	2.624	3.912	1.995	3.944	1.635
Tài sản cố định khác	182.556	121.648	190.028	100.756	190.082	85.510
2. Tài sản cố định vô hình	2.078	0	2.078	0	2.078	0
Phần mềm máy tính	2.078	0	2.078	0	2.078	0

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, 2025 và BCTC soát xét riêng bán niên năm 2026 của Công ty

10.3. Thị trường hoạt động

Bảng 14: Doanh thu thuần của từng thị trường hợp nhất

Đvt: triệu đồng

Stt	Thị trường	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
1	Miền Bắc	7.633.005	9.641.254	5.735.447
2	Miền Trung	6.372.574	6.576.984	3.414.553
3	Miền Nam	16.223.306	20.099.120	13.040.768

Stt	Thị trường	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Tổng cộng		30.228.885	36.317.438	22.190.768

Nguồn: CTCP Tasco

Bảng 15: Doanh thu thuần của từng thị trường Công ty mẹ

Đvt: triệu đồng

Stt	Thị trường	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
1	Miền Bắc	91.554	301.212	62.609
2	Miền Trung	180.009	216.003	38.309
3	Miền Nam	47.147	55.872	29.991
Tổng cộng		318.709	573.087	130.909

Nguồn: CTCP Tasco

Bảng 16: Lợi nhuận gộp của từng thị trường hợp nhất

Đvt: triệu đồng

Stt	Thị trường	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
1	Miền Bắc	767.608	1.071.878	826.393
2	Miền Trung	508.311	478.274	221.541
3	Miền Nam	1.398.239	1.823.551	1.479.754
Tổng cộng		2.674.159	3.373.703	2.527.688

Nguồn: CTCP Tasco

Bảng 17: Lợi nhuận gộp của từng thị trường Công ty mẹ

Đvt: triệu đồng

Stt	Thị trường	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
1	Miền Bắc	3.145	201.637	5.168

Stt	Thị trường	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
2	Miền Trung	2.129	3.443	1.822
3	Miền Nam	1.444	6.701	2.995
Tổng cộng		6.718	211.781	9.986

Nguồn: CTCP Tasco

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Trong năm 2024 – 2025, mặc dù tình hình kinh tế vĩ mô đã có sự phục hồi rõ rệt, vẫn còn những yếu tố rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới tác động tiêu cực lên nền kinh tế trong nước.

Trong bối cảnh đó, Tasco và các đơn vị trong hệ thống đã nỗ lực làm tốt hơn thị trường cùng ngành, linh hoạt điều chỉnh chiến lược kinh doanh, tìm các giải pháp khắc phục khó khăn và đạt được các kết quả tích cực, cụ thể như sau:

Về kết quả kinh doanh hợp nhất, Công ty ghi nhận doanh thu hợp cộng (tổng doanh thu của các công ty con, liên kết không loại trừ doanh thu nội bộ) năm 2025 ước tính đạt 52.533 tỷ, tăng 36% so với năm trước. Doanh thu hợp nhất năm 2025 đạt 36.380 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 630 tỷ, tăng trưởng 107% so với năm 2024, hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua. Nếu loại trừ ảnh hưởng của việc phân bổ lợi thế thương mại và giá trị đánh giá lại tài sản, lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 993 tỷ đồng.

Kết quả tích cực nêu trên đạt được nhờ các động lực chính: i) Hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi tiếp tục được cải thiện, đặc biệt tại các mảng có đóng góp doanh thu lớn, cụ thể lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 đạt 3.373 tỷ, tăng 699 tỷ so với năm 2024. ii) Hiệu quả từ việc tái cấu trúc danh mục đầu tư, tập trung vào các lĩnh vực mang lại giá trị gia tăng và dòng tiền bền vững; iii) Triển khai các chương trình Kaizen, tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả vận hành, qua đó từng bước cải thiện biên lợi nhuận trong dài hạn.

(i) Hạ tầng giao thông thông minh và dịch vụ ô tô (Mobility) - hoàn thiện hạ tầng, sẵn sàng cho tầm nhìn dài hạn

Hệ thống hạ tầng của Tasco Auto với mạng lưới 200+ điểm kinh doanh (150 showroom và hơn 70 xưởng dịch vụ Carpla), Hạ tầng nhân sự, ERP- công nghệ vận hành, pipelines sản phẩm và dịch vụ toàn diện từ xe ô tô phổ thông, tới xe sang + (Volvo, Zeekr, Lotus), các dịch vụ hạ nguồn (xưởng dịch vụ 3S, quick services, phụ tùng-phụ kiện, cứu hộ VETC...) đã sẵn sàng. Từ 2026, Công ty tập trung cho hiệu suất, hiệu quả, chất lượng và trải nghiệm khách hàng an tâm trên nền tảng đa kênh.

Nhờ việc hệ sinh thái Mobility đã hoàn thiện hạ tầng, sẵn sàng cho tầm nhìn dài hạn, mà trụ cột Mobility (bao gồm Tasco Auto, VETC, Carpla, Banking service) đã đạt quy mô Doanh thu hợp cộng 38.048 tỷ đồng, tăng 3,6% so với năm trước, cụ thể:

- (a) **Tasco Auto:** Tổng doanh thu hợp cộng Tasco Auto lần lượt đạt 36.577 và 37.375 tỷ đồng trong năm 2024 – 2025, phản ánh đà tăng trưởng tích cực trong bối cảnh thị trường ô tô Việt Nam phục hồi. Sản lượng tiêu thụ 2025 đạt 37.639 xe, thị phần 14,2% (theo VAMA).

Tasco Auto cũng ra mắt thương hiệu Geely tại Việt Nam và mở rộng dải sản phẩm dòng xe năng lượng mới sau khi trở thành đối tác chiến lược của Tập đoàn Geely - Top 7 nhà sản xuất ô tô hàng đầu thế giới. Chỉ trong vòng chưa đầy 1 năm kể từ khi ra mắt, Tasco Auto đã đầu tư hoàn thiện hệ thống 52 đại lý chính hãng Geely phủ khắp cả nước; đồng thời ra mắt 03 mẫu xe: Coolray, Monjaro và EX5 (xe thuần điện), sẽ ra mắt mẫu xe tiềm năng mới là EX5 EM-I (xe Plug-in Hybrid), EX2 (xe thuần điện) trong tháng 3/2026. Thương hiệu Lynk & Co cũng mở rộng với 40 đại lý và ra mắt mẫu xe chiến lược Lynk & Co 08 tại thị trường Việt Nam, nâng dải sản phẩm lên 6 mẫu gồm: Lynk & Co 01, 03, 05, 06, 08, 09.

Đối với xe sang do Tasco nhập khẩu và phân phối trên toàn quốc, Volvo Cars tiếp tục khẳng định vị thế Top 4 xe sang được yêu thích trên thị trường, đồng thời ra mắt bộ đôi ra mắt XC60 – mẫu xe SUV bán chạy nhất của Volvo trên toàn cầu và mẫu Sedan sang trọng S90 với các trang bị nâng cấp toàn diện. Theo đó, dải sản phẩm Volvo tại Việt Nam bao gồm các dòng xe Mild Hybrid (XC90, XC60, XC40), Plug-in Hybrid (XC90 Recharge, XC60 Recharge, S90 Recharge) và xe thuần điện (EC40).

- (b) **VETC – Digital Hub: Nền tảng số chuyên biệt phục vụ 100% khách hàng sở hữu và sử dụng xe ô tô**

VETC đã trở thành trung tâm Digital cho hạ tầng Smart Mobility với 4,7 triệu xe/người sử dụng xe đã kích hoạt, 3 triệu khách hàng dùng ví VETC trên tổng số 6 triệu khách hàng sở hữu và sử dụng xe ô tô tại Việt Nam.

VETC là trung tâm kết nối khách hàng với hệ thống hạ tầng vật lý, nơi khách hàng có thể sử dụng một nền tảng công nghệ cho tất cả các sản phẩm dịch vụ của Tasco và mở rộng cho các nhà cung cấp dịch vụ khác. Hiện nay, khách hàng không chỉ sử dụng VETC cho dịch vụ thu phí không dừng trên đường cao tốc, mà còn sử dụng cho các dịch vụ bãi đậu xe, cảng hàng không, tích điểm loyalty cho chi tiêu giao thông, VETC cứu hộ, VETC trách nhiệm dân sự với trải nghiệm digital xuyên suốt 100% hành trình, từ tìm hiểu, lựa chọn, mua, thanh toán, lưu trữ giấy tờ trên cùng nền tảng VETC Digital.

Năm 2024, doanh thu dịch vụ thu phí không dừng (ETC) đạt 452 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 33 tỷ đồng, đánh dấu cột mốc VETC ghi nhận kinh doanh có lãi, lợi nhuận có sự đóng góp từ thu nhập tài chính. Năm 2024, VETC tiếp tục mở rộng kết nối thêm tuyến cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo và BOT Phú Hữu, nâng tổng số trạm ETC lên 126 trạm thu phí trên toàn quốc. Năm 2025, VETC đạt 666 tỷ đồng doanh thu, tăng 47,3% so với cùng kỳ. VETC duy trì vị thế dẫn đầu với 75% thị phần, kết nối 136 trạm, 765 làn cao tốc trên toàn quốc. Hệ thống VETC xử lý quy mô giao dịch bình quân 1,8 triệu giao dịch mỗi ngày, cao điểm lên đến 2,3 triệu giao dịch/ngày, tổng cộng có hơn

700 triệu giao dịch trong năm 2025. VETC cũng ra mắt VETC cứu hộ, kết nối tổng đài 24/7 với phương tiện cứu hộ và hơn 300 đối tác, phủ 100% xã, phường trên cả nước.

Đặc biệt trong giai đoạn mưa lũ và thiên tai tại nhiều địa phương, VETC Cứu hộ đã tham gia điều phối nguồn lực, hỗ trợ người dân và phương tiện trong các điều kiện khắc nghiệt, cứu hộ miễn phí khu vực đồng bào bị ảnh hưởng bởi bão lũ, thiên tai.

(c) Dịch vụ tài chính, ngân hàng: bổ sung dịch vụ tài chính để đảm bảo hành trình an tâm toàn diện cho khách hàng.

Công ty cũng hoàn thiện hệ sinh thái thông qua việc hợp tác với các Ngân hàng, tổ chức tài chính để cung cấp các giải pháp tài chính như Co-lending (cho vay ô tô), BNPL (mua trước trả sau) và thẻ tín dụng đồng thương hiệu Mobility với những đặc quyền chuyên biệt cho khách hàng sở hữu và sử dụng xe ô tô, qua đó cung cấp thêm dịch vụ tài chính cho khách hàng của Tasco để khách hàng có hành trình an tâm toàn diện. Năm 2024 – 2025, tổng dư nợ cho vay mua xe của Tasco Finance đạt lần lượt là 3.500 và 5.000 tỷ đồng. Trong 3 năm tới, mảng tài chính sẽ có dư địa lớn để phát triển, kỳ vọng đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh của công ty trong các năm tới.

(ii) Mảng Bảo hiểm: ghi nhận mức tăng trưởng đột phá

Với doanh thu phí bảo hiểm gốc ghi nhận đạt 1.564 tỷ đồng (tăng 141% so với năm 2024), tương ứng hơn 1 triệu hợp đồng được khai thác trong năm. Đà tăng trưởng nhanh giúp Bảo hiểm Tasco vươn lên top 7 thị phần bảo hiểm xe cơ giới năm 2025 với mạng lưới 35 chi nhánh trên toàn quốc chỉ sau hơn 2 năm hoạt động. Với mạng lưới chi nhánh hoạt động 34/34 tỉnh thành, hạ tầng công nghệ, nhân sự đã hoàn thiện, Bảo hiểm Tasco sẵn sàng cho chu kỳ tăng trưởng quy mô và nâng cao hiệu suất vận hành, cũng như tiếp tục đầu tư hệ thống hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số toàn diện.

(iii) Mảng Đầu tư: Hoạt động đầu tư đã vào chu kỳ hiệu quả.

Sau khi DNP chính thức trở thành công ty con của Tasco đã mang lại các nguồn lực tốt khi các khoản đầu tư tại các đơn vị DNP đã đi vào giai đoạn tăng trưởng hiệu quả, đã được khẳng định rõ nét trong kết quả kinh doanh năm 2025 và các năm tiếp theo. Năm 2025, trụ cột Investment đạt doanh thu 1.583 tỷ đồng, trong đó việc hợp nhất DNP Holding từ tháng 12/2025, đóng góp khoảng 1.171 tỷ đồng doanh thu vào kết quả của hệ thống.

Về mảng Bất động sản, Dự án Đô thị Việt Trì Legacy Lakeside với diện tích 17,3 ha tại trung tâm Phú Thọ đã khởi công ngày 01/03/2026. Bên cạnh đó, dự án Chi Đông - Mê Linh (46 ha) đã có quy hoạch 1/500 điều chỉnh, đã giải phóng mặt bằng trên 63%, đang hoàn thiện pháp lý để triển khai cuối năm 2026. Với chủ trương và các nghị quyết tháo gỡ các dự án BT, công ty cũng sẽ tập trung hoàn thiện pháp lý cho dự án Đơn Vị ở 1 - Xuân Phương (31,4 ha) trong thời gian tới.

Ngoài ra, với lợi thế sở hữu quỹ đất 210 ha gồm các dự án BĐS đô thị nhà ở, thương mại dịch vụ, nghỉ dưỡng, quỹ đất phát triển showroom, cùng 2 khu nghỉ dưỡng cao cấp hàng đầu Việt Nam là Six Senses Ninh Vân Bay và Ana Mandara Đà Lạt đang hoạt động, cũng như 1 số dự án tiềm năng khác như dự án Mercure Sơn Trà 5,8 ha, Dự án KS 5* 104 Phố Quang Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích: 2.539,7 m², dự án Sandy Beach Đà Nẵng quy mô 17 Ha. Các dự án bất động sản đang được Công ty tiếp tục hoàn thiện pháp lý, triển khai thực hiện cũng như có thể xem xét tái cơ

cầu thoái bớt danh mục đầu tư. Bất động sản dự kiến trở thành động lực cho tăng trưởng hiệu quả của Công ty trong giai đoạn 2026-2030.

Năm 2024, Tasco Land ghi nhận những thành tựu đáng kể trong lĩnh vực bất động sản nghỉ dưỡng với tổng doanh thu đạt 419 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ các khu nghỉ đạt 410 tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt hơn 223 tỷ đồng, tăng trưởng 16% so với năm 2023. Năm 2025, mảng bất động sản nghỉ dưỡng tiếp tục duy trì hiệu quả khai thác, mang về 467 tỉ đồng doanh thu và hơn 282 tỉ đồng lợi nhuận gộp, tăng trưởng 19% so với năm 2024. Kết quả này đến từ chiến lược vận hành tối ưu, kiểm soát chi phí hiệu quả và tận dụng đà phục hồi của ngành du lịch Việt Nam.

Đối với bất động sản thương mại, Tasco Mall tọa lạc tại Quận Long Biên là một trong những trung tâm thương mại (TTTM) lớn nhất Hà Nội, với quy mô 4,6 hecta, sở hữu không gian trẻ trung, hiện đại, được thiết kế hướng đến nhóm khách hàng trọng tâm là các gia đình trẻ và những người đam mê ô tô. Tasco Mall tích hợp đa dạng các dịch vụ từ siêu thị, đồ gia dụng, thời trang, giáo dục, ẩm thực đến khu vui chơi, thu hút gần 7 triệu lượt khách mỗi năm. Nơi đây còn là điểm hội tụ của các showroom ô tô hàng đầu Việt Nam trực thuộc hệ thống Tasco như: Volvo, Lynk & Co, Geely, Toyota và Carpla, và là địa điểm tổ chức các chương trình lái thử xe, kiểm nghiệm chất lượng xe uy tín.

Đối với các mảng kinh doanh khác, trong năm 2025, hoạt động thu phí tại các trạm BOT ghi nhận doanh thu đạt 718 tỷ đồng, mang lại dòng tiền ổn định cho hệ thống. Trong những năm tới, chính sách điều chỉnh giá phí theo lộ trình cùng xu hướng hồi phục vận tải tiếp tục là động lực hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh BOT của Tasco. Cũng trong năm 2025, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 2166/QĐ-BXD phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng mở rộng cao tốc TP.HCM - Trung Lương - Mỹ Thuận theo phương thức PPP, tổng mức đầu tư hơn 36.000 tỷ đồng. Dự án sẽ khởi công trong quý 4/2025 và dự kiến hoàn thành, đưa vào khai thác vào năm 2028. Liên danh nhà đầu tư được chỉ định thực hiện dự án là Công ty cổ phần Tasco, Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM, Tổng công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long - CTCP, Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ và Đầu tư CII. Dự án mở rộng cao tốc TP.HCM - Trung Lương - Mỹ Thuận được triển khai như một giải pháp chiến lược cấp bách nhằm hoàn thiện tuyến hạ tầng trọng điểm và giải quyết dứt điểm tình trạng quá tải nghiêm trọng, tạo đòn bẩy cho sự phát triển của toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Liên danh nhà đầu tư là những doanh nghiệp có kinh nghiệm trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, đủ năng lực để triển khai dự án quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật cao và tổ chức thi công phức tạp này.

10.5. Các hợp đồng lớn

Bảng 18: Các hợp đồng của Công ty đã được thực hiện, đang thực hiện hoặc đã được ký kết nhưng chưa thực hiện từ năm 2024 đến nay

Đvt: triệu đồng

STT	Tên hợp đồng	Khách hàng	Giá trị HĐ	Sản phẩm, dịch vụ	Thời điểm ký kết	Tiến độ thực hiện	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)	Các điều khoản quan trọng khác
Hợp đồng đầu vào									
1	Hợp đồng số 08/2022/TAS CO-VECO&M	Công ty Cổ phần vận hành và bảo trì đường cao tốc Việt Nam	245.537	Cung cấp dịch vụ tổ chức vận hành thu phí tại các tuyến đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, Nội Bài - Lào Cai, Đà Nẵng - Quảng Ngãi	05/09/2022	Đang thực hiện	2022 - 2027	Không có	Không có
2	01/2023/HĐT	Công ty TNHH Toyota Hiroshima Tân Cảng - HT	166.274	Hợp đồng thuê nhà trưng bày và xưởng bảo dưỡng ô tô tại địa chỉ 220 Bis Điện Biên Phủ, P. 22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	29/09/2023	Đang thực hiện	2023 - 2035	Không có	Không có
3	RSHKPT2-G230991-DA PT2	Công ty CP Đầu tư công nghiệp Việt Hưng	75.132	Mua hệ thống khung giàn đỡ tấm pin năng lượng theo HĐ số RSHKPT2-G230991-DA PT2	2024	Đang thực hiện	2024	Không có	Không có
Hợp đồng đầu ra									
1	Hợp đồng số 35/2022-VEC-TASCO	Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam - Công ty	757.028	Thuế dịch vụ thu phí các dự án đường cao tốc do VEC Quản lý, khai thác	07/06/2022	Đang thực hiện	2022 - 2027	Không có	Không có

STT	Tên hợp đồng	Khách hàng	Giá trị HĐ	Sản phẩm, dịch vụ	Thời điểm ký kết	Tiến độ thực hiện	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với các đối tượng (*)	Các điều khoản quan trọng khác
		TNHH MTV (VEC)							
2	Hợp đồng số 80/2021/EV-NPMB2-EPC-PT2	Ban quản lý dự án điện 2 - Tập đoàn điện lực Việt Nam	291.930	Thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp Dự án Nhà máy điện mặt trời Phước Thái 2	22/12/2021	Đang thực hiện	2021 - 2026	Không có	Không có
3	Hợp đồng số 80/2021/EV-NPMB2-EPC-PT3	Ban quản lý dự án điện 2 - Tập đoàn điện lực Việt Nam	159.122	Thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp Dự án Nhà máy điện mặt trời Phước Thái 3	22/12/2021	Đang thực hiện	2021 - 2026	Không có	Không có

Nguồn: CTCP Tasco

(*) Mối quan hệ với các đối tượng là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cổ đông lớn của Tổ chức phát hành.

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 19: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn từ năm 2024 đến nay

Dvt: triệu đồng

Stt	Tên	Giá trị giao dịch (lũy kế 2024 – 30/06/2026)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với các đối tượng(*)
A	Các nhà cung cấp lớn				
1.	Công ty Cổ phần dịch vụ kỹ thuật đường cao tốc Việt Nam	44.818	2022-2027	Cung cấp dịch vụ tổ chức vận hành thu phí tại các tuyến đường cao tốc HCM - Long Thành - Dầu Giây	Không

Stt	Tên	Giá trị giao dịch (lũy kế 2024 – 30/06/2026)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với các đối tượng ^(*)
2.	Công ty Cổ phần Vận hành và Bảo trì đường cao tốc Việt Nam	135.627	2022-2027	Cung cấp dịch vụ tổ chức vận hành thu phí tại các tuyến đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, Nội Bài - Lào Cai, Đà Nẵng - Quảng Ngãi	Không
3.	Công ty TNHH Toyota Hiroshima Tân Cảng	25.655	2024-2035	Chi phí thuê đất và công trình trên đất tại 220 Bis, Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP HCM	Không
B Các khách hàng lớn					
1.	Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV (VEC)	348.712	2022-2027	Thuê dịch vụ thu phí các dự án đường cao tốc do VEC quản lý, khai thác	Không
2.	Ban quản lý dự án điện 2 - Tập đoàn điện lực Việt Nam	254.430	2021-2025	Thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp DA nhà máy điện mặt trời Phước Thái 2+3	Không
3.	Công ty CP TV Đầu tư xây dựng Hà Việt	437.977	2022-2024	Nhận chuyển nhượng các sản phẩm BĐS tại DA Xuân Phương, Tòa nhà M5 Nguyễn Chí Thanh	Không

Nguồn: CTCP Tasco

(*) Mối quan hệ với các đối tượng là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cổ đông lớn của Tổ Chức Phát Hành.

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

a) Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong ngành

Trên thị trường dịch vụ ô tô, hạ tầng giao thông thông minh và bảo hiểm xe cơ giới tại Việt Nam, Tasco hiện thuộc nhóm doanh nghiệp dẫn đầu về quy mô và thị phần ở cả ba mảng hoạt động cốt lõi này, được củng cố bởi mô hình kinh doanh tích hợp toàn diện và nền tảng công nghệ dùng chung xuyên suốt các mảng.

- Về thị phần phân phối ô tô, Tasco đứng trong nhóm dẫn đầu thị trường với khoảng 14,2% thị phần theo VAMA – quy mô mạng lưới và danh mục thương hiệu (bao gồm cả các hãng phổ thông lẫn các thương hiệu cao cấp, xe năng lượng mới) được trình bày chi tiết tại Mục 7 (Đặc điểm hoạt động kinh doanh).
- Việc phát triển đồng thời phân phối xe mới, xe cũ, dịch vụ hậu mãi, tài chính và bảo hiểm cho cùng một tập khách hàng là điểm khác biệt so với phần lớn các nhà phân phối ô tô thuần túy trên thị trường, giúp Tasco giữ chân khách hàng qua toàn bộ vòng đời sử dụng xe thay vì chỉ ở khâu bán xe.
- Trong lĩnh vực thu phí không dừng, Tasco giữ vị trí số 1 thị trường với khoảng 75% thị phần – một vị thế gần như không có đối thủ cạnh tranh trực tiếp ở quy mô tương đương, tạo lợi thế bền vững nhờ hiệu ứng mạng lưới và chi phí chuyển đổi cao đối với người dùng.
- Bảo hiểm Tasco là một trong số ít doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ vươn vào Top 7 thị phần bảo hiểm xe cơ giới chỉ sau chưa đầy 2 năm hoạt động, tốc độ tăng trưởng vượt trội so với mặt bằng chung ngành bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam.
- Ở mảng bất động sản, vị thế của Tasco đến từ quỹ đất và danh mục dự án có vị trí đặc địa, được phát triển cùng các đơn vị tư vấn quốc tế uy tín, tạo sự khác biệt so với nhiều chủ đầu tư trong nước ở cùng phân khúc.
- Ở mảng bất động sản nghỉ dưỡng, việc sở hữu các tài sản đã đi vào vận hành với thương hiệu được thị trường quốc tế công nhận là lợi thế cạnh tranh mà không nhiều doanh nghiệp trong nước có được, giúp rút ngắn thời gian đưa tài sản vào khai thác so với các dự án phát triển mới hoàn toàn.
- Quy mô hệ thống công ty con, công ty liên kết cùng mạng lưới hợp tác với các tập đoàn quốc tế lớn là một cấu phần quan trọng khác của vị thế Tasco, phản ánh khả năng thu hút vốn và công nghệ từ đối tác nước ngoài mà không phải doanh nghiệp cùng ngành nào cũng đạt được.

Với hệ sinh thái hoạt động đa lĩnh vực gồm dịch vụ ô tô, hạ tầng giao thông thông minh, bảo hiểm, tài chính, công nghệ và bất động sản, Tasco đang từng bước khẳng định vị thế là một trong những doanh nghiệp tư nhân có mô hình đầu tư tích hợp và quy mô hệ sinh thái hàng đầu tại Việt Nam, sở hữu lợi thế cạnh tranh khác biệt nhờ khả năng kết nối các lĩnh vực hoạt động trong cùng chuỗi giá trị và lấy công nghệ làm nền tảng phát triển dài hạn.

b) Triển vọng phát triển của ngành

❖ Phân phối ô tô và dịch vụ ô tô

Trong những năm qua, bình quân doanh số bán hàng và dịch vụ ô tô tại Việt Nam tăng trưởng hai con số và doanh số bán hàng trực tuyến tăng trưởng nhanh chóng. Thị trường ô tô Việt Nam ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2024 – 2025. Theo số liệu tổng hợp từ VAMA, HTC và Vinfast, tổng lượng ô tô tiêu thụ trong năm 2024 là 450.147 xe, tăng 19,7% so với cùng kỳ, năm 2025 là 604.000 xe, tăng 34% so với cùng kỳ. Môi trường lãi suất thấp cùng chính sách miễn giảm

phí trước bạ cho xe lắp ráp trong nước đã thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng, góp phần duy trì đà tăng trưởng của thị trường.

Xu hướng ô tô điện và xe hybrid tiếp tục mở rộng với sự gia nhập của nhiều thương hiệu mới. Các hãng xe sở hữu hạ tầng trạm sạc đang ghi nhận tốc độ tăng trưởng tích cực, trong khi thị trường đón nhận nhiều mẫu xe điện trải dài ở các phân khúc. Trong năm 2024, ít nhất 7 thương hiệu ô tô đã gia nhập Việt Nam, phản ánh tiềm năng phát triển mạnh mẽ của ngành.

Đối với lĩnh vực kinh doanh ô tô đã qua sử dụng, thị trường xe cũ ở Việt Nam có nhiều cơ hội để phát triển. Thị trường này dự kiến tăng trưởng cùng với sự gia tăng quy mô của thị trường xe mới và xu hướng mua bán xe cũ để đổi xe mới trong người dân trở nên ngày càng phổ biến. Tỷ lệ xe cũ ở Việt Nam còn khá thấp so với khu vực, chỉ khoảng 0,4 lần so với lượng ô tô mới bán ra (thấp hơn nhiều so với Thái Lan 2,4 xe cũ/1 xe mới bán ra, Indonesia 1,5 lần, Malaysia 2 lần). Thị trường xe cũ ước tính tăng trưởng 24% hàng năm với giá trị thị trường lên đến 18 tỷ USD vào năm 2028.

Giai đoạn 2014 - 2025, Việt Nam vươn lên thành thị trường ô tô tăng trưởng nhanh nhất Đông Nam Á, với doanh số từ 175.000 xe năm 2014 lên 450.000 xe năm 2024 và tiếp tục đạt khoảng 600.000 xe năm 2025, tương ứng đạt CAGR 12%. Ô tô không còn chỉ là tài sản giá trị lớn mà đã trở thành phương tiện thiết yếu.

Dự báo 2026 - 2030, thị trường ô tô trong nước được kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng 8-12%, ngay cả trong kịch bản không còn các chính sách hỗ trợ. Tuy nhiên, sự cạnh tranh sẽ ngày càng gay gắt với sự tham gia của nhiều hãng xe mới và làn sóng xe điện.

Về dài hạn, thị trường ô tô còn nhiều tiềm năng khi tỷ lệ sở hữu ô tô đối với người dân Việt Nam hiện nay vẫn còn thấp so với các nước trên khu vực. Theo báo cáo của Ủy ban an toàn giao thông Quốc gia, lũy kế tổng số xe đã đăng ký tính đến cuối năm 2023 là 6,31 triệu ô tô, theo đó Việt Nam chỉ đạt 63 xe/1.000 dân, thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực như Thái Lan (280 xe), Malaysia (535 xe) theo dữ liệu của Tổ chức các nhà sản xuất xe ô tô quốc tế (OICA). Tầng lớp trung lưu gia tăng cũng là động lực quan trọng cho ngành. Theo dự báo của Bộ KHĐT, Quy mô GDP năm 2025 khoảng trên 500 tỷ USD, GDP bình quân đầu người khoảng trên 5.000 USD, đưa Việt Nam vào nhóm các nước có thu nhập cao. Đồng thời, hạ tầng tiếp tục phát triển, đạt 5.000 km đường cao tốc đến 2030 sẽ thúc đẩy tiêu thụ ô tô.

Ngành ô tô Việt Nam đang phát triển theo cả chiều rộng và chiều sâu, với các doanh nghiệp trong nước hợp tác cùng OEM toàn cầu, thúc đẩy Việt Nam trở thành một trong những trung tâm xuất khẩu ô tô của khu vực. Dịch vụ phụ trợ như bảo dưỡng, spa xe và kinh doanh xe cũ cũng phát triển mạnh mẽ. Theo dự báo tại dự thảo "Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" của Bộ Công Thương, tổng lượng ô tô bán ra trên thị trường Việt Nam vào năm 2030 có thể đạt khoảng 1 đến 1,1 triệu chiếc, gấp đôi mức kỷ lục năm 2022.

❖ Hạ tầng giao thông thông minh

Hạ tầng cao tốc phát triển, lưu lượng xe được dự báo tăng trưởng nhanh, tiềm năng tăng trưởng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ETC là rất lớn. Việt Nam là một trong những quốc gia có sức mua ô tô cá nhân tăng trưởng nhanh nhất trong vòng 10 năm qua và được dự báo

sẽ vẫn duy trì sức mua trong giai đoạn sắp tới, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm dự kiến đạt 12,9% giai đoạn 2021 - 2030.

Cùng với đó, từ ngày 01/12/2021, Chính phủ đồng ý giảm lệ phí trước bạ xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước bằng 50% mức thu hiện hành được quy định tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 140/2016/NĐ-CP nhằm kích cầu thị trường ô tô. Trong dài hạn, động lực tăng trưởng của ngành ô tô Việt Nam đến từ sự gia tăng tầng lớp trung lưu. Dân số tầng lớp trung lưu Việt Nam dự kiến sẽ tăng mạnh trong 10 năm tới, điều này sẽ thúc đẩy sự gia tăng nhu cầu đối với tất cả các loại hàng hóa cao cấp. Nikkei dự báo tầng lớp trung lưu sẽ chiếm 30,6% dân số Việt Nam năm 2030. Sự gia tăng sức mua ô tô cá nhân hữu cơ như đã phân tích ở trên sẽ là nhân tố tạo nên sự tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững về lưu lượng giao thông qua các trạm thu phí nói chung cũng như các trạm thu phí tự động không dừng nói riêng.

Đặc biệt, từ năm 2022 với việc triển khai quyết liệt chính sách, quy định về việc thu phí không dừng của Chính Phủ, số lượng khách hàng sử dụng thẻ ETC tăng vọt, cuối năm 2023 toàn quốc đã có gần 5 triệu phương tiện dán thẻ đầu cuối. Theo kế hoạch của Chính phủ, đến năm 2025, Việt Nam sẽ đạt 3.000 km đường cao tốc và hướng đến con số 5.000 km vào năm 2030. Cùng với đó, tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường ô tô với con số được dự báo lên đến gần 1 triệu ô tô vào năm 2028 cũng cho thấy nhu cầu tất yếu về hạ tầng và số lượng tài khoản giao thông cũng sẽ không ngừng tăng lên.

Đây là tiềm năng và cũng là thách thức giúp VETC luôn nỗ lực không ngừng để phát triển, đầu tư đồng bộ hóa về cơ sở vật chất, công nghệ và nhân lực để phù hợp với định hướng phát triển của ngành giao thông, khẳng định vị thế số 1 về thu phí không dừng tại Việt Nam.

Không chỉ giới hạn tại các trạm thu phí BOT trên cao tốc, ngành giao thông đang mở rộng phạm vi ứng dụng ETC sang các lĩnh vực khác. Từ tháng 5/2024, Bộ Giao thông Vận tải phối hợp với Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) triển khai thu phí điện tử không dừng tại năm sân bay lớn: Nội Bài (Hà Nội), Cát Bi (Hải Phòng), Phú Bài (Thừa Thiên Huế), Đà Nẵng (Đà Nẵng) và Tân Sơn Nhất (TP.HCM). Sau khi hoàn tất triển khai tại sân bay, Bộ Giao thông Vận tải dự kiến mở rộng ETC sang các dịch vụ khác như thu phí cảng biển, bãi đỗ xe, bảo hiểm, và đăng kiểm.

Theo chương trình chuyển đổi số của Bộ Giao thông Vận tải đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, tất cả tuyến cao tốc sẽ được lắp đặt hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh và thu phí điện tử không dừng. Đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu loại bỏ hoàn toàn giao dịch tiền mặt trong lĩnh vực giao thông vận tải, 100% phương tiện ô tô sử dụng tài khoản thu phí điện tử để thanh toán các dịch vụ giao thông đường bộ.

Với vai trò tiên phong, VETC đang nỗ lực hiện thực hóa các mục tiêu trên, đồng thời mở rộng các dịch vụ giá trị gia tăng cho người tham gia giao thông, góp phần xây dựng đô thị thông minh với hệ thống giao thông hiện đại và tiện ích vượt trội.

❖ **Bảo hiểm**

Năm 2025 ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực từ thị trường bảo hiểm Việt Nam. Ước tính, tổng doanh thu phí bảo hiểm năm 2025 đạt 245.000 – 255.000 tỷ đồng, tăng khoảng 7%–10% so với năm trước. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ ước đạt 155.000 – 160.000 tỷ đồng, tăng trưởng

nhẹ khoảng 3%–5%, trong khi mảng bảo hiểm phi nhân thọ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực ở mức 10%–12%, đạt khoảng 90.000–95.000 tỷ đồng.

Với định hướng chiến lược rõ ràng cùng khung pháp lý mới, ngành bảo hiểm được kỳ vọng sẽ có những bước tiến mạnh mẽ cả về quy mô lẫn chất lượng trong những năm tới. Đà tăng trưởng của bảo hiểm phi nhân thọ chủ yếu đến từ sự đa dạng hóa sản phẩm, đặc biệt là các giải pháp bảo hiểm được thiết kế linh hoạt theo nhu cầu từng nhóm khách hàng, kết hợp với quy trình số hóa hiện đại. Hòa chung xu hướng này, Bảo hiểm Tasco triển khai sản phẩm Autosure. Sản phẩm nhanh chóng ghi nhận doanh số tích cực, giúp Bảo hiểm Tasco lọt vào top 7 thị phần bảo hiểm xe cơ giới chỉ sau hơn 2 năm hoạt động.

Bước sang năm 2026, thị trường bảo hiểm Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, với tổng doanh thu phí bảo hiểm ước đạt khoảng 260.000 – 275.000 tỷ đồng, tương ứng mức tăng trưởng 7% – 10% so với năm 2025. Trong đó, bảo hiểm phi nhân thọ tiếp tục là động lực chính với mức tăng trưởng duy trì quanh 8% – 12%, nhờ sự phát triển mạnh của bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm xe cơ giới – hai sản phẩm chủ đạo của thị trường.

Theo Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm đến năm 2030, Chính phủ định hướng giai đoạn 2026 – 2030 duy trì tốc độ tăng trưởng khoảng 10%/năm, đồng thời nâng tỷ lệ doanh thu phí bảo hiểm/GDP lên khoảng 3,3 – 3,5% và tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm nhân thọ lên khoảng 18%.

Hiện tại, tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm/GDP tại Việt Nam dao động từ 2,3-2,8%, thấp hơn mức trung bình 3,35% của ASEAN, 5,37% của châu Á, và 6,3% của thế giới (theo thống kê của Vietnam Report). Điều này cho thấy dư địa phát triển của thị trường bảo hiểm Việt Nam vẫn còn rất lớn, đặc biệt khi kết hợp với các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ và xu hướng số hóa mạnh mẽ.

❖ **Bất động sản**

Việt Nam là quốc gia có tốc độ tăng trưởng dân số khá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới với tốc độ tăng trung bình hàng năm ở mức 1,08% trong vòng 10 năm trở lại đây. Trong cơ cấu dân số của Việt Nam, tỷ trọng dân số trẻ trong độ tuổi lao động chiếm trên 50% và có xu hướng tăng dần trong những năm gần đây. Tăng trưởng dân số, đặc biệt là dân số trong độ tuổi lao động là nhân tố thúc đẩy hầu hết nhu cầu trong xã hội, trong đó có nhu cầu nhà ở. Dưới tác động của quá trình đô thị hóa, sự dịch chuyển của người lao động từ nông thôn ra thành thị để kiếm việc làm là điều tất yếu, kéo theo đó là nhu cầu bức thiết về nhà ở.

Thị trường bất động sản năm 2024 ghi nhận các tiến đề quan trọng, tạo nền cho chu kỳ phát triển mới. Theo Hội Môi giới bất động sản Việt Nam (VARIS), năm 2024 tổng số sản phẩm chào bán đạt gần 81.000 căn, tăng hơn 40% so với năm trước. Trong đó, nguồn cung mới chiếm 65.376 sản phẩm, gấp gần ba lần so với năm 2023. Lượng giao dịch cũng tăng trưởng ổn định nhờ nguồn cung dồi dào, hành lang pháp lý hoàn thiện và nhu cầu mua bất động sản tiếp tục ở mức cao. Tính chung cả năm, hơn 47.000 giao dịch thành công, tương đương tỷ lệ hấp thụ 72%, trong đó hơn 50% là giao dịch sơ cấp từ nhóm nhà đầu tư.

Bước sang năm 2025, thị trường bất động sản tiếp tục xu hướng phục hồi rõ nét. Tổng nguồn cung mới ước đạt khoảng 90.000–100.000 sản phẩm, tăng khoảng 15% – 25% so với năm 2024, trong khi lượng giao dịch cải thiện tương ứng, với tỷ lệ hấp thụ duy trì ở mức 65%–75%. Động lực

chính đến từ việc các vướng mắc pháp lý từng bước được tháo gỡ, mặt bằng lãi suất duy trì ở mức hợp lý và niềm tin thị trường dần phục hồi.

Phân khúc bất động sản nghỉ dưỡng hưởng lợi từ sự phục hồi của tiêu dùng và du lịch. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 2024 ước đạt 6.800-6.900 nghìn tỷ đồng, tăng 9-10% so với năm trước. Sang năm 2025, chỉ tiêu này ước đạt khoảng 7.400-7.600 nghìn tỷ đồng, duy trì mức tăng trưởng 8%-10%. Ngành du lịch tiếp tục phục hồi mạnh, với lượng khách quốc tế ước đạt khoảng 18-20 triệu lượt, trong khi khách nội địa duy trì ở mức 110-115 triệu lượt, tạo nền tảng tích cực cho sự phục hồi của phân khúc bất động sản nghỉ dưỡng.

Triển vọng năm 2026 được đánh giá tích cực khi hàng loạt luật sửa đổi như Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh Bất động sản chính thức có hiệu lực, tạo môi trường minh bạch hơn. Cùng với sự phục hồi của nền kinh tế và niềm tin nhà đầu tư trở lại, thị trường bất động sản năm 2026 được kỳ vọng sẽ tăng tốc mạnh mẽ, đặc biệt trong các phân khúc nhà ở, bất động sản nghỉ dưỡng và thương mại.

❖ **Nước sạch, sản xuất, tiêu dùng, dịch vụ thiết yếu**

Sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế, làn sóng đầu tư công bứt phá và tốc độ đô thị hóa nhanh chóng đang mở ra những triển vọng mới, tạo động lực tăng trưởng đột phá cho các mảng kinh doanh chiến lược của DNP. Bước sang giai đoạn chiến lược mới, đặc biệt khi DNP trở thành thành viên của hệ sinh thái Tasco, DNP có nhiều lợi thế khai thác các ngành kinh doanh còn nhiều dư địa phát triển.

- **Nước sạch và môi trường:** Ngành nước sạch Việt Nam duy trì đà tăng trưởng ổn định dài hạn với sản lượng dự báo tăng khoảng 5%/năm trong giai đoạn 2025 – 2030, được thúc đẩy bởi tốc độ đô thị hóa nhanh và quy mô dân số hướng tới mốc 105 triệu người vào năm 2030. Nhu cầu tiêu thụ từ khối khách hàng công nghiệp tiếp tục gia tăng mạnh mẽ nhờ dòng vốn FDI giải ngân vào Việt Nam đạt kỷ lục cao (27,62 tỷ USD năm 2025). Ở phía cung, hạ tầng toàn ngành được nâng cấp với hơn 1.000 nhà máy và tỷ lệ thất thoát nước được kiểm soát tối ưu dưới mức 15%.
- **Hệ sinh thái Ngành nước (Ống nhựa & Thiết bị):** Ngành xây dựng và hạ tầng phục hồi mạnh mẽ nhờ các luật mới tháo gỡ pháp lý cho bất động sản, tạo động lực thúc đẩy sản lượng ống nhựa tăng trưởng trung bình 10%/năm (giai đoạn 2025 – 2026) và duy trì tăng trưởng kép 5,7%/năm tới năm 2030. Tốc độ đô thị hóa dự kiến đạt 57,3% vào năm 2034 sẽ mở rộng không gian phát triển cho phân khúc ống nhựa cao tầng, vật tư thông minh và thiết bị ngành nước. Nhựa Đồng Nai tiếp tục nắm giữ lợi thế dẫn đầu thị trường ở mảng ống nhựa hạ tầng (HDPE) và nằm trong top 4 doanh nghiệp ống nhựa lớn nhất Việt Nam.
- **Sản phẩm Gia dụng Cao cấp:** Thị trường đồ gia dụng Việt Nam là mảnh đất màu mỡ có quy mô ước đạt 12,5 – 13 tỷ USD, duy trì tốc độ tăng trưởng cao trên 10%/năm nhờ cơ cấu dân số vàng và tăng trưởng GDP ấn tượng (trên 8% năm 2025). Ngành hàng này chiếm tới 9% tổng chi tiêu cá nhân của người Việt, mở ra cơ hội lớn cho các dòng sản phẩm cao cấp, đa dạng chất liệu và thiết kế bắt mắt. Thương hiệu Quốc gia Inochi đang sở hữu danh mục

gần 1.000 SKU, đóng vai trò tiên phong để khai thác dư địa lớn từ kênh siêu thị và xuất khẩu quốc tế.

- **Bao bì:** Ngành bao bì Việt Nam mở rộng nhanh chóng dựa trên sự bứt phá của tiêu dùng nội địa, thương mại điện tử và nhu cầu đóng gói lớn từ ngành thực phẩm - đồ uống, bao bì bảo vệ thực vật, bao bì y tế. Phân khúc bao bì nhựa duy trì vị thế ưu thế toàn ngành với sản lượng dự báo đạt 15,09 triệu tấn vào năm 2028, đạt tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) khá cao ở mức 8,44%. Bên cạnh nhóm khách hàng truyền thống bao bì cứng tại thị trường Việt Nam, sự gia tăng vững chắc của tầng lớp trung lưu tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương cũng trở thành bệ phóng dài hạn thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ các dòng bao bì mềm, giúp công ty tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu ngoài phạm vi 20 quốc gia xuất khẩu hiện hữu.
- **Vật liệu Xây dựng (Gạch ốp lát, ngói tráng men):** Thị trường gạch ceramic Việt Nam có quy mô lớn (đạt 5,92 tỷ USD năm 2025) và dự kiến duy trì tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) 6,39% trong giai đoạn 2026 – 2031, tiếp tục giữ vị thế dẫn đầu khu vực ASEAN. Dù công suất khai thác toàn ngành hiện mới ở mức 60 – 75%, động lực phục hồi đang trở nên rõ nét nhờ làn sóng đầu tư công (30 tỷ USD Chính phủ phân bổ) và sự gia tăng của các dự án đô thị hóa. Phân khúc nhà ở, công trình thương mại cao cấp và kênh xuất khẩu sang các nước khu vực đang mở ra dư địa lớn cho các dòng gạch tấm khổ lớn giá trị cao

c) Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

❖ **Mảng Hạ tầng giao thông thông minh và dịch vụ ô tô**

Hoạt động đầu tư và phát triển hạ tầng giao thông thông minh, dịch vụ ô tô của Tổ chức phát hành phù hợp với định hướng phát triển hạ tầng giao thông quốc gia theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cũng như chủ trương thúc đẩy triển khai thu phí điện tử không dừng ETC nhằm hiện đại hóa hệ thống giao thông và nâng cao hiệu quả quản lý vận hành. Trong bối cảnh nhu cầu sở hữu và sử dụng ô tô tại Việt Nam tiếp tục gia tăng nhờ tốc độ đô thị hóa và tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người, thị trường dịch vụ ô tô và hạ tầng giao thông thông minh được đánh giá còn nhiều dư địa phát triển. Bên cạnh đó, xu hướng số hóa giao thông, phát triển hệ sinh thái dịch vụ ô tô toàn diện và mở rộng các dịch vụ giá trị gia tăng cho người sử dụng phương tiện đang trở thành xu hướng phổ biến trên thế giới. Với định hướng phát triển trong lĩnh vực phân phối ô tô, thu phí tự động không dừng và các dịch vụ liên quan đến xe và chủ xe, Tổ chức phát hành có tiềm năng hưởng lợi từ sự cộng hưởng giữa hệ sinh thái khách hàng, dữ liệu người dùng và mạng lưới dịch vụ sẵn có, qua đó gia tăng khả năng khai thác chéo sản phẩm, tối ưu hiệu quả vận hành và nâng cao năng lực cạnh tranh trong dài hạn.

❖ **Mảng Bảo hiểm**

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ của Tổ chức phát hành, với trọng tâm là sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới, phù hợp với định hướng phát triển của ngành bảo hiểm theo Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong đó khuyến khích đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ bảo hiểm của

người dân và thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Bên cạnh đó, trong bối cảnh số lượng phương tiện giao thông tại Việt Nam tiếp tục gia tăng, nhu cầu tham gia bảo hiểm xe cơ giới và quản trị rủi ro tài chính của cá nhân, tổ chức ngày càng lớn, tạo dư địa tăng trưởng tích cực cho phân khúc này. Trên thế giới, bảo hiểm xe cơ giới tiếp tục là một trong những mảng bảo hiểm phi nhân thọ chủ lực, với xu hướng đẩy mạnh số hóa quy trình khai thác, giám định và bồi thường nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng và tối ưu hiệu quả vận hành; đây cũng là định hướng phát triển mà Tổ chức phát hành đang từng bước triển khai để nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong dài hạn.

❖ **Mảng Đầu tư**

Hoạt động đầu tư của Tổ chức phát hành hiện tập trung vào các lĩnh vực nước sạch, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ thiết yếu, phù hợp với định hướng phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam cũng như chủ trương của Nhà nước về bảo đảm an ninh nguồn nước, thúc đẩy sản xuất trong nước và phát triển các ngành phục vụ nhu cầu dân sinh. Đặc biệt, lĩnh vực nước sạch được Chính phủ xác định là ngành hạ tầng thiết yếu, được ưu tiên đầu tư nhằm nâng cao chất lượng đời sống người dân và đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị, công nghiệp. Bên cạnh đó, các lĩnh vực tiêu dùng và dịch vụ thiết yếu được đánh giá có tiềm năng tăng trưởng ổn định nhờ quy mô dân số lớn, tốc độ đô thị hóa cao và xu hướng gia tăng nhu cầu tiêu dùng nội địa. Trên thế giới, xu hướng đầu tư vào các ngành thiết yếu, có khả năng duy trì tăng trưởng bền vững và chống chịu tốt trước biến động kinh tế đang ngày càng được ưu tiên; điều này cho thấy định hướng đầu tư của Tổ chức phát hành phù hợp với xu thế chung và có tiềm năng tạo ra giá trị ổn định trong dài hạn.

10.8. Hoạt động Marketing

Hoạt động marketing của Công ty chú trọng vào việc thực hiện dịch vụ, sản phẩm chất lượng cao, tạo mối quan hệ thân thiết bền chặt với các khách hàng truyền thống và gây ấn tượng tốt đối với các khách hàng tiềm năng. Ngoài ra, Công ty còn chú trọng xây dựng hình ảnh công ty thông qua đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, trình độ chuyên môn cao, có nhiều kinh nghiệm và chia sẻ tầm nhìn, định hướng chiến lược phát triển của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty luôn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội, từ thiện, xây dựng cộng đồng bền vững như: đồng hành cùng báo Thanh Niên, là một trong những nhà bảo trợ chính trong chương trình “Cùng con đi tiếp cuộc đời”, bảo trợ cho 3 trẻ em mồ côi do dịch Covid 19; đóng góp được 119 đơn vị máu, góp phần cùng Viện Huyết học và truyền máu TW cung cấp kịp thời nguồn máu, đem lại sự sống cho nhiều bệnh nhân; ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi bão Yagi với số tiền lên đến 5 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty còn tập trung đẩy mạnh các hoạt động quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm/dịch vụ của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng Website với giao diện thân thiện, dễ sử dụng và thường xuyên cập nhật các thông tin hoạt động của Công ty để nhà đầu tư, cổ đông và các đối tác có thể dễ dàng tiếp cận.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

❖ **Thương hiệu hình ảnh của Tasco bao gồm**

- Website: <http://tasco.com.vn/>

- Logo: **TASCO**

Logo của Công ty đã được đăng ký bảo hộ theo Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ số 26413, 26414 ngày 01/04/2022 và số 28172, 28173 ngày 07/04/2022 bởi Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam – Bộ Khoa học và Công nghệ.

❖ **Thương hiệu hình ảnh Dự án Foresa Villa (Khu đô thị sinh thái Xuân Phương)**

- Logo: **FORESA**
villa

Logo của Dự án đã được đăng ký bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0278538-000 cấp ngày 28/03/2017 bởi Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam – Bộ Khoa học và Công nghệ.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm dịch vụ mới là một yêu cầu cấp bách để đi trước và đón bắt được nhu cầu của thị trường vì thế chính sách nghiên cứu và phát triển luôn được Công ty chú trọng trong suốt quá trình phát triển, đặc biệt trong giai đoạn gần đây (2023-2026), cụ thể:

- Quá trình đưa ra sản phẩm dịch vụ mới trong tương lai, đòi hỏi Tasco phải có kế hoạch đầu tư lớn, kết hợp với việc xác định các tiêu chuẩn dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng và tình hình tiêu thụ sản phẩm tại thị trường Việt Nam cũng như trên thị trường quốc tế.
- Để nâng cao công tác quản trị Công ty, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, Công ty tiếp tục nghiên cứu và áp dụng có chọn lọc các mô hình quản lý chuyên nghiệp vào mô hình quản lý của đơn vị.
- Đối với lĩnh vực bất động sản, trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát thị trường và tìm kiếm cơ hội đầu tư, Công ty không ngừng tìm kiếm những cơ hội để gia tăng quỹ đất và đa dạng hoá sản phẩm phù hợp với nhu cầu của từng phân khúc khách hàng. Đồng thời, thiết kế của các dự án được phối hợp với các đơn vị tư vấn thiết kế uy tín trong nước để có được những mô hình thiết kế phù hợp với đặc trưng của từng địa điểm, khu vực, tạo nên sức hút ấn tượng của mỗi dự án và nâng cao năng lực cạnh tranh của dự án cũng như của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành.

10.11. Chiến lược kinh doanh

Trong trung và dài hạn, thị trường ô tô Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ với tốc độ CAGR đạt 14% – 15%/năm, dự kiến đạt 1,1 triệu xe vào 2030, khẳng định tiềm năng mạnh mẽ của thị trường ô tô Việt Nam trong khu vực châu Á. Theo đó, các lựa chọn chiến lược của Tasco sẽ hướng đến việc khai thác tiềm năng thị trường và phát huy các thế mạnh cốt lõi của công ty.

❖ **Định hướng chiến lược 2025 - 2030 của Công ty**

a. **Hạ tầng giao thông**

- **Nâng cao năng lực làm chủ chuỗi cung ứng toàn diện từ thượng nguồn đến hạ nguồn:** Triển khai dự án lắp ráp trong nước (CKD), tối ưu nguồn cung khu vực ASEAN để gia tăng lợi thế cạnh tranh về giá. Hoàn thiện hệ thống Chăm sóc khách hàng (“CRM”) liên kết dữ liệu giữa đại lý ô tô, xưởng dịch vụ và nhà nhập khẩu để nâng cao chất lượng dịch vụ sau bán hàng và chăm sóc khách hàng.
- **Ra mắt nền tảng số Tasco Mobility - tích hợp toàn diện hệ sinh thái các dịch vụ cho người dùng ô tô:** Phát triển Social Car – VETC+ valued service bao gồm các tiện ích như cứu hộ (RSA), chương trình khách hàng thân thiết (loyalty), sàn thương mại điện tử (marketplace), và phương tiện truyền thông (media); Công nghệ tích hợp: Ứng dụng hệ điều hành kép (Dual OS), trí tuệ nhân tạo trên xe (AI in Car) và hệ thống bản đồ số (Map) nhằm cá nhân hóa trải nghiệm người dùng.

Trên nền tảng hạ tầng đã hoàn thiện, Tasco Auto đã sẵn sàng cho chu kỳ tăng trưởng mới, từ năm 2026 tập trung cho hiệu suất, hiệu quả, chất lượng và trải nghiệm khách hàng an tâm trên nền tảng đa kênh.

- 200+ điểm kinh doanh (150 showroom và hơn 70 xưởng dịch vụ Carpla)
- Hạ tầng nhân sự, ERP – công nghệ vận hành.
- Danh mục sản phẩm và dịch vụ toàn diện từ xe ô tô phổ thông tới xe sang + (Volvo, Zeekr, Lotus).
- Dịch vụ hạ nguồn: hệ thống xưởng dịch vụ Carpla 3S, quick services (Carpla Stop & Go), phụ tùng, phụ kiện, cứu hộ VETC, chuỗi rửa xe tự động và các dịch vụ giá trị gia tăng trên nền tảng số (infotainment, hỗ trợ người lái)...
- **Phát triển hệ thống xưởng dịch vụ Carpla trở thành hệ thống cung cấp dịch vụ sửa chữa – phụ tùng dành cho xe với phụ tùng nhập khẩu chính hãng, nâng cao chất lượng dịch vụ hậu mãi, dịch vụ cho thuê xe và các dịch vụ hạ nguồn (xưởng dịch vụ 3S, quick services, phụ tùng, phụ kiện, rửa xe...). Với năng lực hiện hữu, Tasco có lợi thế liên kết trực tiếp với các OEMs để tích hợp chuỗi cung ứng phụ tùng toàn diện, và mạng lưới phân phối đến hệ thống xưởng dịch vụ/bảo hiểm, đảm bảo tỷ lệ sẵn sàng cung ứng phụ tùng cao nhất trên toàn mạng lưới Showroom/Xưởng dịch vụ.**
- **Mở rộng dải sản phẩm:** Mở rộng việc phân phối các sản phẩm ô tô với các mẫu xe mới của các thương hiệu hiện tại cũng như ra mắt các thương hiệu mới như Lotus, Zeekr... để có thêm nhiều sự lựa chọn chất lượng cho Người tiêu dùng, trong đó có những sản phẩm đã được đón nhận rất lớn trên thị trường quốc tế.
- **Dịch vụ tài chính ngân hàng**
Hợp tác với đối tác tài chính, ngân hàng cung cấp giải pháp tài chính linh hoạt cho khách hàng, triển khai các chương trình cho vay mua xe với lãi suất tốt. Thiết kế các sản phẩm tài chính phù hợp với từng phân khúc khách hàng. Tiếp tục phát triển các sản phẩm tài chính vì mô để mở rộng dịch vụ thanh toán giao thông, xăng dầu theo mô hình mua trước – trả sau (Buy Now Pay Later); Hoàn thiện hệ sinh thái thông qua các giải pháp tài chính như Co-

lending (cho vay ô tô), BNPL (mua trước trả sau) và thẻ tín dụng đồng thương hiệu Mobility Co-brand với những đặc quyền chuyên biệt cho khách hàng sở hữu và sử dụng xe ô tô.

- **Tập trung nâng cao hiệu quả kinh doanh thông qua mô hình tích hợp theo chiều dọc, lấy công nghệ làm nền tảng** để phát triển hệ sinh thái dịch vụ ô tô toàn diện, lấy VETC làm nền tảng kết hợp cùng dịch vụ ngân hàng trên hạ tầng vật lý và VETC digital để tạo ra trải nghiệm khách hàng toàn diện (end to end) và an tâm, có tính cá nhân hóa cao.
- VETC – Nền tảng số chuyên biệt phục vụ 100% khách hàng sở hữu và sử dụng xe ô tô. VETC là trung tâm kết nối khách hàng với hệ thống hạ tầng vật lý, cung cấp một nền tảng công nghệ tích hợp toàn diện cho hệ sinh thái Tasco và mở rộng cho các nhà cung cấp dịch vụ khác. Không dừng lại ở dịch vụ thu phí tự động (ETC) tại cao tốc, bãi đỗ hay cảng hàng không, VETC đang tiến tới số hóa toàn bộ trải nghiệm giao thông: từ quản lý hồ sơ, tra cứu phạt nguội, thanh toán phí bảo trì đường bộ đến nhắc lịch đăng kiểm và bảo dưỡng. Đặc biệt, từ năm 2025, các dịch vụ như VETC Cứu hộ và Bảo hiểm TNDS đã được triển khai với trải nghiệm số hóa 100%, giúp khách hàng dễ dàng lựa chọn, thanh toán và lưu trữ chứng từ trực tuyến trên cùng nền tảng VETC Digital, tạo ra một hành trình trải nghiệm số xuyên suốt.

b. Bảo hiểm

- Bảo hiểm Tasco tập trung cho chu kỳ tăng trưởng quy mô và nâng cao hiệu suất vận hành, đặt mục tiêu đạt Top 3 thị phần bảo hiểm xe cơ giới trong năm 2026. Từ năm 2027, đạt Top 10 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ lớn nhất thị trường về doanh thu và Top 5 từ năm 2030.
- Thực hiện tái cấu trúc danh mục sản phẩm theo hướng chuyên biệt hóa cho từng phân khúc, dải sản phẩm đa dạng từ bảo hiểm xe cơ giới, tài sản kỹ thuật, con người như: Tasco Auto Sure, Tasco Business, Tasco Prosure, Tasco Choice, nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.
- Chuyển đổi số toàn diện: Triển khai các giải pháp công nghệ số trong quản trị và vận hành, rút ngắn thời gian cấp đơn bảo hiểm và giải quyết bồi thường.
- Mạng lưới dịch vụ tích hợp: khai thác mạng lưới hỗ trợ với dịch vụ cứu hộ 24/7, kết nối trực tiếp với hệ thống bảo lãnh và sửa chữa rộng khắp bao gồm: Hơn 200 điểm kinh doanh và showroom thuộc hệ thống Tasco Auto; Hơn 650 garage liên kết trên toàn quốc, mang đến sự an tâm và tiện lợi tối đa cho khách hàng.

c. Đầu tư

- Phát huy thế mạnh của công ty hàng đầu về phát triển các dự án ngành nước, giải quyết bài toán căn cơ và cấp thiết về nguồn nước qua việc khởi công Dự án Vùng 1 (công suất 300.000 – 600.000 m³/ngày đêm) tại ĐBSCL và hoàn thành nhà máy nước Trảng Bàng vào giữa năm 2026. Công ty duy trì tiến độ triển khai 1–2 dự án chiến lược về nguồn nước mỗi năm, kết hợp vận hành hệ thống điện mặt trời và pin lưu trữ BESS giúp tiết giảm 45–50% điện năng tiêu thụ, giảm phát thải, bảo vệ môi trường.
- Về sản xuất, tổ hợp nhà máy 18ha tại KCN Đất Đỏ đã chính thức vận hành, thay thế cơ sở tại Biên Hòa. Đây là nền tảng sản xuất trọng điểm cho Nhựa Đồng Nai, bao bì và gia dụng cao

cấp Inochi. Quy mô mới giúp tập trung hóa sản xuất, nâng cao năng lực vận hành, đáp ứng các đơn hàng sản lượng lớn và tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe.

- **Bất động sản:** Dự án Việt Trì Legacy Lakeside quy mô 17,3 ha khởi công tháng 3/2026 tại vị trí đắc địa nối trục Hùng Vương – Lạc Long Quân, gồm 92 biệt thự đơn lập (~300 m²/căn). Công trình hội tụ các đơn vị tư vấn hàng đầu thế giới như WATG (Mỹ), Noor Design (Anh) và LJ-Group, kết hợp tiêu chuẩn quốc tế với phong cách Indochine – Tropical. Với mật độ xây dựng dưới 60%, dự án ưu tiên không gian xanh, mặt nước và hệ tiện ích cao cấp đồng bộ, hình thành cộng đồng tinh hoa riêng tư và khác biệt. Dự án tạo doanh thu và lợi nhuận sớm, bảo đảm dòng tiền cho giai đoạn đầu.
- Ngoài ra, Công ty sẽ triển khai tốc độ, quyết liệt để hoàn thành các thủ tục Pháp lý dự án Đơn vị ở 1 (ĐVO1) Xuân Phương, một số dự án bất động sản khác trong quỹ đất hiện và tăng cường hợp tác đầu tư với chủ đầu tư tại Dự án Chi Đông để tháo gỡ các khó khăn pháp lý nhằm triển khai Dự án, tạo quy mô và giá trị gia tăng lớn cho phát triển dài hạn.
- Mảng bất động sản nghỉ dưỡng tập trung nâng cao hiệu quả khai thác Six Senses Ninh Vân Bay và Ana Mandara Đà Lạt, lấy chuẩn mực vận hành 5 sao quốc tế làm DNA lan tỏa toàn hệ thống. Ngoài ra, ưu tiên khai thác tối ưu các tài sản của hệ thống, trong đó Mercure Sơn Trà và Sandy Beach là 2 dự án đặc biệt, sở hữu những quỹ đất có bờ biển và địa hình đẹp nhất khu vực, kết hợp giữa đất dịch vụ nghỉ dưỡng.

d. Các giải pháp về quản trị – công nghệ – hợp tác

- **Triển khai ứng dụng My Tasco - số hóa quản trị và lan tỏa mạnh mẽ văn hóa 3T**

Quản trị mục tiêu: Xây dựng hệ thống KPIs chi tiết đến từng cơ sở và từng cá nhân cụ thể; Vận hành & Tuân thủ: Đảm bảo sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình và quy định nội bộ; Phát triển nguồn lực: Tập trung phát triển con người, công tác đào tạo và lan tỏa mạnh mẽ văn hóa 3T (Trọng tâm khách hàng - Tinh gọn, Hiệu suất cao - Tốc độ, Quyết liệt)

- **Tối ưu hóa công nghệ**

Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để tăng năng suất lao động và tối ưu chi phí quản lý doanh nghiệp. Tối ưu hóa hiệu suất toàn hệ thống thông qua triển khai OKR/KPI trên toàn hệ thống để tăng năng suất lao động và tăng trưởng lợi nhuận. Thu hút nhân tài, phát triển con người, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp. Triển khai mô hình quản trị hiện đại để tối ưu vận hành, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả ra quyết định.

- **Mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế, thu hút nguồn vốn đầu tư dài hạn tạo nền tảng phát triển bền vững**

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế thông qua quan hệ đối tác chiến lược với các tập đoàn hàng đầu như Mitsui & Co., IFC, Samsung E&A và Geely để tối ưu hóa chuỗi giá trị và chuẩn hóa hệ thống theo tiêu chuẩn quốc tế.

Tập trung cùng với các nhà đầu tư triển khai Dự án đầu tư xây dựng mở rộng cao tốc TP.HCM – Trung Lương – Mỹ Thuận theo phương thức PPP, với mục tiêu đảm bảo tiến độ, kiểm soát

chỉ phí và áp dụng các giải pháp kỹ thuật phù hợp cho tuyến cao tốc quy mô lớn, phức tạp bậc nhất khu vực phía Nam.

❖ Mục tiêu chiến lược

Với định hướng chiến lược xây dựng hệ sinh thái đầu tư, lấy công nghệ làm nền tảng, kết nối hạ tầng giao thông, bảo hiểm, đầu tư cho dịch vụ thiết yếu và đổi mới sáng tạo, trong năm 2026 và giai đoạn tiếp theo, Tasco sẽ tập trung tối đa nguồn lực để đầu tư phát triển các lĩnh vực cốt lõi và kết nối thực chất với tầm nhìn thông qua các giải pháp cụ thể như sau:

- *Mô hình kinh doanh:* Sau khi cấu trúc lại những mảnh ghép quan trọng trong hệ thống, Tasco tập trung xây dựng mô hình kinh doanh tích hợp theo chiều dọc, hướng tới:
 - Phục vụ khách hàng trọn vòng đời sử dụng dịch vụ ô tô thay vì cung cấp dịch vụ đơn lẻ.
 - Phát triển kinh doanh hướng lên thượng nguồn của chuỗi giá trị ngành ô tô thông qua hợp tác với các đối tác toàn cầu, xây dựng mô hình kinh doanh bền vững với hiệu suất và biên lợi nhuận cao hơn.
- *Công nghệ:* Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số, từ quy trình vận hành, chăm sóc khách hàng đến liên thông hạ tầng công nghệ, khai thác Big Data & AI nhằm xây dựng DNA tiêu chuẩn, tạo nền tảng kết nối xuyên suốt và tối ưu hóa lợi thế cạnh tranh trên toàn hệ thống.
- *Trải nghiệm khách hàng:* Định nghĩa lại trải nghiệm khách hàng thông qua việc nhân rộng các DNA tiêu chuẩn dịch vụ 5 sao quốc tế trên toàn hệ thống. Gia tăng điểm chạm khách hàng thông qua mở rộng hệ thống showroom tích hợp xưởng dịch vụ trên toàn quốc, kết hợp với các trải nghiệm đặc quyền như Safety Academy, sự kiện tri ân Loyalty, hòa nhạc đẳng cấp...
- *Phát triển nguồn nhân lực:*
 - Thu hút đội ngũ lãnh đạo và nhân lực cấp cao có trình độ kinh nghiệm đa quốc gia.
 - Xây dựng tổ chức tinh gọn, linh hoạt, cơ chế thưởng xứng đáng và hợp tác cùng các tổ chức giáo dục hàng đầu thế giới như Harvard Business School, Fulbright... để phát triển đội ngũ tinh nhuệ.
- *Quản trị công ty:* Áp dụng các mô hình quản trị hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế, tối ưu nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực có ưu thế; Tích hợp các vấn đề ESG trong hoạt động kinh doanh, quản trị chuỗi giá trị và kiểm soát rủi ro hoạt động, hướng tới phát triển bền vững.
- *Lĩnh vực kinh doanh cốt lõi:* Tasco sẽ tập trung triển khai các giải pháp chiến lược cho mảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ ô tô và hạ tầng giao thông thông minh, đồng thời phát triển các dịch vụ toàn diện cho xe bao gồm: bảo hiểm, tài chính và bất động sản nghỉ dưỡng.

10.12. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Tổ Chức Phát Hành không hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Cơ cấu lao động

Căn cứ báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2024, số lượng người lao động của Công ty là 135 người, báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2025, số lượng người lao động của Công ty là 110 người, lao động bình quân năm 2024 và năm 2025 là 123 người. Trong năm 2025, Công ty đã triển khai hoạt động tái cấu trúc bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả vận hành và tối ưu hóa nguồn lực, dẫn đến cơ cấu tổ chức và nhân sự của Công ty trong năm 2025 có sự thay đổi so với năm 2024. Đến thời điểm 30/06/2026, số lượng người lao động của Công ty là 104 người.

Cơ cấu lao động của Công ty được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 20: Tình hình lao động của Công ty

STT	Cơ cấu lao động	Số lượng người lao động
	Năm 2024	
I	Phân theo phòng ban	
1	Hội đồng quản trị	9
2	Ban Tổng Giám đốc	3
3	Khối Ngân hàng Đầu tư	29
3.1	Ban Đầu tư	13
3.2	Ban Tài chính Doanh nghiệp	9
3.3	Ban Pháp chế	6
3.4	Ban Phát triển sản phẩm tài chính	1
4	Khối Nguồn vốn và Quản trị tài chính	27
4.1	Phòng Kế toán HO	5
4.2	Phòng Kiểm soát nội bộ	0
4.3	Phòng Kiểm soát tài chính	10
4.4	Phòng Nguồn vốn	2
4.5	Phòng Quản lý kế toán	10
5	Khối Phát triển tổ chức và Nguồn nhân lực	22
5.1	Phòng Nhân sự	6
5.2	Phòng Đào tạo	10
5.3	Phòng Tuyển dụng	6
6	Ban Thư ký - Trợ lý - Hành chính	37
7	Khối Công nghệ	1

STT	Cơ cấu lao động	Số lượng người lao động
8	Ban đối ngoại	0
9	Ban cố vấn	2
10	Khối Khách hàng doanh nghiệp	2
11	Phòng Quản trị rủi ro và cải tiến hệ thống	3
II	Phân theo trình độ	
1	Trình độ trên Đại học	22
2	Trình độ Đại học	95
3	Trình độ Cao đẳng	1
4	Trình độ trung cấp	2
5	Lao động phổ thông	15
III	Phân theo hợp đồng lao động	
1	Lao động thời vụ	23
2	Lao động thời hạn dưới 01 năm	0
3	Lao động thời hạn 01 - 03 năm	60
4	Lao động không xác định thời hạn	52
	Tổng cộng năm 2024	135
	Năm 2025	
I	Phân theo phòng ban	
1	Hội đồng quản trị	8
2	Ban Điều hành	4
3	Ban Cố vấn	2
4	Ban Tài chính - Đầu tư	34
4.1	Phòng Đầu tư & IR	6
4.2	Phòng Kế toán	5
4.3	Phòng Nguồn vốn	5
4.4	Phòng Pháp chế	5
4.5	Phòng Quản lý tài chính kế toán	6
4.6	Phòng Tài chính doanh nghiệp	7
5	Phòng QTRR & Cải tiến	5
6	Phòng Truyền thông	7

STT	Cơ cấu lao động	Số lượng người lao động
7	Ban Nhân sự & Phát triển tổ chức	9
8	Ban Nghiên cứu và dự án	10
9	Ban Thư ký VPHĐQT	31
9.1	Ban Thư ký	4
9.2	Phòng Hành chính quản trị	27
II	Phân theo trình độ	
1	Trình độ trên Đại học	18
2	Trình độ Đại học	77
3	Trình độ Cao đẳng	1
4	Trình độ trung cấp	2
5	Lao động phổ thông	12
III	Phân theo hợp đồng lao động	
1	Lao động thời vụ	20
2	Lao động thời hạn dưới 01 năm	0
3	Lao động thời hạn 01 - 03 năm	38
4	Lao động không xác định thời hạn	52
	Tổng cộng năm 2025	110
	6 tháng đầu năm 2026	
I	Phân theo phòng ban	
1	Hội đồng quản trị	8
2	Ban Điều hành	5
3	Ban Cố vấn	3
4	Ban Tài chính - Đầu tư	35
4.1	Phòng Đầu tư & IR	7
4.2	Phòng Kế toán	6
4.3	Phòng Nguồn vốn	5
4.4	Phòng Pháp chế	3
4.5	Phòng Kiểm soát tài chính	8
4.6	Phòng Tài chính doanh nghiệp	6
5	Phòng QTRR & Cải tiến	2

STT	Cơ cấu lao động	Số lượng người lao động
6	Phòng Truyền thông	7
7	Ban Nhân sự & Phát triển tổ chức	10
8	Ban Nghiên cứu và dự án	5
9	Ban Thư ký VPHĐQT	29
9.1	Ban Thư ký	4
9.2	Phòng Hành chính quản trị	25
II	Phân theo trình độ	
1	Trình độ trên Đại học	15
2	Trình độ Đại học	76
3	Trình độ Cao đẳng	1
4	Trình độ trung cấp	2
5	Lao động phổ thông	10
III	Phân theo hợp đồng lao động	
1	Lao động thời vụ	18
2	Lao động thời hạn dưới 01 năm	0
3	Lao động thời hạn 01 - 03 năm	37
4	Lao động không xác định thời hạn	49
	Tổng cộng 6 tháng đầu năm 2026	104

Nguồn: CTCP Tasco

11.2. Các chính sách đối với người lao động

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Tasco luôn đặt vấn đề đào tạo nguồn nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi, có chuyên môn cao lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược của Công ty.

a) Chế độ, điều kiện làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 5 ngày/tuần. Cán bộ, nhân viên được hưởng chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo quy định của Luật Lao động.

Với cam kết xây dựng và phát triển môi trường làm việc chuyên nghiệp, văn phòng làm việc của Công ty được đầu tư cao cấp, hiện đại cho cán bộ nhân viên thuận tiện trong thực hiện công việc, CBCNV cũng được cấp phát các phương tiện và trang thiết bị làm việc hiện đại, đồng phục... nhằm đảm bảo hoàn thành công việc ở mức cao nhất trong từng Phòng/Ban của Công ty. Bên cạnh đó, CBCNV đều được tạo điều kiện để có cơ hội trải nghiệm, thử thách các công việc, thu nhận kiến thức thực tế, có lộ trình phát triển cá nhân.

b) Chính sách lương thưởng, trợ cấp

Áp dụng theo chức danh, cấp bậc và tính chất từng công việc, Công ty thực hiện chi trả lương cho CBCNV trong Công ty đúng và đầy đủ theo Quy chế lương, trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành. Tasco cũng có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp cho Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng ban hành các chính sách về tiền thưởng cho các ngày lễ trong năm, ngày thành lập Công ty, Tết Dương lịch, Tết Âm lịch, tháng lương thứ 13 và các chế độ phúc lợi khác như: Du lịch, nghỉ mát; tặng quà các ngày kỷ niệm, lễ trong năm (sinh nhật, Giỗ tổ Hùng Vương, ngày Giải Phóng & Quốc tế lao động, ngày Quốc khánh, ngày Phụ nữ Việt Nam, ngày Quốc tế phụ nữ), khám sức khỏe định kỳ, thai sản, hiếu hi...; tổ chức thăm hỏi động viên người lao động hoặc thân nhân người lao động bị ốm đau, bệnh tật, tử tuất.

c) Chính sách tuyển dụng

Việc tuyển dụng, đánh giá nhân sự tại Tasco luôn được thống nhất theo đúng quy trình, quy chế và chiến lược sản xuất kinh doanh và nhu cầu tuyển dụng nhân sự của Công ty tại từng thời kỳ. Công ty luôn cố gắng thiết kế các chế độ tốt nhất về lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ thỏa đáng khác để thu hút được các nhân sự có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng làm việc xuất sắc, đồng thời cũng để giữ chân những CBCNV giỏi, có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Công ty, khuyến khích và nâng cao tinh thần làm việc.

d) Chính sách đào tạo

Chiến lược đào tạo và phát triển nguồn lực của Công ty được xây dựng bài bản, có trọng điểm với 03 chiến lược chính sau đây:

- Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng cho Trung tâm đào tạo Tasco Academy với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức và năng lực sẵn sàng cho thời kỳ VUCA, đáp ứng kịp thời cho sự phát triển của Công ty.
- Tổ chức các chương trình đào tạo về kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý kinh doanh, các chương trình đào tạo chuẩn hóa nghiệp vụ, nâng cao tay nghề.
- Tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm với sự tham gia của các chuyên gia, cố vấn ưu tú để cập nhật thông tin và chia sẻ kiến thức cho lãnh đạo, nhân viên.

e) Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Không có

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua, chính sách phân phối cổ tức do HĐQT Công ty kiến nghị và ĐHĐCĐ quyết định như sau:

- Cổ tức được chia theo quyết định của ĐHĐCĐ trên cơ sở đề nghị của HĐQT, phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm

thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả;

- Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Công ty sẽ không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan đến một cổ phiếu.

Trong năm 2024 - 2026, Công ty không thực hiện chi trả cổ tức. Việc không chia cổ tức nhằm mục đích tập trung nguồn lực để đầu tư phát triển theo định hướng chiến lược đầu tư kinh doanh của Công ty.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán như sau:

❖ Phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng:

- Cơ sở pháp lý của việc phát hành:
 - + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Công ty cổ phần Tasco thông qua Tờ trình phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty số 05/2024/TTr-HĐQT ngày 10 tháng 5 năm 2024 (“Nghị quyết 01”);
 - + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/05/2025 của Công ty cổ phần Tasco thông qua Tờ trình số 07/2025/TTr-HĐQT ngày 05/05/2025 về việc tiếp tục thực hiện Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty theo Nghị quyết 01;
 - + Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng quản trị về việc thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng;
 - + Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tasco về việc thông qua chi tiết Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán và cập nhật hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 146/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 12/06/2025;
 - + Văn bản xác nhận số dư tài khoản phong tỏa ngày 28/08/2025 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 178.502.393 cổ phiếu
- Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: 1.785.023.930.000 đồng
- Ngày kết thúc đợt chào bán: 20/08/2025
- Số lượng cổ phiếu đã chào bán: 175.773.616 cổ phiếu

- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 1.757.736.160.000 đồng
- Tổng chi phí phát hành: 286.700.000 đồng
- Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 1.757.449.460.000 đồng
- Mục đích sử dụng vốn và tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán như sau:

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/05/2024, Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/05/2025, Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 16/12/2024, Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐQT ngày 12/05/2025, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán ra công chúng như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Góp vốn vào Công ty Cổ phần Tasco Auto	485.023.930.000
2	Góp vốn vào Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	800.000.000.000
3	Góp vốn vào Công ty Cổ phần VETC	500.000.000.000
Tổng cộng		1.785.023.930.000

Do ngày 22/07/2025, Công ty Cổ phần VETC đã phát hành Trái phiếu chuyển đổi cho Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC) với tổng khối lượng phát hành là 500 tỷ đồng. Vì vậy, căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng quản trị thông qua việc thay đổi phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu quy định tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 21/2025/NQ – HĐQT ngày 29/08/2025 trên cơ sở tối ưu hóa mục đích sử dụng vốn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công ty cũng như cổ đông. Đồng thời, căn cứ báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được kiểm toán số BC/BDO/2025.759 ngày 10/11/2025 bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO, mục đích sử dụng vốn và tình hình sử dụng vốn cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số tiền sử dụng theo Nghị quyết số 21/2025/NQ – HĐQT (đồng)	Số tiền đã sử dụng (đồng)
1	Góp vốn vào Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	800.000.000.000	800.000.000.000
2	Góp vốn, bổ sung vốn vào Công ty cổ phần Tasco Auto	957.735.060.000	957.735.060.000
Tổng cộng		1.757.735.060.000	1.757.735.060.000

14. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tiếp liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Các trái phiếu do HUT phát hành trong 03 năm liên tục (từ năm 2023 đến năm 2025) và đến thời điểm hiện tại đều đã được HUT thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi trái phiếu, bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và các điều khoản, điều kiện của các trái phiếu.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Tính đến thời điểm ký Bản Cáo Bạch này, tổng số dư trái phiếu do HUT đã phát hành nhưng chưa đáo hạn là 500.000 triệu đồng (tính theo mệnh giá). Trong đó:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 0 triệu đồng, chiếm 0% tổng số dư trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn;
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 500.000 triệu đồng, chiếm 100% tổng số dư trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn.

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn này, HUT đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

16. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

❖ Thông tin về việc tranh chấp kiện tụng với Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị

Trong năm 2020 Công ty nhận được bản án sơ thẩm số 18/2020/KDTMST ngày 12/09/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức mà Tasco là nguyên đơn trong vụ kiện đòi bàn giao đất theo Hợp đồng kinh tế số 477/HUD-HĐKT, tại bản án Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức buộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị là bị đơn phải trả cho CTCP Tasco số tiền 191,78 tỷ đồng (gốc và lãi). CTCP Tasco không chấp nhận (vì kiện đòi 12.870 m² đất) nên đã làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân TP Hà Nội yêu cầu Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị bàn giao 12.870 m² đất cho Tasco theo đúng thỏa thuận đã ký. Ngày 25/01/2021, Công ty đã nhận được thông báo về việc thụ lý án phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Ngày 03/06/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã gửi công văn đến UBND thành phố Hà Nội để thu thập tài liệu, căn cứ của vụ án.

Theo quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tại bản án số 108/KDTM-PT ngày 30/06/2022 về việc tranh chấp hợp đồng kinh tế, theo đó: Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị phải bàn giao cho Công ty Cổ phần Tasco diện tích đất còn thiếu tại dự án là 12.870 m² hoán đổi phần diện tích chênh lệch do điều chỉnh quy hoạch của các lô đất BT01, LK03, LK24, LK25 theo cam kết tại Biên bản cuộc họp giữa hai Bên ngày 28/12/2017 sang các lô LKM3, LKM5', LKM6, LKM7, LKM8 và một phần diện tích của lô LKM5 với các chỉ tiêu theo quy hoạch điều chỉnh được phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/07/2017 của UBND thành phố Hà Nội. Năm 2024, Tòa án Cấp cao đã xét xử giám đốc thẩm theo đó huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm,

phúc thẩm để trả lại cấp sơ thẩm xét xử từ đầu đối với Vụ án. Toà án Khu vực 8 Hà Nội đã tiếp nhận và đang trong quá trình giải quyết mà chưa có phán quyết.

Sau khi xem xét thận trọng, Ban điều hành Công ty nhận thấy vấn đề nêu trên không tác động đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, đợt chào bán cũng như phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Mặc dù vụ án có thể kéo dài, nhưng Công ty không gặp rủi ro về tài chính do có thể thu hồi lại đất hoặc số tiền đã thanh toán.

17. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 21: Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất qua các năm

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm so với năm trước	6 tháng đầu năm 2026
Tổng giá trị tài sản	28.987.313	52.231.240	80,19%	54.698.203
Doanh thu thuần	30.228.885	36.317.438	20,14%	22.190.769
Lợi nhuận gộp	2.674.159	3.373.703	26,16%	2.527.689
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	295.490	517.341	75,08%	349.274
Lợi nhuận khác	130.332	270.657	107,67%	50.975
Lợi nhuận kế toán trước thuế	425.823	787.998	85,05%	400.249
Lợi nhuận kế toán sau thuế	304.747	630.263	106,82%	310.472
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	-	0%
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	-	0%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, 2025 và BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2026

Bảng 22: Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ qua các năm

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm so với năm trước	6 tháng đầu năm 2026
Tổng giá trị tài sản	22.173.109	25.544.205	15,20%	25.763.014
Doanh thu thuần	318.709	573.087	79,81%	130.909
Lợi nhuận gộp	6.718	211.781	3052,40%	9.986
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	111.055	125.653	13,14%	49.926
Lợi nhuận khác	(7.857)	(9.406)	-	(3.754)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	103.198	116.247	12,64%	46.172
Lợi nhuận kế toán sau thuế	97.101	107.789	11,01%	44.487
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	-	0%
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	-	0%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, 2025 và BCTC soát xét riêng bán niên năm 2026 của Công ty

- Các chỉ tiêu khác (các chỉ tiêu để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động): Không có.
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức phát hành

❖ **Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán**

– **Khó khăn**

- + Thách thức mang tính toàn cầu do tổng cầu suy giảm, lạm phát vẫn ở mức cao, chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công thế giới tăng lên mức kỷ lục. Trong khi đó, bất ổn chính trị xảy ra ở nhiều điểm nóng trên thế giới gây ảnh hưởng lớn đến chuỗi cung ứng.

Là đơn vị có mảng kinh doanh ô tô chiếm tỷ trọng lớn, hoạt động kinh doanh của Tasco cũng bị ảnh hưởng khi thị trường ô tô còn nhiều thách thức. Mặc dù thị trường 2024 – 2025 sôi động trở lại sau giai đoạn trầm lắng, doanh số bán tăng 10,5% so với cùng kỳ, tuy nhiên các hãng xe mới cũng đồng loạt xuất hiện tại Việt Nam mang đến cho khách hàng nhiều lựa chọn nhưng đồng thời cũng gia tăng cạnh tranh trên thị trường, ảnh

hường đến biên lợi nhuận, đòi hỏi công ty phải linh hoạt điều chỉnh chiến lược để nỗ lực làm tốt hơn thị trường.

- + Đối với mảng thu phí không dừng (ETC), việc tăng giá vé chậm hơn so với tiến độ cũng làm ảnh hưởng đến doanh thu thu phí.
- + Nguồn cung tại các phân khúc căn hộ chung cư, biệt thự - nhà liền kề, văn phòng cho thuê và mặt bằng bán lẻ đã và đang gia tăng nhanh chóng trong những năm qua do các dự án bắt đầu được mở bán và đi vào hoạt động tại Hà Nội và các địa phương lân cận dẫn đến tình trạng dư thừa nguồn cung và sự cạnh tranh khốc liệt giữa các chủ đầu tư trong các phân khúc nói trên tại địa bàn Hà Nội;
- + Các dự án BOT vẫn chưa đạt theo phương án tài chính như kỳ vọng, dòng tiền còn khó khăn, trong khi dự nợ còn lớn.

- Thuận lợi

- + Chính sách Nhà nước và bối cảnh thị trường hỗ trợ sự phát triển của lĩnh vực thu phí tự động không dừng: Cuối tháng 02/2022, Thủ tướng đã ra Công điện số 155/CT-TTg yêu cầu các Bộ ngành, địa phương triển khai dán thẻ định danh đối với xe ô tô để sử dụng dịch vụ thu phí giao thông đường bộ theo hình thức điện tử không dừng. Có thể thấy, thu phí tự động không dừng ETC đang nhận được sự quan tâm đặc biệt từ Chính phủ, các cơ quan ban ngành liên quan cũng như toàn thể xã hội. Hoạt động thu phí không dừng ETC thay thế Thu phí có dừng MTC là xu hướng tất yếu với những lợi thế cho tài xế, nhà đầu tư và cơ quan quản lý. Giai đoạn 2021-2030, lĩnh vực hạ tầng giao thông được chú trọng với hàng loạt dự án lớn được triển khai với tổng mức đầu tư có thể đạt 22,8 tỷ USD, tiêu biểu như Cao tốc Bắc – Nam (Tổng mức đầu tư 4,4 tỷ USD), Sân bay Long Thành giai đoạn 1 (Tổng mức đầu tư 4,9 tỷ USD),... Cùng với đó, tiềm năng phát triển của công nghệ thu phí không dừng, giao thông thông minh là rất lớn;
- + Trong dài hạn, động lực tăng trưởng của ngành ô tô Việt Nam đến từ sự gia tăng tầng lớp trung lưu và phát triển hạ tầng. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo đến năm 2026, GDP bình quân đầu người của Việt Nam đạt khoảng 5.100 USD (CAGR 2025 - 2030 đạt 7% – 9%), đưa Việt Nam vào nhóm các nước có thu nhập cao. Dân số tầng lớp trung lưu Việt Nam dự kiến sẽ tăng mạnh trong 10 năm tới, điều này sẽ thúc đẩy sự gia tăng nhu cầu đối với tất cả các loại hàng hóa cao cấp, xe ô tô, nghỉ dưỡng cao cấp. Theo dự báo của Bộ công thương tại Dự thảo Chiến lược phát triển ngành ô tô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, thị trường ô tô Việt Nam còn nhiều dư địa tăng trưởng. Tổng sản lượng xe ô tô đến năm 2035 đạt khoảng 1,5 triệu chiếc, tương đương tốc độ tăng trưởng CAGR giai đoạn 2024 - 2035 đạt khoảng 13% - 14%;
- + Ban lãnh đạo tâm huyết, dày dặn kinh nghiệm: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đều là những cá nhân tâm huyết, sẵn sàng cống hiến cho những định hướng chiến lược phát triển đầy tham vọng của Tasco trong những năm tới và cũng là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, kinh doanh bất động sản và dịch vụ - tài chính, đồng thời luôn chủ động nghiên cứu, tìm

kiểm cơ hội đầu tư và phát triển các ngành nghề kinh doanh/sản phẩm dịch vụ mới nhằm mang lại lợi thế cạnh tranh cho Công ty trong từng giai đoạn phát triển của Tasco.

❖ **Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm 31/12/2025**

- Năm 2026, kinh tế toàn cầu dự báo sẽ tiếp tục xu hướng tăng trưởng ở mức trung bình, GDP toàn cầu dao động trong khoảng 2,9% đến 3,3% (theo dự báo của Liên Hợp Quốc và IMF). Các nền kinh tế lớn tiếp tục đối mặt với áp lực từ lạm phát, chính sách tiền tệ thắt chặt và bất ổn địa chính trị, trong khi nhóm các nền kinh tế đang phát triển được kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng tích cực hơn. Đối với Việt Nam, phần đầu tăng trưởng GDP năm 2026 và bình quân 5 năm 2026-2030 từ 10% trở lên. Chính sách tiền tệ sẽ được điều hành một cách linh hoạt và hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa nhằm thúc đẩy tăng trưởng, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đồng thời ứng phó linh hoạt với các thách thức từ những thay đổi trong chính sách thương mại quốc tế và thuế quan đối ứng. Cùng với đó, môi trường đầu tư và kinh doanh sẽ tiếp tục được cải thiện nhờ các văn bản pháp lý quan trọng có hiệu lực, đặc biệt là những cải cách thể chế và tinh gọn bộ máy của Đảng và Nhà nước.
- Xung đột địa chính trị tiếp tục căng thẳng, leo thang tại nhiều khu vực trên thế giới dẫn tới đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Trong bối cảnh đó, Tasco và các đơn vị trong hệ thống sẽ chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh, linh hoạt ứng phó với các thách thức của thị trường, tìm kiếm giải pháp tối ưu chi phí, gia tăng hiệu quả.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp, các Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành, các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2.1.1. Vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 23: Báo cáo về vốn điều lệ hợp nhất của Công ty

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Vốn điều lệ	8.925.120	10.682.856	10.682.856

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, 2025 và BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2026 của Công ty

Bảng 24: Báo cáo về vốn điều lệ của Công ty mẹ

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Vốn điều lệ	8.925.120	10.682.856	10.682.856

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, 2025 và BCTC soát xét riêng bán niên năm 2026 của Công ty

Bảng 25: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh hợp nhất của Công ty

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
I. Vốn chủ sở hữu	11.550.866	17.942.314	18.075.255
- Vốn góp của chủ sở hữu	8.925.120	10.682.856	10.682.856
- Thặng dư vốn cổ phần	(790.436)	(790.749)	(790.830)
- Vốn khác của chủ sở hữu	7.688	167.255	169.504
- Quỹ đầu tư phát triển	125.327	125.327	128.442
- Quỹ khác thuộc VCSH	191	357	502
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	327.382	584.230	959.380
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2.955.594	7.173.038	6.925.400
II. Nợ phải trả	17.436.447	34.288.926	36.622.948
- Nợ ngắn hạn	8.875.691	17.615.008	19.584.975
- Nợ dài hạn	8.560.756	16.673.918	17.037.973
Tổng nguồn vốn kinh doanh	28.987.313	52.231.240	54.698.203

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, 2025 và BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2026 của Công ty

Bảng 26: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty mẹ

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
I. Vốn chủ sở hữu	19.826.124	21.691.336	21.735.742
- Vốn góp của chủ sở hữu	8.925.120	10.682.856	10.682.856
- Thặng dư vốn cổ phần	9.928.133	9.927.821	9.927.739
- Quỹ đầu tư phát triển	123.011	123.011	123.011
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	849.859	957.648	1.002.136
II. Nợ phải trả	2.346.985	3.852.869	4.027.272
- Nợ ngắn hạn	969.714	858.425	783.936
- Nợ dài hạn	1.377.271	2.994.444	3.243.336
Tổng nguồn vốn kinh doanh	22.173.109	25.544.205	25.763.014

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, 2025 và BCTC soát xét riêng bán niên năm 2026 của Công ty

Bảng 27: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh hợp nhất của Công ty

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Tài sản ngắn hạn	12.304.365	27.859.090	29.518.671
Tài sản dài hạn	16.682.948	24.372.150	25.179.532
Tổng	28.987.313	52.231.240	54.698.203

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, 2025 và BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2026 của Công ty

Bảng 28: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty mẹ*Đvt: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Tài sản ngắn hạn	2.584.983	2.941.289	2.013.081
Tài sản dài hạn	19.588.126	22.602.916	23.749.933
Tổng	22.173.109	25.544.205	25.763.014

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, 2025 và BCTC soát xét riêng bán niên năm 2026 của Công ty

Tình hình sử dụng vốn: Công ty cam kết sử dụng vốn hiệu quả, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng mục đích chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong từng đợt phát hành.

2.1.2. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính cho nhóm tài sản cụ thể như sau:

Bảng 29: Số năm khấu hao TSCĐ hữu hình hợp nhất

Stt	Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 50 năm
2	Máy móc thiết bị	02 – 20 năm
3	Phương tiện vận tải	03 – 30 năm
4	Thiết bị quản lý	02 – 20 năm
5	Tài sản cố định hữu hình khác	02 – 07 năm

Nguồn: BCTC hợp nhất 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tasco

Bảng 30: Số năm khấu hao TSCĐ hữu hình Công ty mẹ

Stt	Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
2	Máy móc thiết bị	05 – 08 năm

Stt	Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
3	Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
4	Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm
5	Tài sản cố định khác	05 – 20 năm

Nguồn: BCTC riêng 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tasco

- Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao.
- Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian ước tính hữu dụng. Thời gian khấu hao chương trình phần mềm từ 3-10 năm.

2.1.3. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2024 là 29,9 triệu đồng/người/tháng, năm 2025 là 30,9 triệu đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập khá cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong ngành và so với các doanh nghiệp khác trên địa bàn khu vực của Công ty, chi tiết như sau:

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Mức lương bình quân năm 2024 (triệu đồng/người/tháng) (*)	Mức lương bình quân năm 2025 (triệu đồng/người/tháng) (*)
CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	18	14,3
HHV	CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	48,7	31,8
LGC	CTCP Đầu tư Cầu đường CII	10,5	10,2
CTF	CTCP City Auto	Không đủ cơ sở xác định (**)	13,5

(Nguồn: Báo cáo thường niên/Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024 và 2025 của các Doanh nghiệp được so sánh)

(*) Mức lương bình quân được ước tính trên cơ sở chi phí nhân công hợp nhất chia cho tổng số nhân sự của các công ty được so sánh tại thời điểm cuối năm.

(**) Không đủ cơ sở xác định do số liệu nhân sự năm 2024 của CTF tại Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính chưa thống nhất về phạm vi hợp nhất.

2.1.4. Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 31: Tổng số nợ phải thu, phải trả hợp nhất của Công ty qua các năm

Đvt: triệu đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
1	Tổng các khoản phải thu (*)	6.767.905	16.142.705	14.677.546
2	Tổng các khoản phải trả	17.436.447	34.288.926	36.622.948
Tổng Cộng		24.204.352	50.431.631	51.300.494

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, 2025 và BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2026 của Công ty

(*) BCTC năm 2024 và 2025 được lập theo Thông tư 200/2014/TT-BTC; BCTC bán niên năm 2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực từ 01/01/2026. Để đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh, số liệu "Số đầu kỳ" trên BCTC bán niên năm 2026 được phân loại lại theo Thông tư 99/2025/TT-BTC (chi tiết tại Thuyết minh VIII – Thông tin so sánh).

Bảng 32: Tổng số nợ phải thu, phải trả của Công ty mẹ qua các năm

Đvt: triệu đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
1	Tổng các khoản phải thu (*)	3.487.244	4.112.455	1.241.833
2	Tổng các khoản phải trả	2.346.985	3.852.869	4.027.272
Tổng Cộng		5.834.229	7.965.324	5.269.105

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, 2025 và BCTC soát xét riêng bán niên năm 2026 của Công ty

(*) BCTC năm 2024 và 2025 được lập theo Thông tư 200/2014/TT-BTC; BCTC bán niên năm 2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực từ 01/01/2026. Để đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh, số liệu "Số đầu kỳ" trên BCTC bán niên năm 2026 được phân loại lại theo Thông tư 99/2025/TT-BTC (chi tiết tại Thuyết minh VII – Thông tin so sánh).

2.1.5. Các khoản phải thu

Bảng 33: Chi tiết các khoản phải thu hợp nhất của Công ty

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
I	Phải thu ngắn hạn (*)	5.493.837	14.752.256	14.195.764
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.618.814	4.016.281	3.804.496
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	759.717	2.359.270	2.038.274
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	29.799	1.363.851	0
4	Phải thu ngắn hạn khác (*)	3.241.928	7.398.922	1.746.109
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(156.422)	(386.167)	(335.444)
6	Tài sản thiếu chờ xử lý	0	100	126
II	Phải thu dài hạn	1.274.068	1.390.449	481.782
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	6.250	6.250	6.250
2	Trả trước cho người bán dài hạn	103.619	6.260	6.813
3	Phải thu về cho vay dài hạn	30.216	199.138	0
4	Phải thu dài hạn khác	1.138.968	1.183.786	473.704
5	Dự phòng phải thu dài hạn	(4.985)	(4.985)	(4.985)

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, 2025 và BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2026 của Công ty

(*) BCTC năm 2024 và 2025 được lập theo Thông tư 200/2014/TT-BTC; BCTC bán niên năm 2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực từ 01/01/2026. Để đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh, số liệu "Số đầu kỳ" trên BCTC bán niên năm 2026 được phân loại lại như sau:

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm 2025 (được trình bày lại)	6 tháng đầu năm 2026
1	Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.363.851	(1.363.851)	0	0
2	Phải thu ngắn hạn khác	7.398.922	(5.965.370)	1.433.552	1.746.109
3	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(386.167)	61.679	(324.489)	(335.444)

Nguồn: BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2026 của Công ty

Bảng 34: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty mẹ

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
I	Phải thu ngắn hạn (*)	2.354.947	2.824.590	1.236.733
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	514.916	467.498	518.304
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	70.004	41.164	24.211
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	375.359	174.340	0
4	Phải thu ngắn hạn khác (*)	1.422.686	2.153.624	706.254
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(28.019)	(12.036)	(12.036)
II	Phải thu dài hạn (*)	1.132.297	1.287.865	5.100
1	Phải thu về cho vay dài hạn (*)	1.007.000	1.227.347	0
2	Phải thu dài hạn khác (*)	125.297	60.518	5.100

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, 2025, BCTC soát xét riêng bán niên năm 2026 của Công ty

(*) BCTC năm 2024 và 2025 được lập theo Thông tư 200/2014/TT-BTC; BCTC bán niên năm 2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực từ 01/01/2026. Để đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh, số liệu "Số đầu kỳ" trên BCTC bán niên năm 2026 được phân loại lại như sau:

Đvt: triệu đồng

Stt	Chi tiêu	Năm 2025 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm 2025 (được trình bày lại)	6 tháng đầu năm 2026
1	Phải thu về cho vay ngắn hạn	174.340	(174.340)	0	0
2	Phải thu ngắn hạn khác	2.153.624	(1.445.426)	708.198	706.254
3	Phải thu về cho vay dài hạn	1.227.347	(1.227.347)	0	0
4	Phải thu dài hạn khác	60.518	(33.057)	27.460	5.100

Nguồn: BCTC soát xét riêng bán niên năm 2026 của Công ty

- Tình hình thanh toán các khoản phải thu quá hạn:

Tính đến ngày 30/06/2026, Công ty có các khoản phải thu quá hạn hợp nhất với tổng giá trị là 487.395 triệu đồng.

Bảng 35: Tình hình các khoản phải thu quá hạn hợp nhất của Công ty

Dvt: triệu đồng

Đối tượng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
Các khoản phải thu ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Tasco Trường Sơn	Trên 3 năm	5.734	5.734	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Công ty CP Xây lắp Thành Nam	Trên 3 năm	2.920	2.920	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Các đối tượng khác		1.210	1.210	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Sở GTVT tỉnh Thái Bình	Trên 3 năm	89.904	89.904	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Trịnh Đức Sự	Trên 3 năm	3.350	3.350	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Bùi Văn Khoa	Trên 5 năm	19.800	18.666	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ

Đối tượng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
GRASSAVOYE	Trên 5 năm	2.557	2.557	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Ông Lâm Học	36 tháng	3.337	3.337	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản RED - HOUSE	36 tháng	3.171	3.171	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Công ty CP Tập đoàn giáo dục Egroup	36 tháng	2.257	2.257	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Công ty Cổ phần Truyền thông Du lịch Việt	24 tháng	1.260	1.260	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Công ty TNHH Hoa Tuyết Trắng	12 tháng	1.058	741	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TNG	Trên 2 năm	10.294	7.974	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9 – VC9	Dưới 1 năm	15.504	7.316	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CỔ PHẦN BOO NƯỚC SẠCH SA PA	Trên 1 năm	3.039	2.121	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Khách hàng mua ống và phụ kiện khác	Trên 3 năm	1.930	3.675	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY TNHH TLG THĂNG LONG	Trên 3 năm	3.704	3.704	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Công ty TNHH tư vấn và Xây lắp Minh Đức	Trên 3 năm	1.323	1.323	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Sông Hồng	Dưới 1 năm	3.246	974	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Công ty TNHH Phân Phối VLXD Miền Nam	Trên 1 năm	1.821	911	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ

Đối tượng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VINCITA	Trên 1 năm	1.695	848	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
NT EXPORT - IMPORT SOLE CO.,LTD	Dưới 1 năm	2.216	665	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - KỸ THUẬT ĐỨC HÙNG	Trên 3 năm	41.657	2.748	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CP XÂY DỰNG SỐ 5	Trên 3 năm	21.402	21.402	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG COTECCONS	Trên 3 năm	19.559	1.484	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG - CẤP THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG WASEEN	Trên 3 năm	2.717	939	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC TỈNH KHIẾT ỚC ĐẢO XANH	Trên 1 năm	9.194	6.903	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY LẬP DẦU KHÍ DUYÊN HẢI (PVC - DUYÊN HẢI)	Trên 3 năm	8.935	8.935	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT THIẾT BỊ NGÀNH NƯỚC	Trên 3 năm	4.721	18	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHƯƠNG PHƯƠNG THỊNH	Dưới 1 năm	7.748	3.874	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI	Trên 3 năm	10.441	164	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY TNHH CẤP NƯỚC BUỒN MA THUỘT	Trên 3 năm	5.009	5.009	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ XÂY DỰNG SEAREFICO	Trên 3 năm	3.430	169	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT TÍN NGHĨA	Trên 3 năm	4.059	4.059	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ

Đối tượng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG MINH THÀNH	Trên 3 năm	2.574	574	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CENTRAL	Trên 3 năm	8.585	279	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ THẢO VINH	Trên 2 năm	3.770	2.748	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN TNHH MTV	Trên 3 năm	3.570	3.570	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM - CTCP	Trên 2 năm	3.222	2.976	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT EN VI RO	Trên 3 năm	3.150	1.141	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG KIM TIẾN PHÁT	Trên 1 năm	2.866	1.433	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY TNHH ĐAN VĨ	Trên 2 năm	2.826	2.173	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CP XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI MIỀN NAM	Trên 3 năm	2.704	2.704	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CP XÂY LẬP GIANG SƠN	Trên 1 năm	3.920	681	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG AN - VIWASEEN	Trên 3 năm	2.509	2.509	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC TƯỜNG	Trên 3 năm	2.159	2.159	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CP XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT TÍN NGHĨA	Dưới 1 năm	2.158	1.258	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG XL	Trên 3 năm	1.922	1.922	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ

Đối tượng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NANO VIỆT NAM	Trên 3 năm	1.641	1.641	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MIỀN NAM	Trên 3 năm	1.584	1.584	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ XÂY DỰNG NHÂN VIỆT	Trên 3 năm	1.529	1.442	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH NAM THỊNH	Dưới 1 năm	1.093	544	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CP ĐIỆN NƯỚC AN GIANG	Trên 3 năm	1.522	1.522	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY XÂY LẬP 559	Trên 3 năm	1.402	1.402	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT BẢO KIM	Trên 3 năm	1.363	1.363	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ XÂY DỰNG HẢI LONG	Trên 3 năm	1.227	1.227	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ CƠ ĐIỆN CBME	Trên 3 năm	1.811	6	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9 - VC9	Dưới 1 năm	11.159	-	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐẮK LẮK	Dưới 1 năm	1.506	320	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT NGUỒN NĂNG LƯỢNG ĐẠI VIỆT	Trên 1 năm	1.258	-	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY TNHH ĐT XD ĐỨC HÙNG	Trên 3 năm	1.358	1.358	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC TỈNH KHIẾT ỚC ĐẢO XANH	Trên 1 năm	9.194	6.903	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ

Đối tượng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
Công ty cổ phần nước - Môi trường Bình Dương	Trên 3 năm	2.306	2.306	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Công ty Cổ phần kỹ thuật ENVIRO	Dưới 1 năm	2.442	498	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Truy thu phí bảo vệ môi trường khách hàng sử dụng nước sạch tại Bình Thuận	Trên 3 năm	1.838	1.838	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Lê Minh Châu	Trên 3 năm	5.372	5.372	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Nguyễn Thị Thành Vinh	Trên 3 năm	1.260	1.260	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn Củ Chi	Trên 3 năm	5.258	5.258	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	60.150	53.150	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Các khoản phải thu dài hạn					
Công ty IT Fusion	Trên 3 năm	3.150	3.150	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
DA 1014BTNH và 9-15LMX (Hợp tác với Titeco_Khahomex)	36 tháng	1.835	1.835	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu hồi nợ
Tổng cộng		487.395	340.428		

Nguồn: Công ty Cổ phần Tasco

Tính đến ngày 30/06/2026, Công ty có các khoản phải thu quá hạn công ty mẹ với tổng giá trị là 12.036 triệu đồng.

Bảng 36: Tình hình các khoản phải thu quá hạn của Công ty mẹ

Dvt: triệu đồng

Đối tượng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
-----------	-------------------	---------	----------------------------	-------------	---------------------------

Các khoản phải thu ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Tasco Trường Sơn	Trên 3 năm	5.734	5.734	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu nợ
Công ty CP Xây lắp Thành Nam	Trên 3 năm	2.920	2.920	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu nợ
Ban QLDA đầu tư XD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường TP Hà Nội	Trên 3 năm	832	832	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu nợ
Nông trường Bạch Long	Trên 3 năm	771	771	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu nợ
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Ý Tường	Trên 3 năm	569	569	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu nợ
Các đối tượng khác	Trên 2 năm	1.210	1.210	Nợ lâu khó đòi	Đã trích lập dự phòng, đang tìm giải pháp để thu nợ
Các khoản phải thu dài hạn	Không có				
Tổng cộng		12.036	12.036		

Nguồn: Công ty Cổ phần Tasco

2.1.6. Các khoản nợ phải trả:

Bảng 37: Chi tiết các khoản nợ phải trả hợp nhất của Công ty

Đvt: triệu đồng

Stt	Chi tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
I	Nợ ngắn hạn	8.875.691	17.615.008	19.584.975
1	Phải trả người bán ngắn hạn	1.216.420	2.471.185	2.294.417
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	334.025	381.577	305.904
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	271.423	729.426	433.037
4	Phải trả người lao động	283.021	480.810	304.543
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	213.259	422.566	475.245
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	408.802	882.004	1.161.939
7	Phải trả ngắn hạn khác (*)	1.948.532	2.289.585	2.968.527
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.074.426	9.694.408	11.283.262
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	88.601	218.053	277.898

Stt	Chi tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
10	Quỹ khen thưởng phúc lợi	37.182	45.395	48.465
11	Phải trả cổ tức, lợi nhuận (*)	0	0	31.738
II	Nợ dài hạn	8.560.756	16.673.918	17.037.973
1	Phải trả người bán dài hạn	5.801	438	0
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	42.704	37.275	34.989
3	Chi phí phải trả dài hạn	1.809	105.213	130.653
4	Doanh thu chưa được thực hiện dài hạn	47.699	41.665	123.032
5	Phải trả dài hạn khác	1.686.223	3.630.086	3.693.259
6	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	6.141.452	12.227.303	12.447.192
7	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	578.052	604.624	588.405
8	Dự phòng các khoản công nợ dài hạn	57.016	27.314	20.443
	Tổng cộng	17.436.447	34.288.926	36.622.948

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, 2025 và BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2026 của Công ty

(*) BCTC năm 2024 và 2025 được lập theo Thông tư 200/2014/TT-BTC; BCTC bán niên năm 2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực từ 01/01/2026. Để đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh, số liệu "Số đầu kỳ" trên BCTC bán niên năm 2026 được phân loại lại như sau:

Đvt: triệu đồng

Stt	Chi tiêu	Năm 2025 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm 2025 (được trình bày lại)	6 tháng đầu năm 2026
1	Phải trả cổ tức, Lợi nhuận	0	11.791	11.791	31.738
2	Phải trả khác ngắn hạn	2.289.585	(11.791)	2.277.794	2.968.527

Nguồn: BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2026 của Công ty

Bảng 38: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty mẹ

Dvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
I	Phải trả ngắn hạn	969.714	858.425	783.936
1	Phải trả người bán ngắn hạn	185.065	183.628	212.706
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	76.015	51.578	22.665
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	109.415	113.492	103.706
4	Phải trả người lao động	10.059	9.152	3.229
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	76.904	62.655	87.138
6	Phải trả ngắn hạn khác (*)	418.486	279.734	270.593
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	71.920	136.336	52.784
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	21.850	21.850	21.850
9	Phải trả cổ tức, lợi nhuận (*)	0	0	9.265
II	Phải trả dài hạn	1.377.271	2.994.444	3.243.336
1	Người mua trả tiền trước dài hạn	28.021	0	0
2	Chi phí phải trả dài hạn	0	53.651	79.685
3	Doanh thu chưa được thực hiện dài hạn	985	1.151	788
4	Phải trả dài hạn khác	755.292	722.991	957.154
5	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	592.974	2.216.651	2.205.709
	Tổng cộng	2.346.985	3.852.869	4.027.272

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, 2025 và BCTC soát xét riêng bán niên năm 2026 của Công ty

(*) BCTC năm 2024 và 2025 được lập theo Thông tư 200/2014/TT-BTC; BCTC bán niên năm 2026 được lập theo Thông tư 99/2025/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực từ 01/01/2026. Để đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh, số liệu "Số đầu kỳ" trên BCTC bán

niên năm 2026 được phân loại lại như sau:

Dvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm 2025 (được trình bày lại)	6 tháng đầu năm 2026
1	Phải trả cổ tức, Lợi nhuận	0	9.265	9.265	9.265
2	Phải trả khác ngắn hạn	279.734	(9.265)	270.469	270.593

Nguồn: BCTC soát xét riêng bán niên năm 2026 của Công ty

❖ **Tình hình thanh toán các khoản nợ:**

- + Công ty Cổ phần Tasco không có nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán.
- + Công ty Cổ phần Tasco không có vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết.

❖ **Trái phiếu chưa đáo hạn:** Đã được trình bày ở mục 8.3 Phần IV Tình hình và đặc điểm của Tổ Chức Phát Hành của Bản cáo bạch này.

2.1.7. Các khoản phải nộp theo luật định:

Các loại thuế, phí, bảo hiểm phải nộp theo luật định đã được Tổ Chức Phát Hành thực hiện kê khai theo đúng các quy định hiện hành và được thanh toán cho cơ quan thuế đúng hạn. Công ty nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động theo luật định. Cụ thể các khoản phải nộp theo luật định chi tiết như sau:

Bảng 39: Số dư các khoản thuế phải nộp hợp nhất của Công ty

Dvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
1	Thuế giá trị gia tăng	68.194	147.297	74.868
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	179.844	480.676	287.465
3	Thuế thu nhập cá nhân	15.767	23.003	23.160
4	Các loại thuế khác	7.618	78.450	47.543
Tổng		271.423	729.426	433.037

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, 2025 và BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2026 của Công ty

Bảng 40: Số dư các khoản thuế phải nộp của Công ty mẹ*Đvt: triệu đồng*

Stt	Chi tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
1	Thuế giá trị gia tăng	10.631	13.635	8.593
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	98.302	99.468	91.350
3	Thuế thu nhập cá nhân	480	389	810
4	Các loại thuế khác	0	0	2.952
Tổng		109.415	113.492	103.706

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, 2025 và BCTC soát xét riêng bán niên năm 2026 của Công ty

2.1.8. Trích lập các quỹ theo luật định:

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định.

Bảng 41: Số dư cuối kỳ các quỹ hợp nhất của Công ty qua các năm*Đvt: triệu đồng*

STT	Chi tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	37.182	45.395	48.465
2	Quỹ đầu tư phát triển	125.327	125.327	128.442
3	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	191	357	502
Tổng cộng		162.700	171.079	177.409

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, 2025 và BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2026 của Công ty

Bảng 42: Số dư cuối kỳ các quỹ hợp nhất của Công ty mẹ qua các năm*Đvt: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21.850	21.850	21.850
2	Quỹ đầu tư phát triển	123.011	123.011	123.011
3	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0	0
	Tổng cộng	144.861	144.861	144.861

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, 2025 và BCTC soát xét riêng bán niên năm 2026 của Công ty

2.1.9. Lý do về việc điều chỉnh số liệu tại Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2026

Thông tư số 99/2025/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 và có một số thay đổi về nguyên tắc phân loại, trình bày các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính so với quy định trước đây. Lý do điều chỉnh như sau:

- Đối với các khoản phải thu: Các khoản phải thu khác có bản chất là cho vay được phân loại sang chỉ tiêu Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, căn cứ theo thời hạn thu hồi để trình bày là ngắn hạn hoặc dài hạn. Khoản phải thu tiền lãi từ cho vay cũng được phân loại và trình bày cùng với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tương ứng.
- Đối với các khoản phải trả: Khoản cổ tức và lợi nhuận phải trả trước đây được trình bày trong chỉ tiêu Phải trả khác, nay được phân loại và trình bày thành chỉ tiêu riêng theo quy định của Thông tư số 99/2025/TT-BTC.
- Các điều chỉnh nêu trên chỉ là việc phân loại và trình bày lại giữa các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025, nhằm đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và khả năng so sánh với số liệu năm 2026, không làm thay đổi tổng tài sản, tổng nguồn vốn và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2025.

2.1.10. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Không có.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 43: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu hợp nhất của Công ty giai đoạn 2024 – 2025

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,39	1,58
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,03	1,24
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,60	0,66
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,51	1,91
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,73	7,23
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,08	0,89
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	2,67	1,81
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số LN sau thuế/DT thuần	%	1,01	1,74
	- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,09	1,55
	- Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,67	4,27
	- Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh /DT thuần	%	0,98	1,42
	- Thu nhập trên Cổ phần (EPS)	đồng/Cp	341,45	516,35

Nguồn: Tính toán từ BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, 2025 của Công ty

Bảng 44: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ giai đoạn 2024 – 2025

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,67	3,43
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,51	3,38
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,10	0,15

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,12	0,18
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,09	3,90
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,01	0,02
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	0,15	0,21
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số LN sau thuế/DT thuần	%	30,47	18,81
	- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,45	0,45
	- Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,49	0,52
	- Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh /DT thuần	%	34,85	21,93
	- Thu nhập trên Cổ phần (EPS)	đồng/Cp	-	-

Nguồn: Tính toán từ BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 của Công ty

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

3.1. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC riêng năm 2024 của Công ty

Theo Báo cáo kiểm toán số BC/BDO/2025.240 ngày 26/03/2025 do Công ty TNHH Kiểm toán BDO ban hành: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tasco tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng”.

3.2. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC hợp nhất năm 2024 của Công ty

Theo Báo cáo kiểm toán số BC/BDO/2025.241 ngày 26/03/2025 do Công ty TNHH Kiểm toán BDO ban hành: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tasco tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế

độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất”.

3.3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC riêng năm 2025 của Công ty

Theo Báo cáo kiểm toán số BC/BDO/2026.304 ngày 30/03/2026 do Công ty TNHH Kiểm toán BDO ban hành: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty cổ phần Tasco tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng”.

3.4. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC hợp nhất năm 2025 của Công ty

Theo Báo cáo kiểm toán số BC/BDO/2026.305 ngày 30/03/2026 do Công ty TNHH Kiểm toán BDO ban hành: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Tasco tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”.

3.5. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC riêng bán niên năm 2026 của Công ty

Theo Báo cáo soát xét số BC/BDO/2026.606 ngày 29/08/2026 do Công ty TNHH Kiểm toán BDO ban hành: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã soát xét đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty cổ phần Tasco tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.”

3.6. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC hợp nhất bán niên năm 2026 của Công ty

Theo Báo cáo soát xét số BC/BDO/2026.607 ngày 29/08/2026 do Công ty TNHH Kiểm toán BDO ban hành: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã soát xét đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Tasco tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.”

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh

Dựa vào tình hình hoạt động năm 2025 và định hướng phát triển của Công ty, Tasco đã đề ra kế hoạch lợi nhuận và cổ tức cho năm 2026 với những chỉ tiêu cụ thể như sau:

Bảng 45: Kế hoạch hoạt động kinh doanh và ngân sách tài chính năm 2026

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Năm 2026	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
Doanh thu thuần hợp nhất	36.317	54.918	51,22%
Lợi nhuận sau thuế	630	720	14,29%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,73%	1,31%	(24,42%)
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	4,27%	5,12%	19,91%
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	-

Nguồn: CTCP Tasco

Kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2026 được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 theo Nghị Quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2026.

Căn cứ để đạt được kết quả doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên:

Năm 2026, kinh tế toàn cầu dự báo sẽ tiếp tục xu hướng tăng trưởng ở mức trung bình, GDP dao động trong khoảng 2,9% - 3,3% (theo dự báo của IMF). Điều này phản ánh tác động trễ của các chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm kiểm chế lạm phát, cũng như thương mại và đầu tư toàn cầu yếu. Trong bối cảnh đó, Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng và đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế. Sự dịch chuyển chuỗi cung ứng và dòng vốn đầu tư toàn cầu, cùng với các động lực về đầu tư (bao gồm cả đầu tư tư nhân, FDI, đầu tư công), tiêu dùng, du lịch và xuất khẩu được dự báo sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2026. Theo đó, khai thác tốt các yếu tố thuận lợi này sẽ thúc đẩy các mảng kinh doanh chủ lực của Tasco phát triển.

Các giải pháp chính thực hiện kế hoạch:

Trên cơ sở phân tích những mặt thách thức và thuận lợi của thị trường cũng như năng lực cạnh tranh của Công ty, HĐQT đề ra các giải pháp chiến lược và phương hướng hoạt động trong năm 2026 như sau:

- *Ra mắt nền tảng số Tasco Mobility - tích hợp toàn diện hệ sinh thái các dịch vụ cho người dùng*

ô tô: Phát triển Social Car – VETC+ valued service bao gồm các tiện ích như cứu hộ (RSA), chương trình khách hàng thân thiết (loyalty), sàn thương mại điện tử (marketplace), và phương tiện truyền thông (media); Công nghệ tích hợp: Ứng dụng hệ điều hành kép (Dual OS), trí tuệ nhân tạo trên xe (AI in Car) và hệ thống bản đồ số (Map) nhằm cá nhân hóa trải nghiệm người dùng.

- *Tập trung nâng cao hiệu quả kinh doanh thông qua mô hình tích hợp theo chiều dọc, lấy công nghệ làm nền tảng* để phát triển hệ sinh thái dịch vụ ô tô toàn diện, lấy VETC làm nền tảng kết hợp cùng dịch vụ ngân hàng trên hạ tầng vật lý và VETC digital để tạo ra trải nghiệm khách hàng toàn diện (end to end) và an tâm, có tính cá nhân hóa cao.
- *Nâng cao năng lực làm chủ chuỗi cung ứng toàn diện từ thượng nguồn đến hạ nguồn*: Triển khai dự án lắp ráp trong nước (CKD), tối ưu nguồn cung khu vực ASEAN để gia tăng lợi thế cạnh tranh về giá. Hoàn thiện hệ thống CRM liên kết data giữa showroom, xưởng dịch vụ và CRM Auto để nâng cao chất lượng dịch vụ sau bán hàng và chăm sóc khách hàng. Phát triển hệ thống xưởng dịch vụ Carpla trở thành hệ thống cung cấp dịch vụ sửa chữa - phụ tùng, dành cho xe với phụ tùng nhập khẩu chính hãng, nâng cao chất lượng dịch vụ hậu mãi, dịch vụ cho thuê xe và các dịch vụ hạ nguồn (xưởng dịch vụ 3S, quick services, phụ tùng, phụ kiện, rửa xe...)
- *Mở rộng dài sản phẩm*: mở rộng việc phân phối các sản phẩm ô tô với các mẫu xe mới của các thương hiệu hiện tại cũng như ra mắt các thương hiệu mới như Lotus, Zeekr ... để có thêm nhiều sự lựa chọn chất lượng cho Người tiêu dùng, trong đó có những sản phẩm đã được đón nhận rất lớn trên thị trường quốc tế.
- *Dịch vụ tài chính ngân hàng*: Hợp tác với đối tác tài chính, ngân hàng cung cấp giải pháp tài chính linh hoạt cho khách hàng, triển khai các chương trình cho vay mua xe với lãi suất tốt. Thiết kế các sản phẩm tài chính phù hợp với từng phân khúc khách hàng. Tiếp tục phát triển các sản phẩm tài chính vi mô để mở rộng dịch vụ thanh toán giao thông, xăng dầu theo mô hình mua trước - trả sau (Buy Now Pay Later); Hoàn thiện hệ sinh thái thông qua các giải pháp tài chính như Co-lending (cho vay ô tô), BNPL (mua trước trả sau) và thể tín dụng Mobility Co-brand với những đặc quyền chuyên biệt cho khách hàng sở hữu và sử dụng xe ô tô.
- *Bảo hiểm*: tập trung cho chu kỳ tăng trưởng quy mô và nâng cao hiệu suất vận hành. Bảo hiểm Tasco đặt mục tiêu vào top 10 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ lớn nhất thị trường về doanh thu từ năm 2027.
- *Đầu tư*: Tập trung đầu tư vào các dịch vụ thiết yếu, gắn với chuyển đổi xanh và phát triển bền vững, bao gồm: nước sạch, năng lượng tái tạo và các giải pháp lưu trữ năng lượng mới, y tế - dược phẩm. Đầu tư vào các startup công nghệ trong nước và quốc tế.
- *Bất động sản*: Dự án Việt Tri Legacy Lakeside khởi công tháng 3/2026, tọa lạc tại vị trí đắc địa (phố Anh Dũng, phường Thanh Miếu), kết nối hai trục giao thông chính Hùng Vương - Lạc Long Quân; quy mô 17,3 ha, gồm 92 biệt thự đơn lập (~300 m2/căn). Ngoài ra, triển khai tốc độ, quyết liệt để hoàn thành các thủ tục Pháp lý dự án Foresa Xuân Phương, cũng như một số dự án bất động sản khác trong quỹ đất hiện có của Công ty và tăng cường hợp tác đầu tư với

chủ đầu tư tại Dự án Chi Đông để tháo gỡ các khó khăn pháp lý nhằm triển khai Dự án. Đối với mảng bất động sản nghỉ dưỡng, tiếp tục vận hành và nâng cao hiệu quả khai thác 2 khu nghỉ dưỡng 5 sao quốc tế gồm Six Senses Ninh Vân Bay và Ana Mandara Đà Lạt. Khai thác tối ưu các tài sản của hệ thống, trong đó Mercure Sơn Trà và Sandy Beach.

- *Triển khai ứng dụng My Tasco - số hóa quản trị và lan tỏa mạnh mẽ văn hóa 3T*: Quản trị mục tiêu: Xây dựng hệ thống KPIs chi tiết đến từng cơ sở và từng cá nhân cụ thể; Vận hành & Tuân thủ: Đảm bảo sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình và quy định nội bộ; Phát triển nguồn lực: Tập trung phát triển con người, công tác đào tạo và lan tỏa mạnh mẽ văn hóa 3T (Trọng tâm khách hàng - Tinh gọn, Hiệu suất cao - Tốc độ, Quyết liệt).
- *Tối ưu hóa công nghệ*: đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để tăng năng suất lao động và tối ưu chi phí quản lý doanh nghiệp. Tối ưu hóa hiệu suất toàn hệ thống thông qua triển khai OKR/KPI trên toàn hệ thống để tăng năng suất lao động và tăng trưởng lợi nhuận. Thu hút nhân tài, phát triển con người, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp. Triển khai mô hình quản trị hiện đại để tối ưu vận hành, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả ra quyết định.
- *Mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế, thu hút nguồn vốn đầu tư dài hạn tạo nền tảng phát triển bền vững*. Tập trung cùng với các nhà đầu tư triển khai Dự án đầu tư xây dựng mở rộng cao tốc TP.HCM - Trung Lương - Mỹ Thuận theo phương thức PPP, với mục tiêu đảm bảo tiến độ, kiểm soát chi phí và áp dụng các giải pháp kỹ thuật phù hợp cho tuyến cao tốc quy mô lớn, phức tạp bậc nhất khu vực phía Nam.

4.2. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Tổ chức phát hành được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành kinh doanh ô tô, bất động sản, xây lắp, sản xuất nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Tổ chức phát hành nói riêng. Trên cơ sở các kết quả tích cực đã đạt được, HĐQT có lãi trong nhiều năm qua, cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay của Tổ chức phát hành, Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy khả năng đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2026 của HUT là có tính khả thi, nếu không gặp phải những rủi ro bất khả kháng và phát sinh các biến động lớn có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh tế vĩ mô, chu kỳ tăng trưởng và HĐQT của ngành kinh doanh ô tô, bất động sản, xây lắp, sản xuất.

Tổ chức phát hành dự kiến sử dụng dòng tiền thuần thu được từ các HĐQT của mình và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các khoản phải nộp cho các cơ quan thuế, nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, các khoản thanh toán đến hạn và chi phí hoạt động của Tổ chức phát hành, bảo đảm đủ để thanh toán lãi và các khoản tiền liên quan đến trái phiếu đăng ký chào bán.

Trên cơ sở những thông tin đã thu thập được và sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về thực trạng HĐQT của HUT – một doanh nghiệp có vị thế và uy tín tại Việt Nam, Tổ Chức Tư Vấn cho rằng các chiến lược kinh doanh, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức, khả năng thanh toán lãi và các khoản tiền liên quan đến trái phiếu (nếu có) của HUT có thể thực hiện được và có tính khả thi, ngoại trừ trường hợp xuất hiện những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng làm ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả HĐQT của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, căn cứ vào các thông tin chúng tôi đã thu thập và cách tính toán trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán, cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Công ty. Do vậy, các đánh giá và nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào trái phiếu của HUT.

5. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo

Không có.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Căn cứ theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp.

Công ty được Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 26/12/2007, đến thời điểm hiện tại đã quá thời hạn 03 năm nên các quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập của Công ty đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

❖ Công ty Cổ phần Tasco Holding (tên cũ “Công ty Cổ phần VII Holding”)

Năm thành lập	2024
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Số 2400992088 do Sở KHĐT tỉnh Bắc Giang (nay là Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh) cấp lần đầu ngày 29/05/2024.
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ trụ sở chính:	BT 04-05-06, đường Hồ Xuân Hương, Khu đô thị mới Bách Việt Lake Garden, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Vốn điều lệ:	4.000.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn nghìn tỷ đồng)
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Vũ Đình Độ - Chủ tịch HĐQT

Số lượng cổ phần của CTCP Tasco Holding nắm giữ tại HUT tại thời điểm trở thành cổ đông lớn:	83.000.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 7,77% vốn điều lệ HUT
Số lượng cổ phần của Người có liên quan nắm giữ tại HUT tại thời điểm trở thành cổ đông lớn:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ HUT
Số lượng cổ phần của CTCP Tasco Holding nắm giữ tại HUT tại thời điểm hiện tại:	320.485.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 30,0% vốn điều lệ HUT
Số lượng cổ phần của Người có liên quan nắm giữ tại HUT tại thời điểm hiện tại:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ HUT
Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:	Là cổ đông lớn nắm giữ 30,0% vốn điều lệ HUT
Số lượng cổ phần dự kiến nắm giữ tại HUT sau đợt chuyển đổi:	427.313.330 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau đợt chuyển đổi:	30,0% vốn điều lệ HUT
Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:	Không có
Phương án kiểm soát xung đột lợi ích:	HUT đảm bảo thực hiện các phương án kiểm soát xung đột lợi ích theo đúng quy định pháp luật và thực hiện công bố thông tin minh bạch trong trường hợp phát sinh đối với những giao dịch có liên quan.
Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành với CTCP Tasco Holding:	Không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

3.1 Thành viên Hội đồng Quản trị

Tại thời điểm hiện nay, Hội đồng Quản trị Công ty gồm có những thành viên sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Hồ Việt Hà	Phó Chủ tịch HĐQT
3.	Ông Nguyễn Thế Minh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch HĐQT
5.	Ông Hoàng Minh Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
6.	Bà Đàm Bích Thủy	Thành viên HĐQT độc lập
7.	Ông Bùi Quang Bách	Thành viên HĐQT độc lập

➤ Ông Vũ Đình Độ – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Giới tính : Nam.
- Ngày sinh : 20/03/1982.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004 - 2006	Công ty TNHH Kiểm toán KPMG Việt Nam	Kiểm toán viên
2006 - 2007	KPMG Singapore	Kiểm toán viên
2007 - 2008	Công ty Chứng khoán Sài Gòn	Giám đốc dự án Phòng Công cụ phái sinh, M&A
2009 - 2011	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	Giám đốc khối Nghiên cứu, Phân tích, Đầu tư
2011 - 2012	Công ty Chứng khoán Maritimebank	Phó Tổng Giám đốc
2012 – 05/2024	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (nay	Chủ tịch HĐQT

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	là Công ty Cổ phần DNP Holding)	
04/2023 – 10/2024	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	Chủ tịch HĐQT
11/2024 – 06/2026	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	Thành viên HĐQT
2017 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Thành viên HĐQT
04/2022 - nay	Công ty Cổ phần Tasco	Chủ tịch HĐQT
07/2022 – 01/2025	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Chủ tịch HĐQT
05/2024 - nay	Công ty Cổ phần Tasco Holding	Chủ tịch HĐQT
07/2024 – nay	Công ty Cổ phần Tasco Auto	Thành viên HĐQT
10/2025 – 02/2026	Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ công tác tại Công ty: Chủ tịch HĐQT.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP;
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tasco Holding (tên cũ: Công ty Cổ phần VII Holding);
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tasco Auto.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 320.485.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Vũ Đức Tuệ	Bố	0	0
2.	Đỗ Thị Thu Quyên	Mẹ	0	0

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
3.	Vũ Mạnh Đức	Anh trai	0	0
4.	Vũ Thị Thu	Chị gái	0	0
5.	Vũ Bích Thủy	Chị gái	0	0
6.	Ngô Đức Hòa	Anh rể	0	0
7.	Dương Thị Huyền	Chị dâu	0	0
8.	Nguyễn Văn Lương	Anh rể	0	0
9.	Nguyễn Thị Hạnh	Vợ	0	0
10.	Vũ Đình Chí Dũng	Con	0	0
11.	Vũ Đình Trung	Con	0	0
12.	Vũ Nguyễn Thảo Nguyên	Con	0	0
13.	Nguyễn Đức Tuyên	Bố vợ	0	0
14.	Nguyễn Thị Cẩm	Mẹ vợ	0	0
15.	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Ông Vũ Đình Độ giữ chức vụ Thành viên HĐQT	0	0
16.	Công ty Cổ phần Tasco Holding	Ông Vũ Đình Độ giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo pháp luật	320.485.000	30%
17.	Công ty Cổ phần Tasco Auto	Ông Vũ Đình Độ giữ chức vụ Thành viên HĐQT	0	0

– Lợi ích liên quan tới Tổ chức phát hành:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Nội dung	Chức vụ	Thù lao, tiền lương (VNĐ) (*)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Chủ tịch HĐQT	-	-
Năm 2025	Chủ tịch HĐQT	-	-
6 tháng đầu năm 2026	Chủ tịch HĐQT	-	-

(*) Ông Vũ Đình Độ được chi trả các khoản thù lao, tiền lương năm 2024, 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 tại Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

➤ **Ông Hồ Việt Hà – Phó Chủ tịch HĐQT**

- Giới tính : Nam.
- Ngày sinh : 04/03/1976.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Trình độ học vấn: Đại học.
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Ngân hàng và Tiếng Anh.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 - 2009	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	Giám đốc Kiểm toán
2009 - 01/2020	Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Minh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
2009 - 01/2020	Công ty TNHH Quản lý khách sạn Victoria	Tổng Giám đốc
11/2019 - 04/2022	Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay	Chủ tịch Hội đồng quản trị
05/2020 – 08/2022	Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	Phó chủ tịch HĐQT

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2021 – 09/2022	Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Tổng Giám đốc
10/2022 – 06/2024	Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Chủ tịch HĐQT
10/2021 – 04/2022	Công ty Cổ phần Tasco	Chủ tịch HĐQT
04/2022 – 06/2025	Công ty Cổ phần Tasco	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
04/2022 – nay	Công ty Cổ phần Tasco	Phó Chủ tịch HĐQT
2022 – 09/2024	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
09/2024 – 05/2025	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	Phó Chủ tịch HĐQT
2022 – 05/2024	Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Chủ tịch HĐQT
2023 – 11/2024	Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng	Chủ tịch HĐQT
2022 – 12/2024	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Chủ tịch HĐQT
2023 – 12/2024	Công ty Cổ phần Dana	Chủ tịch HĐQT
07/2024 – nay	Công ty TNHH Sweden Auto	Chủ tịch Công ty kiêm Người đại diện theo pháp luật
07/2024 – nay	Công ty Cổ phần Tasco Auto	Phó Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Chủ tịch Công ty kiêm Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Sweden Auto;
 - + Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tasco Auto.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 2.400.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,22% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Hồ Văn Hiệp	Bố	0	0
2.	Nguyễn Thị Khiêm Như	Mẹ	0	0
3.	Trần Thị Minh Hào	Vợ	0	0
4.	Hồ Hiền Anh	Con	0	0
5.	Hồ Hiền Phương	Con	0	0
6.	Hồ Tùng Lâm	Con	0	0
7.	Hồ Bình Minh	Con	0	0
8.	Hồ Thị Mỹ Ngọc	Em gái	0	0
9.	Phan Thành Vân	Em rể	0	0
10.	Trần Đình Hậu	Bố vợ	0	0
11.	Nguyễn Thị Hòa	Mẹ vợ	0	0
12.	Công ty TNHH Sweden Auto	Ông Hồ Việt Hà giữ chức vụ Chủ tịch Công ty kiêm Người đại diện theo pháp luật	0	0
13.	Công ty Cổ phần Tasco Auto	Ông Hồ Việt Hà giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT	0	0

– Lợi ích liên quan tới TCPH:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Nội dung	Chức danh	Thù lao, tiền lương (VNĐ) (*)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
	Tổng Giám đốc	-	-
Năm 2025	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
	Tổng Giám đốc	-	-
6 tháng đầu năm 2026	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-

(*) Ông Hồ Việt Hà được chi trả các khoản thù lao, tiền lương năm 2024, 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 tại Công ty TNHH Sweden Auto.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

➤ Ông Nguyễn Thế Minh – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam.
- Ngày sinh : 29/03/1971.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Trình độ học vấn : Thạc sĩ.
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1992 - 1996	Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An	Chuyên viên thanh toán quốc tế
1997 - 1998	Công ty Sản xuất kinh doanh – Xuất nhập khẩu Chấn Hưng – Chi nhánh Hải Phòng	Trưởng phòng Xuất nhập khẩu
1999 - 2002	Công ty TNHH Thủy Hải	Giám đốc chi nhánh Hà Nội
2003 - 2004	Công ty Thương mại Nghệ An	Giám đốc chi nhánh Hà Nội

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2005 - 2006	Công ty Thương mại Nghệ An	Trưởng đại diện tại Hà Nội
08/2006 - 02/2008	CTCP Chứng khoán Việt Tín	Tổng Giám đốc
03/2007 - 11/2007	Công ty chứng khoán - Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Trưởng Ban dự án
11/2008 - 06/2009	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	Tổng Giám đốc
09/2009 - 05/2010	CTCP Chứng khoán Hải Phòng	Tổng Giám đốc
11/2010 - 05/2012	CTCP Chứng khoán Maritime Bank	Tổng Giám đốc
05/2012 - 08/2012	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	Trưởng Ban dự án tiếp nhận HBBS
09/2012 - 2018	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	Tổng Giám đốc
03/2019 - 08/2021	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (nay là Công ty Cổ phần DNP Holding)	Phó Tổng Giám đốc
06/2018 - 04/2022	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội	Thành viên HĐQT
06/2020 – 04/2023	Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình	Thành viên HĐQT
04/2021 – 04/2022	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	Thành viên HĐQT
2020 - 2025	Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm	Thành viên HĐQT
04/2022 - nay	Công ty Cổ phần Tasco	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 12.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,001% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan.

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Nguyễn Thế Hạ	Bố	0	0
2.	Nguyễn Thị Mai	Mẹ	0	0
3.	Bùi Thị Thuý Ngân	Vợ	0	0
4.	Nguyễn Hoàng Nhi	Con	0	0
5.	Nguyễn Hoàng Oanh	Con	0	0
6.	Nguyễn Thế Hoàng Nam	Con	0	0
7.	Bùi Đình Thức	Bố vợ	0	0
8.	Phan Thị Châu	Mẹ vợ	0	0
9.	Nguyễn Thị Hạnh	Em gái	0	0
10.	Nguyễn Nhật Việt	Em rể	0	0
11.	Nguyễn Thế Anh	Em trai	0	0
12.	Lê Thị Quỳnh Diệp	Em dâu	0	0
13.	Nguyễn Thị Anh Đào	Em gái	0	0
14.	Trần Đức Cường	Em rể	0	0

– Lợi ích liên quan tới TCPH:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Nội dung	Chức danh	Thù lao, tiền lương (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Phó Chủ tịch HĐQT	1.741.700.000	-
	Phó Tổng Giám đốc		-

Nội dung	Chức danh	Thù lao, tiền lương (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2025	Phó Chủ tịch HĐQT	2.011.700.000	-
	Phó Tổng Giám đốc		-
6 tháng đầu năm 2026	Phó Chủ tịch HĐQT	900.500.000	-
	Phó Tổng Giám đốc		-

➤ Ông Ngô Đức Vũ – Phó Chủ tịch HĐQT

- Giới tính : Nam.
- Ngày sinh : 20/07/1976.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ.
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2005 – 2010	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam	Giám đốc Đầu tư
2010 – 2012	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt	Tổng Giám đốc
2013 – 2021	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (Tên cũ: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung)	Chủ tịch HĐQT
2014 – 2015	Công ty Cổ phần DNP Holding (Tên cũ: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai)	Phó Tổng Giám đốc thường trực
2015 – 2017	Công ty Cổ phần DNP Holding (Tên cũ: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai)	Tổng Giám đốc
2017 – 04/2026	Công ty Cổ phần DNP Holding (Tên cũ: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai)	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực
2018 – 2020	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Phó Tổng Giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2019 – 2022	Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk	Chủ tịch HĐQT
2020 – 2024	Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa	Thành viên HĐQT
2020 – 2021	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Phó Chủ tịch HĐQT
2021 – 2022	Công ty Cổ phần CMC	Chủ tịch HĐQT
2022 – 2023	Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Chủ tịch HĐQT
2021 – 2025	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Chủ tịch HĐQT
10/2024 – 07/2026	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	Chủ tịch HĐQT
07/2026 – nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	Thành viên HĐQT
05/2025 – nay	Công ty Cổ phần Dana	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
05/2025 – nay	Công ty Cổ phần Tasco	Phó Chủ tịch HĐQT
12/2024 – 04/2026	Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
11/2025 – nay	Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành Non Nước	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn;
 - + Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dana;
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành Non Nước.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Đinh Thị Thí	Mẹ	0	0
2.	Ngô Thị Thanh Vân	Chị	0	0
3.	Ngô Đức Giang	Em	0	0
4.	Nguyễn Thùy Dung	Vợ	0	0
5.	Ngô Việt Bảo	Con	0	0
6.	Ngô Việt Thi	Con	0	0
7.	Nguyễn Văn Trí	Bố vợ	0	0
8.	Lê Thị Hòa	Mẹ vợ	0	0
9.	Đinh Công Chính	Anh rể	0	0
10.	Ngô Thị Hường	Em dâu	0	0
11.	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	Ông Ngô Đức Vũ giữ chức vụ Thành viên HĐQT	0	0
12.	Công ty Cổ phần Dana	Ông Ngô Đức Vũ giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	0
13.	Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành Non Nước	Ông Ngô Đức Vũ giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	0	0

– Lợi ích liên quan tới TCPH:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Nội dung	Chức danh	Thù lao, tiền lương (VND) (*)	Các khoản lợi ích khác (VND)
Năm 2024	Không có	-	-
Năm 2025	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
6 tháng đầu năm 2026	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-

(*) Ông Ngô Đức Vũ được chi trả các khoản thù lao, tiền lương năm 2024 đến tháng 08/2025 tại Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP, từ tháng 08/2025 và tháng 06/2026 tại Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Sài Gòn.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

➤ Ông Hoàng Minh Hùng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc:

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 20/11/1982
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Trình độ học vấn: Kỹ sư
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thông tin
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2015 - 2018	Công ty Hệ thống thông tin FPT	Giám đốc Tư vấn và Giải pháp Lĩnh vực Viễn thông, Dịch vụ cơ bản và Giao thông
2018 – 2019	Công ty Cổ phần phát triển Công nghệ Liên Việt	Phó Tổng Giám Đốc
2019 – 2022	Công ty cổ phần chuyển đổi số Vietants	Tổng giám đốc
2022 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2023 – nay	Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Thành viên Hội đồng Quản trị
2023 - 2025	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước	Chủ tịch HĐQT
2023 - 2025	Công ty cổ phần Đô thị Ninh Hòa	Thành viên HĐQT
2025 - nay	Công ty cổ phần Đô thị Ninh Hòa	Chủ tịch HĐQT
2024 – 2/2026	Công ty cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Đan Kia	Chủ tịch HĐQT
2025 - nay	Công ty Cổ phần Tasco	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP;
 - + Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn;
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đô thị Ninh Hòa.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Hoàng Văn Quang	Bố	0	0
2.	Cao Thị Minh	Mẹ	0	0
3.	Hoàng Cao Nguyên	Em trai	0	0
4.	Tạ Thu Hằng	Vợ	0	0
5.	Hoàng An Nhiên	Con gái	0	0

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
6.	Hoàng Vũ Lâm	Con trai	0	0
7.	Nguyễn Thị Phương Thảo	Mẹ vợ	0	0
8.	Công ty cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	Ông Hoàng Minh Hùng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	0	0
9.	Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Ông Hoàng Minh Hùng giữ chức vụ Thành viên HĐQT	0	0
10.	Công ty cổ phần Đô thị Ninh Hòa	Ông Hoàng Minh Hùng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	0	0

– Lợi ích liên quan tới TCPH:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Nội dung	Chức danh	Thù lao, tiền lương (VNĐ) (*)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Không có do mới được bổ nhiệm tháng 06/2025	-	-
Năm 2025	Tổng Giám đốc	-	-
6 tháng đầu năm 2026	Tổng Giám đốc	-	-

(*) Ông Hoàng Minh Hùng được chi trả các khoản thù lao, tiền lương năm 2024, 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 tại Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

➤ Bà Đàm Bích Thủy – Thành viên HĐQT độc lập:

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 10/09/1961.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ.
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 – 2005	Ngân hàng ANZ Singapore	Cán bộ
2005 – 2015	Ngân hàng ANZ Việt Nam	Tổng Giám đốc
2015 – 2023	Đại học Fullbright University	Chủ tịch
2023 – nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục EQUEST	Thành viên HĐQT độc lập
04/2023 – nay	Công ty Cổ phần Tasco	Thành viên HĐQT độc lập
01/2026 – nay	Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ FWD Việt Nam	Thành viên HĐQT
01/2026 – nay	Công Ty TNHH Trung Tâm Phát Triển Phần Mềm Việt Nam (thuộc Ngân hàng Quốc gia Úc - NAB)	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT độc lập.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục EQUEST;
 - + Thành viên HĐQT Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ FWD Việt Nam;
 - + Thành viên HĐQT Công Ty TNHH Trung Tâm Phát Triển Phần Mềm Việt Nam (thuộc Ngân hàng Quốc gia Úc - NAB).
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người

có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Đàm Trung Bảo	Cha	0	0
2.	Nguyễn Thị Hào	Mẹ	0	0
3.	Đàm Thanh Sơn	Em trai	0	0
4.	Hoàng Trần Doãn	Chồng	0	0
5.	Hoàng Thủy Bảo Châu	Con gái	0	0
6.	Hoàng Dung	Bố chồng	0	0
7.	Trần Thị Ngọc Trác	Mẹ chồng	0	0
8.	Nguyễn Thị Ái Cần	Em dâu	0	0
9.	Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục EQUEST	Bà Đàm Bích Thủy giữ chức vụ Thành viên độc lập HĐQT	0	0
10.	Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ FWD Việt Nam	Bà Đàm Bích Thủy giữ chức vụ Thành viên HĐQT	0	0
11.	Công Ty TNHH Trung Tâm Phát Triển Phần Mềm Việt Nam (thuộc Ngân hàng Quốc gia Úc - NAB)	Bà Đàm Bích Thủy giữ chức vụ Thành viên HĐQT	0	0

– Lợi ích liên quan tới TCPH:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Nội dung	Chức danh	Thù lao, tiền lương (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Thành viên HĐQT độc lập	762.400.000	-
Năm 2025	Thành viên HĐQT độc lập	783.600.000	-
6 tháng đầu năm 2026	Thành viên HĐQT độc lập	391.800.000	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

➤ Ông Bùi Quang Bách – Thành viên HĐQT độc lập:

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 10/08/1976.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 – 07/2005	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Chuyên viên
08/2005 – 08/2006	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Phó phòng Nghiệp vụ 2
09/2006 – 01/2008	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Trưởng phòng tư vấn
02/2008 – 04/2010	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Phó Tổng giám đốc
04/2010 – 08/2011	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	Phó Tổng giám đốc
08/2011 – 01/2012	Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Tổng Giám đốc
01/2012 – 12/2023	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long	Giám đốc Phát triển kinh doanh

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2014 – 2016	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long	Phó Tổng giám đốc
2017 – 2019	Công ty Cổ phần SAM Holdings	Trưởng ban đầu tư
2021 – nay	Công ty Cổ phần SAM Holdings	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Thành viên UBKT nội bộ
2021 – nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia	Thành viên HĐQT
2021 – nay	Công ty Cổ phần Bất động sản Capella	Thành viên HĐQT
2021 – nay	Công ty Cổ phần SJ Group (Tên cũ: Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà)	Thành viên HĐQT
2021 – 03/2025	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	Thành viên HĐQT
04/2023 – nay	Công ty Cổ phần Tasco	Thành viên HĐQT độc lập
08/2025 – nay	Công ty cổ phần Đầu Tư Infinity Group	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT độc lập.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia;
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bất động sản Capella;
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SJ Group;
 - + Thành viên HĐQT độc lập kiêm Thành viên UBKT nội bộ Công ty Cổ phần SAM Holdings;
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu Tư Infinity Group.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Bùi Viết Quỳnh	Bố	0	0
2.	Nguyễn Thị Mẫn	Mẹ	0	0
3.	Nguyễn Thị Thu Hà	Vợ	0	0
4.	Bùi Hà Chi	Con gái	0	0
5.	Bùi Hoàng Nam	Con trai	0	0
6.	Bùi Quỳnh Vân	Em gái	0	0
7.	Trương Ngọc Minh	Em rể	0	0
8.	Nguyễn Thế Phong	Bố vợ	0	0
9.	Công ty CP Chứng khoán Quốc gia	Ông Bùi Quang Bách giữ chức vụ thành viên HĐQT	0	0
10.	Công ty Cổ phần SJ Group	Ông Bùi Quang Bách giữ chức vụ thành viên HĐQT	0	0
11.	Công ty Cổ phần SAM Holdings	Ông Bùi Quang Bách giữ chức vụ thành viên HĐQT độc lập kiêm Thành viên UBKT nội bộ	0	0
12.	Công ty CP Bất động sản Capella	Ông Bùi Quang Bách giữ chức vụ thành viên HĐQT	0	0
13.	Công ty cổ phần Đầu Tư Infinity Group	Ông Bùi Quang Bách giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	0	0

– Lợi ích liên quan tới TCPH:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Nội dung	Chức danh	Thù lao, tiền lương (VNĐ) (*)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
Năm 2025	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
6 tháng đầu năm 2026	Thành viên HĐQT độc lập	-	-

(*) Ông Bùi Quang Bạch được chi trả các khoản thù lao, tiền lương năm 2024, 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 tại Công ty Cổ phần SJ Group.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.2 Thành viên Ban Tổng Giám đốc

Tại thời điểm hiện nay, Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm có những thành viên sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Hoàng Minh Hùng	Tổng Giám đốc
2.	Ông Nguyễn Thế Minh	Phó Tổng Giám đốc
3.	Bà Phan Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Phạm Đức Minh	Phó Tổng Giám đốc
5.	Bà Phan Thùy Giang	Phó Tổng Giám đốc
6.	Ông Nguyễn Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc
7.	Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc

➤ **Ông Hoàng Minh Hùng – Tổng Giám đốc:**

Thông tin đã trình bày tại phần Hội đồng quản trị

➤ **Ông Nguyễn Thế Minh – Phó Tổng Giám đốc:**

Thông tin đã trình bày tại phần Hội đồng quản trị

➤ **Bà Phan Thị Thu Thảo – Phó Tổng Giám đốc:**

- Giới tính : Nữ.

- Ngày sinh : 28/05/1982
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán; Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004 - 2006	Công ty KPMG	Trợ lý kiểm toán
2006 - 2011	Công ty VFM	Trợ lý quản lý danh mục kiểm chuyên viên phân tích
2011 - 07/2016	Công ty VFM	Trưởng phòng quản lý danh mục
08/2016 - 08/04/2017	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (nay là Công ty Cổ phần DNP Holding)	Giám đốc đầu tư
04/2017 - 2022	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (nay là Công ty Cổ phần DNP Holding)	Thành viên HĐQT
09/2017- 08/2021	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (nay là Công ty Cổ phần DNP Holding)	Phó Tổng Giám đốc
2017 - 2021	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Phó Tổng Giám đốc
2021 – 06/2026	Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Thành viên HĐQT
03/2023 – 01/2025	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Thành viên HĐQT
04/2023 – 07/2024	Công ty Cổ phần Tasco Auto	Giám đốc vận hành
07/2024 - nay	Công ty Cổ phần Tasco Auto	Thành viên HĐQT
2021 – nay	Công ty Cổ phần Tasco	Phó Tổng Giám đốc
2022 – nay	Công ty TNHH Tasco Land	Giám đốc
04/2022 – 04/2026	Công ty Cổ phần Tasco	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
2023 – nay	Công ty cổ phần Savico Hà Nội	Thành viên HĐQT

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2026 – nay	Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tasco Auto;
 - + Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Savico Hà Nội;
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco.
 - + Giám đốc Công ty TNHH Tasco Land
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Nguyễn Viết Phương	Chồng	0	0
2.	Nguyễn Phan Bảo Châu	Con	0	0
3.	Nguyễn Phan Quỳnh Chi	Con	0	0
4.	Bùi Thị Xuân	Mẹ ruột	0	0
5.	Phan Mạnh Hà	Anh trai	0	0
6.	Nguyễn Thị Hiền	Chị dâu	0	0
7.	Võ Thị Hạnh	Mẹ chồng	0	0
8.	Nguyễn Hữu Trình	Bố chồng	0	0
9.	Công ty Cổ phần Tasco Auto	Bà Phan Thị Thu Thảo giữ chức vụ Thành viên HĐQT	0	0

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
10.	Công ty cổ phần Savico Hà Nội	Bà Phan Thị Thu Thảo giữ chức vụ Thành viên HĐQT	0	0
11.	Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	Bà Phan Thị Thu Thảo giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	0	0
12.	Công ty TNHH Tasco Land	Bà Phan Thị Thu Thảo giữ chức vụ Giám đốc	0	0

– Lợi ích liên quan tới TCPH:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Nội dung	Chức danh	Thù lao, tiền lương (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Thành viên HĐQT	1.741.900.000	-
	Phó Tổng Giám đốc		-
Năm 2025	Thành viên HĐQT	1.801.500.000	-
	Phó Tổng Giám đốc		-
6 tháng đầu năm 2026	Thành viên HĐQT	300.000.000	-
	Phó Tổng Giám đốc		-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

➤ Ông Phạm Đức Minh – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 31/08/1977.

- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Trình độ học vấn: Đại học.
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư cầu đường bộ.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2000 - 12/2006	Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Công trình 1	Cán bộ kỹ thuật
01/2007 - 12/2012	Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Công trình 1 (nay là Công ty Cổ phần MCO Việt Nam)	Trưởng phòng Kỹ thuật - Dự án
01/2013 - 04/2014	Công ty Cổ phần Tasco	Chuyên viên Quản lý xây dựng
04/2014 - 06/2015	Công ty Cổ phần Tasco	Trưởng phòng Quản lý xây dựng
07/2015 - 09/2015	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Phó Giám đốc
10/2015 - 07/2016	Công ty Cổ phần Tasco	Trưởng phòng Đầu tư hạ tầng
08/2016 - 04/2021	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Phó Giám đốc
04/2021 - nay	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật
01/2022 - nay	Công ty Cổ phần Tasco	Phó Tổng Giám đốc
04/2023 – nay	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật
06/2023 – nay	Công ty TNHH MTV Tasco BOT	Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật
12/2024 – 04/2025	Công ty TNHH Ana Services	Chủ tịch Công ty – Người đại diện theo pháp luật
02/2026 – nay	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2026 – nay	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Tổng giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng;
 - + Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình;
 - + Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH MTV Tasco BOT;
 - + Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH MTV Tasco 6;
 - + Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định;
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan
 - + Sở hữu cá nhân: 32.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Hoài	Mẹ	0	0
2	Phạm Huy Hoàng	Bố	0	0
3	Nguyễn Thị Tường Vân	Vợ	0	0
4	Phạm Minh Tùng	Con	0	0
5	Phạm Tường Vi	Con	0	0
6	Phạm Thị Hằng	Chị gái	0	0
7	Phạm Thị Hiền	Chị gái	0	0
8	Phạm Văn Luyện	Anh rể	0	0
9	Vũ Hồng Tuấn	Anh rể	0	0

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
10	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Ông Phạm Đức Minh giữ chức vụ Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật	0	0
11	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Ông Phạm Đức Minh giữ chức vụ Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật	0	0
12	Công ty TNHH MTV Tasco BOT	Ông Phạm Đức Minh giữ chức vụ Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật	0	0
13	Công ty TNHH Một thành viên Tasco 6	Ông Phạm Đức Minh giữ chức vụ Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật	0	0
14	Công ty TNHH Một thành viên Tasco Nam Định	Ông Phạm Đức Minh giữ chức vụ Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật	0	0

– Lợi ích liên quan tới TCPH:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Nội dung	Chức danh	Thù lao, tiền lương (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Năm 2025	Phó Tổng Giám đốc	-	-
6 tháng đầu năm 2026	Phó Tổng Giám đốc	-	-

(*) Ông Phạm Đức Minh được chi trả các khoản thù lao, tiền lương năm 2024, 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 tại Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng.

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

➤ **Bà Phan Thùy Giang – Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 26/11/1979.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ.
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ tài chính.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2010 – 12/2012	Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritimebank	Trưởng bộ phận Tư vấn Tài chính doanh nghiệp
01/2013 – 10/2017	Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB	Trưởng phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp
10/2017 – 10/2018	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (nay là CTCP DNP Holding)	Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp
04/2018 – 04/2023	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên Ban kiểm soát
06/2019 – 01/2022	Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk	Thành viên Ban kiểm soát
03/2021 – 04/2024	Công ty Cổ phần CMC	Trưởng Ban kiểm soát
07/2021 – 05/2024	Công ty Cổ phần DNP Holding	Thành viên HĐQT
08/2021 – nay	Công ty Cổ phần DNP Holding	Phó Tổng giám đốc
08/2021 – 02/2026	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
09/2022 – 04/2026	Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Thành viên HĐQT
12/2022 – 01/2025	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Thành viên HĐQT

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2023 – 05/2025	Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Thành viên HĐQT
10/2023 – nay	Công ty Cổ phần Tasco	Phó Tổng giám đốc
08/2021 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Phó Tổng giám đốc
12/2025 – nay	Công ty TNHH Tasco Investment	Chủ tịch Công ty
6/2026 đến nay	Công Ty TNHH Tasco Finance	Chủ tịch Hội đồng thành viên

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Tổng giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Công ty Cổ phần DNP Holding – Phó Tổng giám đốc;
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP – Phó Tổng giám đốc;
 - + Công ty TNHH Tasco Investment – Chủ tịch Công ty;
 - + Công Ty TNHH Tasco Finance – Chủ tịch Hội đồng thành viên.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Phan Tất Trinh	Bố	0	0
2.	Phan Thị Tố Nga	Mẹ	0	0
3.	Phan Chí Hiếu	Anh	0	0
4.	Phan Thị Thảo	Chị	0	0
5.	Nguyễn Viết Thu	Chồng	0	0
6.	Nguyễn Viết Trung Khải	Con	0	0

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
7.	Nguyễn Phan Uyên Phương	Con	0	0
8.	Lăng Thị Thanh	Chị dâu	0	0
9.	Võ Khánh Khoa	Anh rể	0	0
10.	Nguyễn Việt Thịnh	Bố chồng	0	0
11.	Nguyễn Thị Nguyệt	Mẹ chồng	0	0
12.	Công ty Cổ phần DNP Holding	Bà Phan Thủy Giang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc	0	0
13.	Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	Bà Phan Thủy Giang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc	0	0
14.	Công Ty TNHH Tasco Finance	Bà Phan Thủy Giang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Người đại diện theo pháp luật	0	0
15.	Công ty TNHH Tasco Investment	Bà Phan Thủy Giang giữ chức vụ Chủ tịch Công ty	0	0

– Lợi ích liên quan tới TCPH:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.

+ Thù lao và các lợi ích khác từ TCPH:

Nội dung	Chức danh	Thù lao, tiền lương (VNĐ) (*)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Phó Tổng giám đốc	-	-
Năm 2025	Phó Tổng giám đốc	-	-

Nội dung	Chức danh	Thù lao, tiền lương (VNĐ) (*)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
6 tháng đầu năm 2026	Phó Tổng giám đốc	-	-

(*) Bà Phan Thùy Giang được chỉ trả các khoản thù lao, tiền lương năm 2024, 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 tại Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

> Ông Nguyễn Hải Hà – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 11/12/1982.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ.
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2020 – 2023	Công ty Cổ phần Nước tinh khiết Ốc Đào Xanh	Chủ tịch HĐQT
2021 – 2023	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 – VC9	Chủ tịch HĐQT
2023 – nay	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Chủ tịch HĐQT
2023 – 04/2025	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật	Chủ tịch HĐQT
2023 – nay	Công ty Cổ phần Tasco	Phó Tổng giám đốc
05/2024 – 06/2025	Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Chủ tịch HĐQT
06/2024 – 05/2026	Công ty Cổ phần Du thuyền SVC (Đã giải thể theo Thông báo số 20941/26 ngày 12/05/2026 của	Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Phòng Quản lý Doanh nghiệp tỉnh (Khánh Hòa)	
10/2024 – 01/2025	Công ty Cổ phần Ô Tô Nam Sông Hậu	Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo pháp luật
08/2024 – 01/2025	Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật
01/2025 – 01/2026	Công ty TNHH Đầu tư Savico	Chủ tịch Công ty - Người đại diện theo pháp luật
09/2024 – nay	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo pháp luật
11/2024 – nay	Công ty TNHH MTV Toyota Tây Ninh	Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo pháp luật
09/2024 – nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật
06/2024 – nay	Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Tổng giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Savico Hà Nội;
 - + Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn;
 - + Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt;
 - + Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH MTV Toyota Tây Ninh;
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 12.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0011% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Sst	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Nguyễn Văn Phùng	Bố ruột	0	0
2.	Đỗ Thị Giang	Mẹ ruột	0	0
3.	Bùi Thị Phương Thảo	Vợ	0	0
4.	Nguyễn Khả Ngân	Con	0	0
5.	Nguyễn Chí Hiếu	Con	0	0
6.	Nguyễn Hải Bình	Anh trai	0	0
7.	Nguyễn Thị Kim Cúc	Chị dâu	0	0
8.	Bùi Tiến Vượng	Bố vợ	0	0
9.	Nguyễn Thị Thu	Mẹ vợ	0	0
10.	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Ông Nguyễn Hải Hà giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	0	0
11.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	Ông Nguyễn Hải Hà giữ chức vụ Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật	0	0
12.	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Ông Nguyễn Hải Hà giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật	0	0
13.	Công ty TNHH MTV Toyota Tây Ninh	Ông Nguyễn Hải Hà giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật	0	0
14.	Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	Chủ tịch HĐQT	0	0

– Lợi ích liên quan tới TCPH:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của

Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.

+ Thù lao và các lợi ích khác từ TCPH:

Nội dung	Chức danh	Thù lao, tiền lương (VNĐ) (*)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Phó Tổng giám đốc	-	-
Năm 2025	Phó Tổng giám đốc	-	-
6 tháng đầu năm 2026	Phó Tổng giám đốc	-	-

(*) Ông Nguyễn Hải Hà được chi trả các khoản thù lao, tiền lương năm 2024 đến tháng 10/2025 tại Công ty Cổ phần Savico Hà Nội và từ tháng 10/2025 đến tháng 06/2026 tại Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Sài Gòn.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

➤ Ông Nguyễn Văn Hiếu – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 26/08/1982
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2017 - 5/2023	Công ty Cổ phần DNP Holding	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Từ 2020 - 4/2022	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	Chủ tịch HĐQT
Từ 2022 - 12/2023	Công ty Cổ phần VETC	Chủ tịch HĐQT
Từ 2023 - 9/2025	Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	Phó Chủ tịch HĐQT

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2021 – 12/2023	Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	Thành viên HĐQT
01/2026 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	Phó Chủ tịch HĐQT
01/2026 – nay	Công ty Cổ phần Tasco	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Tổng giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Danh Cư	Bố	0	0
2	Lương Thị Thu Chiến	Mẹ	0	0
3	Đinh Thị Ngọc Lan	Vợ	0	0
4	Nguyễn Danh Trung	Con	0	0
5	Nguyễn Danh Chính	Con	0	0
6	Nguyễn Quỳnh Phương	Chị gái	0	0
7	Nguyễn Phương Thanh	Chị gái	0	0
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	Ông Nguyễn Văn Hiếu giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT	0	0

- Lợi ích liên quan tới TCPH:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của

Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.

+ Thù lao và các lợi ích khác từ TCPH:

Nội dung	Chức danh	Thù lao, tiền lương (VNĐ) (*)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Không có do mới được bổ nhiệm tháng 01/2026	-	-
Năm 2025	Không có do mới được bổ nhiệm tháng 01/2026	-	-
6 tháng đầu năm 2026	Phó Tổng giám đốc	-	-

(*) Ông Nguyễn Văn Hiếu được chi trả các khoản thù lao, tiền lương năm 2024 tại Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco, năm 2025 tại Công ty Cổ phần Tasco Auto và 6 tháng đầu năm 2026 tại Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.3 Thành viên Ban Kiểm soát

Tại thời điểm hiện nay, Ban Kiểm soát Công ty gồm có những thành viên sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Nguyễn Minh Hiếu	Trưởng Ban
2.	Bà Hoàng Thị Sòa	Thành viên
3.	Bà Trần Thị Linh	Thành viên

➤ Ông Nguyễn Minh Hiếu – Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nam.
- Ngày sinh : 27/04/1994.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Trình độ học vấn: Đại học.
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

– Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2016 – 11/2018	Công ty TNHH Kiểm toán BDO	Kiểm toán viên
11/2018 – 11/2021	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Trưởng nhóm kiểm toán
11/2021 – 03/2023	Công ty Cổ phần Tasco	Phó phòng Kiểm soát tài chính
05/2023 – nay	Công ty Cổ phần Tasco	Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ công tác tại Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Nguyễn Minh Huyền	Bố đẻ	0	0
2.	Nguyễn Thị Hằng	Mẹ đẻ	0	0
3.	Trịnh Thị Mỹ Duyên	Vợ	0	0
4.	Nguyễn Minh Trường	Con	0	0
5.	Nguyễn Thị Hương Thảo	Em gái	0	0
6.	Nguyễn Thị Duy	Mẹ vợ	0	0
7.	Trịnh Xuân Toàn	Bố vợ	0	0

- Lợi ích liên quan tới TCPH:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - + Thù lao và các lợi ích khác từ TCPH:

Nội dung	Chức danh	Thù lao, tiền lương (VNĐ) (*)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
Năm 2025	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
6 tháng đầu năm 2026	Trưởng Ban kiểm soát	-	-

(*) Ông Nguyễn Minh Hiếu được chỉ trả các khoản thù lao, tiền lương năm 2024, 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 tại Công ty Cổ phần Savico Hà Nội.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

➤ Bà Hoàng Thị Soa – Thành viên BKS

- Giới tính : Nữ.
- Ngày sinh : 14/07/1987.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Trình độ học vấn: Đại học.
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Pháp luật Kinh tế, Luật sư.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2009 - 2015	Công ty Cổ phần chứng khoán SHB	Cán bộ Pháp chế và kiểm soát nội bộ
2015 - 2018	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cán bộ Pháp chế và tuân thủ
2018 - 06/2021	Công ty Luật TNHH Khánh Trường An	Luật sư
04/2022 - nay	Công ty Cổ phần Tasco	Thành viên BKS
02/2023 – nay	Công ty Cổ phần DNP Holding	Người phụ trách quản trị kiêm Người được ủy quyền công bố thông tin

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Người phụ trách quản trị kiêm Người được ủy quyền công bố thông tin Công ty Cổ phần DNP Holding.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Hoàng Phúc Bình	Bố	0	0
2.	Nguyễn Thị Hiền	Mẹ	0	0
3.	Lưu Ngọc Quyết	Chồng	0	0
4.	Lưu Hoàng Minh	Con	0	0
5.	Lưu Hoàng Minh Triết	Con	0	0
6.	Hoàng Thị Mỹ Lê	Em gái	0	0
7.	Lưu Vinh Quang	Bố chồng	0	0
8.	Hồ Thị Danh	Mẹ chồng	0	0
9.	Công ty Cổ phần DNP Holding	Bà Hoàng Thị Soa giữ chức vụ Người phụ trách quản trị kiêm Người được ủy quyền công bố thông tin	0	0

- Lợi ích liên quan tới TCPH:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - + Thù lao và các lợi ích khác từ TCPH:

Nội dung	Chức danh	Thù lao, tiền lương (VNĐ) (*)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Thành viên BKS	-	-
Năm 2025	Thành viên BKS	-	-
6 tháng đầu năm 2026	Thành viên BKS	-	-

(*) Bà Hoàng Thị Soa được chỉ trả các khoản thù lao, tiền lương năm 2024, 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 tại Công ty Cổ phần DNP Holding.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

➤ **Bà Trần Thị Linh – Thành viên:**

- Giới tính : Nữ.
- Ngày sinh : 27/11/1985.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Trình độ học vấn: Đại học.
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2018 – 06/2023	Công ty TNHH DVTC Tài Chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt – chi nhánh phía Bắc	Phó Giám đốc kiểm tra phòng kiểm toán
05/2024 – nay	Công ty Cổ phần Tasco	Thành viên BKS
04/2025 – 04/2026	Công ty Cổ phần DNP Holding	Thành viên HĐQT độc lập

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Trần Xuân Vệ	Bố đẻ	0	0
2.	Đinh Thị Ly	Mẹ đẻ	0	0
3.	Trần Đức Tuấn	Anh trai	0	0
4.	Trần Thị Lý	Em gái	0	0
5.	Cao Chí Kiên	Con trai	0	0
6.	Cao Văn Thành	Chồng	0	0
7.	Cao Việt Thắng	Con trai	0	0
8.	Cao Hồng Viễn	Bố chồng	0	0
9.	Nguyễn Thị Giáng	Mẹ chồng	0	0
10.	Vũ Thị Hường	Chị dâu	0	0
11.	Lưu Viết Cường	Em rể	0	0
12.	Cao Quốc Tuấn	Anh chồng	0	0
13.	Nguyễn Thị Bích Phương	Chị dâu	0	0

– Lợi ích liên quan tới TCPH:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác từ TCPH:

Nội dung	Chức danh	Thù lao, tiền lương (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Thành viên BKS	-	-

Nội dung	Chức danh	Thù lao, tiền lương (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2025	Thành viên BKS	-	-
6 tháng đầu năm 2026	Thành viên BKS	-	-

(*) Bà Trần Thị Linh được chi trả các khoản thù lao, tiền lương năm 2024 đến tháng 05/2025 tại Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Sài Gòn, 06/2025 đến 06/2026 tại Công ty TNHH Tasco Investment.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.4 Kế toán trưởng

➤ Bà Bùi Thị Bình – Kế toán trưởng

- Giới tính : Nữ,
- Ngày sinh : 23/12/1990.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2014 – 04/2019	Công ty TNHH Du lịch Tầm Nhìn	Kế toán tổng hợp
05/2019 – 11/2021	Công ty CP Cọc khoan và KCN Fecon	Kế toán tổng hợp
12/2021 – 01/2022	Công ty Cổ phần DNP Holding	Chuyên viên Quản lý kế toán
02/2022 – 04/2022	Công ty Cổ phần Tasco	Chuyên viên kế toán
05/2022 – 01/2024	Công ty Cổ phần Tasco	Phó phòng kế toán
02/2024 – nay	Công ty Cổ phần Tasco	Kế toán trưởng

- Chức vụ công tác tại Công ty: Kế toán trưởng.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CP nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.	Bùi Quang Sự	Bố	0	0
2.	Đỗ Thị Miên	Mẹ	0	0
3.	Bùi Minh Hải	Anh ruột	0	0
4.	Bùi Thị Thu Hà	Chị ruột	0	0
5.	Bùi Thị Giang	Chị ruột	0	0
6.	Bùi Thị Yên	Chị ruột	0	0
7.	Bùi Đức Thắng	Anh rể	0	0
8.	Bùi Đăng Khoa	Anh rể	0	0
9.	Nguyễn Chí Thanh	Anh rể	0	0
10.	Trần Thị Ngọc Linh	Chị dâu	0	0
11.	Nguyễn Thúy	Bố chồng	0	0
12.	Nguyễn Thị Huệ	Mẹ chồng	0	0
13.	Nguyễn Tài Dũng	Chồng	0	0
14.	Nguyễn Mai An	Con gái	0	0
15.	Nguyễn Gia Bách	Con trai	0	0

- Lợi ích liên quan tới TCPH:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác từ TCPH:

Nội dung	Chức danh	Thù lao, tiền lương (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Kế toán trưởng	463.544.444	-
Năm 2025	Kế toán trưởng	599.675.000	-
6 tháng đầu năm 2026	Kế toán trưởng	322.300.000	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. CƠ SỞ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (sau đây gọi là “Luật Doanh Nghiệp”);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (sau đây gọi tắt là “Luật Chứng Khoán”);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng và Thông tư 115/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 118;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của HUT;
- Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2026 của ĐHĐCĐ thường niên của HUT, trong đó thông qua Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng;
- Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐQT ngày 25/05/2026 của HĐQT thông qua chi tiết phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng, thông qua phương án sử dụng vốn và thông qua việc niêm yết Trái Phiếu;
- Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐQT ngày 25/05/2026 của HĐQT thông qua bộ hồ sơ chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng.

2. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

2.1. Tên trái phiếu

Trái Phiếu Công ty Cổ phần Tasco.

2.2. Loại trái phiếu

Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần phổ thông, không có tài sản bảo đảm, không kèm chứng quyền.

2.3. Mệnh giá

100.000 (một trăm nghìn) VNĐ/Trái Phiếu.

2.4. Tổng số lượng trái phiếu chào bán

35.609.519 (Ba mươi lăm triệu sáu trăm linh chín nghìn năm trăm mười chín) Trái Phiếu.

2.5. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá

3.560.951.900.000 VNĐ (Ba nghìn năm trăm sáu mươi tỷ chín trăm năm mươi một triệu chín trăm nghìn đồng).

2.6. Kỳ hạn trái phiếu

05 (năm) năm.

2.7. Lãi suất

Trái Phiếu có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, cụ thể như sau:

- (i) Đối với 02 Kỳ Tính Lãi đầu tiên: Lãi suất Trái Phiếu được áp dụng cố định là **10%/năm** (mười phần trăm một năm);
- (ii) Đối với mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo: Lãi suất Trái Phiếu là lãi suất thả nổi với mức lãi suất bằng tổng của **3,5%/năm** (ba phẩy năm phần trăm một năm) và Lãi Suất Tham Chiếu của Kỳ Tính Lãi đó. “**Lãi Suất Tham Chiếu**” là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (loại trả lãi sau) của Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất (là ngày làm việc thứ 7 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi) trên trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn lên đến hai chữ số ở phần thập phân.

2.8. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

- (i) Đối với lãi Trái Phiếu: được trả định kỳ 6 (sáu) tháng/lần, vào ngày tròn 6 (sáu) tháng (i) kể từ Ngày Phát Hành (đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên), hoặc (ii) kể từ ngày trả lãi liền kề trước đó (đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo) (“**Ngày Trả Lãi**”). Nếu Ngày Trả Lãi là ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ, Tết thì việc thanh toán lãi Trái Phiếu sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

Để làm rõ, (i) Trái Phiếu được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông vào mỗi Đợt Chuyển Đổi sẽ không được tính lãi kể từ Ngày Trả Lãi gần nhất trước Đợt Chuyển Đổi đó cho đến ngày thực hiện Đợt Chuyển Đổi đó; và (ii) số tiền từ ngày nhà đầu tư đóng tiền mua Trái Phiếu cho đến nhưng không bao gồm Ngày Phát Hành sẽ không được tính lãi.

Kỳ Tính Lãi/Kỳ Trả Lãi: Là mỗi giai đoạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục kể từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn (“Kỳ Tính Lãi”).

- (ii) Đối với gốc Trái Phiếu: Trái Phiếu đang lưu hành bắt buộc chuyển đổi thành cổ phần phổ thông vào Ngày Đáo Hạn. Vì vậy Tổ Chức Phát Hành không phải hoàn trả gốc Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

2.9. Giá chào bán

100.000 (một trăm nghìn) VND/Trái Phiếu.

2.10. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động

Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng Đồng Việt Nam. Trái phiếu có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ chung khác không được bảo đảm (dù là nghĩa vụ hiện tại hoặc trong tương lai) của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan). Các Trái phiếu có các quyền lợi, lợi ích ngang nhau và không Trái phiếu nào có bất kỳ quyền ưu tiên nào hơn so với bất kỳ Trái phiếu nào khác vì bất kỳ lý do nào.

2.11. Quyền của người sở hữu trái phiếu

Người Sở Hữu Trái Phiếu có các quyền sau:

- Quyền sở hữu đối với Trái Phiếu;
- Được quyền chuyển đổi Trái Phiếu thành cổ phần phổ thông theo Bản Cáo Bạch;
- Được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của pháp luật có liên quan và theo quy định của các điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu; và
- Được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp thay đổi quyền của Người sở hữu Trái Phiếu: Mọi thay đổi liên quan đến quyền của Người sở hữu Trái Phiếu sẽ được thực hiện như quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

2.12. Phương thức thực hiện quyền

- **Điều kiện chuyển đổi Trái phiếu:** Trái Phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Tổ Chức Phát Hành theo quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu. Tại mỗi Đợt Chuyển Đổi, nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu không thực hiện quyền chuyển đổi Trái Phiếu hoặc chỉ thực hiện quyền chuyển đổi một phần đối với toàn bộ số lượng Trái Phiếu nắm giữ thì Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền thực hiện chuyển đổi số lượng Trái Phiếu còn lại tại các Đợt Chuyển Đổi tiếp theo. Để tránh hiểu nhầm, số lượng Trái Phiếu được chuyển đổi đối với mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu phải là số nguyên. Trái Phiếu đang lưu hành bắt buộc chuyển đổi thành cổ phần phổ thông vào Ngày Đáo Hạn.
- **Tỷ lệ thực hiện quyền:** 30:1

Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua Trái Phiếu. Cứ 30 quyền mua sẽ được mua 01 Trái Phiếu; và quyền mua được chuyển nhượng 01 lần.

- **Đợt chuyển đổi:** Trái Phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông vào mỗi đợt trong 05 (năm) đợt (mỗi đợt như vậy được gọi là “**Đợt Chuyển Đổi**”) như sau:

- + Đợt Chuyển Đổi 1: Vào ngày tròn 01 (một) năm kể từ Ngày Phát Hành;
- + Đợt Chuyển Đổi 2: Vào ngày tròn 02 (hai) năm kể từ Ngày Phát Hành;
- + Đợt Chuyển Đổi 3: Vào ngày tròn 03 (ba) năm kể từ Ngày Phát Hành;
- + Đợt Chuyển Đổi 4: Vào ngày tròn 04 (bốn) năm kể từ Ngày Phát Hành;
- + Đợt Chuyển Đổi 5: Vào ngày tròn 05 (năm) năm kể từ Ngày Phát Hành (tức Ngày Đáo Hạn).

Vào Ngày Đáo Hạn, toàn bộ Trái Phiếu chưa được chuyển đổi sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.

Nếu ngày thực hiện Đợt Chuyển Đổi là ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ, Tết thì Đợt Chuyển Đổi sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

Số lượng Trái Phiếu thực hiện chuyển đổi tại mỗi Đợt Chuyển Đổi (ngoại trừ vào Ngày Đáo Hạn) do Người Sở Hữu Trái Phiếu tự quyết định. Để làm rõ, Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể thực hiện quyền chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Trái Phiếu đang nắm giữ theo quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

- **Giá chuyển đổi:** 10.000 đồng/cổ phần phổ thông.

- **Tỷ lệ chuyển đổi:**

Tỷ lệ chuyển đổi được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chuyển đổi} = \frac{\text{Mệnh giá Trái Phiếu}}{\text{Giá chuyển đổi}} = 10$$

Tỷ lệ chuyển đổi: 1:10 (mỗi Trái Phiếu được chuyển đổi thành 10 (mười) cổ phần phổ thông).

- **Các trường hợp không được chuyển đổi Trái Phiếu:** Tại thời điểm chuyển đổi, các trường hợp không thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu tuân thủ theo quy định của pháp luật (nếu có)
- **Kế hoạch phát hành cổ phiếu trong thời gian trái phiếu chưa đáo hạn và phương án thực hiện quyền điều chỉnh:** Không có
- **Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền:**
 - + Ngoại trừ Đợt Chuyển Đổi 5 (tức vào Ngày Đáo Hạn), quyền chuyển đổi thuộc về người sở hữu trái phiếu. Người sở hữu Trái Phiếu có quyền thực hiện chuyển đổi hoặc không chuyển đổi từ Đợt Chuyển Đổi 1 đến Đợt Chuyển Đổi 4, do vậy khi người sở hữu trái

phiếu yêu cầu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần phổ thông tại mỗi Đợt Chuyển Đổi, Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện chuyển đổi theo các điều kiện tại phương án phát hành, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của những người sở hữu trái phiếu, các cổ đông và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình. Tại Ngày Đáo Hạn, Trái phiếu đang lưu hành bắt buộc chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.

- + Trong trường hợp người sở hữu trái phiếu đã hoàn thành trách nhiệm của họ liên quan đến việc thực hiện chuyển đổi trái phiếu tại mỗi Đợt Chuyển Đổi (ngoại trừ trường hợp không thể chuyển đổi trái phiếu của nhà đầu tư nước ngoài thành cổ phần phổ thông do các giới hạn về tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài) nhưng Tổ Chức Phát Hành không thể phát hành cổ phần phổ thông mới cho người sở hữu Trái phiếu đó thì Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ mua lại phần trái phiếu đăng ký chuyển đổi đó trước hạn trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc sau khi Tổ Chức Phát Hành thông báo về việc không thể phát hành cổ phần phổ thông mới cho người sở hữu trái phiếu đó, với giá mua lại bằng mệnh giá trái phiếu và toàn bộ lãi chưa thanh toán tương ứng với số ngày của Kỳ Tính Lãi đó cộng với (+) lãi phát sinh cho đến ngày Tổ Chức Phát Hành thực hiện mua lại phần trái phiếu đó.
- + Trái phiếu thuộc sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài chưa được chuyển đổi do các giới hạn về tỷ lệ của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán tiền lãi trái phiếu tại Kỳ Tính Lãi tương ứng theo các điều khoản và điều kiện của trái phiếu.

2.13. Việc mua lại trái phiếu trước hạn

- Tổ Chức Phát Hành phải mua lại toàn bộ trái phiếu trước hạn khi xảy ra sự kiện vi phạm.
- Các trường hợp khác theo thỏa thuận giữa Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu.

2.14. Phương thức phân phối

Trái Phiếu được phát hành ra công chúng cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổ Chức Phát Hành theo phương thức thực hiện quyền mua.

Số lượng Trái Phiếu lẻ và Trái Phiếu không phân phối hết sau khi kết thúc thời hạn phát hành cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông sẽ được Hội đồng Quản trị chào bán tiếp cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông.

2.15. Đăng ký mua trái phiếu

- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có tên trong danh sách tại thời điểm Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt danh sách hưởng quyền mua Trái Phiếu theo quy định.
- **Tỷ lệ thực hiện:** 30:1

Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua Trái Phiếu. Cứ 30 quyền mua sẽ được mua 01 Trái Phiếu; và quyền mua được chuyển nhượng 01 lần.

- **Số lượng Trái phiếu đăng ký mua tối thiểu:** Không quy định
- **Phương án xử lý Trái Phiếu lẻ và Trái Phiếu không phân phối hết:**

Để đảm bảo không vượt tổng số lượng Trái Phiếu phát hành, số lượng Trái Phiếu phát hành cho mỗi cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Cổ đông A đang sở hữu 152 cổ phiếu, số quyền mua được hưởng là $152 \times 1:30 = 5,067$ quyền mua. Theo nguyên tắc làm tròn xuống nêu trên, số lượng quyền mua của cổ đông A sau khi làm tròn xuống hàng đơn vị là 5 quyền mua, tương đương với 5 Trái Phiếu được mua.

Số lượng Trái Phiếu lẻ và Trái Phiếu không phân phối hết sau khi kết thúc thời hạn phát hành cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông sẽ được Hội đồng Quản trị chào bán tiếp cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông.

- **Phương thức đăng ký mua và thanh toán:**

Phương thức đăng ký mua: (i) việc đăng ký mua Trái Phiếu của nhà đầu tư chỉ được coi là đã hoàn thành khi nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua theo hướng dẫn của Tổ Chức Phát Hành tại thông báo phát hành có liên quan; và (ii) thời gian tối thiểu cho nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua là 20 ngày theo quy định của pháp luật;

Phương thức thanh toán: Nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu chuyển đổi sẽ thực hiện chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Tổ Chức Phát Hành được quy định tại Bản cáo bạch này và theo hướng dẫn đặt mua của Tổ Chức Phát Hành tại các thông báo phát hành có liên quan.

- **Địa điểm nhận hồ sơ đăng ký mua Trái Phiếu:** theo hướng dẫn tại thông báo phát hành.

2.16. Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu

Dự kiến phát hành trong Quý III/2026 – Quý IV/2026 và ngay sau khi Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng có hiệu lực.

Kể từ ngày Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng có hiệu lực, HUT sẽ thực hiện việc phân phối trái phiếu ra công chúng tối đa không quá 90 ngày.

Dự kiến thời gian chào bán theo lịch trình sau:

STT	Nội dung công việc	Dự kiến thời gian thực hiện
1	Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán có hiệu lực	D
2	Gửi thông báo chốt danh sách cổ đông tới VSDC chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua trái phiếu	D + 2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên một tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp	D – D + 7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D + 15

STT	Nội dung công việc	Dự kiến thời gian thực hiện
5	Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông	D + 16
6	Tổng hợp danh sách cổ đông để thực hiện phân bổ quyền mua	D + 22
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua trái phiếu	D + 22 – D + 50
8	Xử lý trái phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đặt mua hết để phân phối tiếp theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT	D + 50 – D + 60
9	Báo cáo kết quả đợt chào bán tới UBCKNN, công bố thông tin theo quy định	D + 65
10	Thực hiện thủ tục niêm yết chứng khoán bổ sung với HNX và lưu ký chứng khoán bổ sung với VSDC	D + 68 – D + 85
11	Giao dịch trái phiếu chào bán	D + 90

2.17. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Người sở hữu Trái Phiếu được quyền tự do chuyển nhượng Trái Phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sau khi Tổ Chức Phát Hành hoàn tất thủ tục niêm yết trái phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).
- Cổ đông sở hữu quyền mua Trái Phiếu được chuyển nhượng 01 (một) lần.

2.18. Tài khoản phong toả nhận tiền mua Trái Phiếu

- Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Tasco
- Số tài khoản: 119002923250
- Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long

2.19. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán trái phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành

Tổ Chức Phát Hành không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2.20. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Tại thời điểm chuyển đổi, Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện quyền chuyển đổi Trái Phiếu theo quy định tại phương án phát hành và phải tuân thủ các quy định của pháp luật tại từng thời điểm về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Để phục vụ cho việc chuyển đổi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài, (i) tỷ lệ khóa room, (ii) số lượng Cổ Phần Chuyển Đổi tối đa phát hành cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài,

và (iii) số lượng Trái Phiếu tối đa mà mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông được xác định như sau:

- (i) Tỷ lệ khóa room: Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện việc khóa room kể từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn, với tỷ lệ khóa room là 49% (bốn mươi chín phần trăm) trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác.
- (ii) Số lượng Cổ Phần Chuyển Đổi tối đa phát hành cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài

Tổng số lượng Cổ Phần Chuyển Đổi tối đa phát hành cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài		Số lượng Cổ Phần Chuyển Đổi phát hành cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài khi những Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư trong nước đăng ký chuyển đổi		Số lượng Cổ Phần Chuyển Đổi có thể phát hành thêm cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài trong phạm vi mà Tổ Chức Phát Hành đã khóa room trước đó
Q_{NN}^i	=	$\frac{(Q_{TN}^i \times A^i)}{(1 - A^i)}$	+	$(A^i - X^i) \times C^i$

Trong đó:

- Q_{NN}^i : tổng số lượng Cổ Phần Chuyển Đổi tối đa phát hành thêm cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài tại Đợt Chuyển Đổi i.
 - Q_{TN}^i : tổng số lượng Cổ Phần Chuyển Đổi phát hành thêm cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư trong nước tại Đợt Chuyển Đổi i.
 - A^i : tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Tổ Chức Phát Hành tại Đợt Chuyển Đổi i.
 - X^i : tỷ lệ khóa room đang có hiệu lực tại Đợt Chuyển Đổi i.
 - C^i : tổng số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành của Tổ Chức Phát Hành tại Đợt Chuyển Đổi i.
 - i: số thứ tự của các Đợt Chuyển Đổi (lần lượt từ Đợt 1 đến Đợt 5).
- (iii) Số lượng Trái Phiếu tối đa mà mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông

$$T_{NN}^i = Q_{DK}^i \times T^i$$

Trong đó:

- T_{NN}^i : số lượng Trái Phiếu mà mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông tại Đợt Chuyển Đổi i.
- Q_{DK}^i : số lượng Trái Phiếu đăng ký chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài tại Đợt Chuyển Đổi i.

- T^i : được xác định bằng $\frac{Q_{NN}^i}{\sum Q_{TDK}^i}$, trong đó:
 - Q_{NN}^i : tổng số lượng Cổ Phần Chuyển Đổi tối đa phát hành cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài tại Đợt Chuyển Đổi i , được xác định theo công thức ở Mục (2) nêu trên.
 - $\sum Q_{TDK}^i$: tổng số lượng Cổ Phần Chuyển Đổi tương ứng với tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài tại Đợt Chuyển Đổi i . Để làm rõ, $\sum Q_{TDK}^i$ được xác định bằng cách lấy tổng số lượng Trái Phiếu mà tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài đăng ký chuyển đổi tại Đợt Chuyển Đổi i nhân (x) với tỷ lệ chuyển đổi là 10 (mười).
- Cho mục đích của cách tính nêu trên:
 - + Trường hợp Q_{NN}^i lớn hơn $\sum Q_{TDK}^i$ thì T^i được tính bằng 1; hoặc
 - + Trường hợp Q_{NN}^i nhỏ hơn hoặc bằng $\sum Q_{TDK}^i$ thì T^i được tính theo công thức nêu trên.
- i : số thứ tự của các Đợt Chuyển Đổi (lần lượt từ Đợt 1 đến Đợt 5).

Ví dụ minh họa:

Giả định tại Đợt Chuyển Đổi 1:

- (i) Xác định Số lượng Cổ Phần Chuyển Đổi tối đa phát hành cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài
 - Q_{NN}^1 : tổng số lượng Cổ Phần Chuyển Đổi tối đa phát hành thêm cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài tại Đợt Chuyển Đổi 1.
 - Q_{TN}^1 : tổng số lượng Cổ Phần Chuyển Đổi phát hành thêm cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư trong nước tại Đợt Chuyển Đổi 1 là 510.000 cổ phần.
 - A^1 : tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Tổ Chức Phát Hành tại Đợt Chuyển Đổi 1 là 49%.
 - X^1 : tỷ lệ khóa room đang có hiệu lực tại Đợt Chuyển Đổi 1 là 49%.
 - C^1 : tổng số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành của Tổ Chức Phát Hành tại Đợt Chuyển Đổi 1 là 1.068.285.581 cổ phần.

Tổng số lượng Cổ Phần Chuyển Đổi tối đa được phát hành cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài tại Đợt Chuyển Đổi 1 (Q_{NN}^1) được xác định như sau:

$$Q_{NN}^1 = \frac{(Q_{TN}^1 \times A^1)}{(1 - A^1)} + (A^1 - X^1) \times C^1 = \frac{(510.000 \times 49\%)}{(1 - 49\%)} + (49\% - 49\%) \times 1.068.285.581$$

$$= 490.000 \text{ cổ phần}$$

Tương ứng với số Trái phiếu tối đa có thể chuyển đổi là: $\frac{490.000}{10} = 49.000$ Trái phiếu

(ii) Xác định Số lượng Trái Phiếu tối đa mà mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông

- T_{NN}^1 : số lượng Trái Phiếu mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài đăng ký chuyển đổi thành cổ phần phổ thông tại Đợt Chuyển Đổi 1

Trường hợp 1:

- Q_{DK}^1 : số lượng Trái Phiếu đăng ký chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài tại Đợt Chuyển Đổi 1.

Giả định tại Đợt Chuyển Đổi 1, có 02 Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài đăng ký chuyển đổi như sau:

- Nhà đầu tư A đăng ký chuyển đổi 20.000 Trái Phiếu, tương ứng 200.000 cổ phần;
- Nhà đầu tư B đăng ký chuyển đổi 10.000 Trái Phiếu, tương ứng 100.000 cổ phần;
- T^1 : được xác định bằng $\frac{Q_{NN}^1}{\sum Q_{TDK}^1}$, trong đó:
 - Q_{NN}^1 : 490.000 cổ phần
 - $\sum Q_{TDK}^1$: tổng số lượng Cổ Phần Chuyển Đổi tương ứng với tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài tại Đợt Chuyển Đổi 1 là 300.000 cổ phần

Trường hợp này, Q_{NN}^1 lớn hơn $\sum Q_{TDK}^1$ thì $T^1 = 1$

Do đó, Số lượng Trái Phiếu tối đa mà mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông là:

- $T_{NN}^1(A) = Q_{DK}^1(A) \times T^1 = 20.000 \times 1 = 20.000$ Trái phiếu, tương ứng số Cổ Phần Chuyển Đổi là 200.000 Cổ Phiếu
- $T_{NN}^1(B) = Q_{DK}^1(B) \times T^1 = 10.000 \times 1 = 10.000$ Trái phiếu, tương ứng số Cổ Phần Chuyển Đổi là 100.000 Cổ Phiếu

Trường hợp 2:

- Q_{DK}^1 : số lượng Trái Phiếu đăng ký chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài tại Đợt Chuyển Đổi 1.

Giả định tại Đợt Chuyển Đổi 1, có 03 Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài đăng ký chuyển đổi như sau:

- Nhà đầu tư A đăng ký chuyển đổi 24.000 Trái Phiếu, tương ứng 240.000 cổ phần;
- Nhà đầu tư B đăng ký chuyển đổi 18.000 Trái Phiếu, tương ứng 180.000 cổ phần;
- Nhà đầu tư C đăng ký chuyển đổi 18.000 Trái Phiếu, tương ứng 180.000 cổ phần.

- T^1 : được xác định bằng $\frac{Q_{NN}^1}{\sum Q_{TDK}^1}$, trong đó:
 - Q_{NN}^1 : 490.000 cổ phần
 - $\sum Q_{TDK}^1$: tổng số lượng Cổ Phần Chuyển Đổi tương ứng với tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài tại Đợt Chuyển Đổi 1 là 600.000 cổ phần

Trường hợp này, Q_{NN}^1 nhỏ hơn $\sum Q_{TDK}^1$ thì $T^1 = \frac{490.000}{600.000} = 81,6667\%$

Do đó, Số lượng Trái Phiếu tối đa mà mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông là:

- $T_{NN}^1(A) = Q_{DK}^1(A) \times T^1 = 24.000 \times 81,6667\% = 19.600$ Trái phiếu, tương ứng số Cổ Phần Chuyển Đổi là 196.000 Cổ Phiếu
- $T_{NN}^1(B) = Q_{DK}^1(B) \times T^1 = 18.000 \times 81,6667\% = 14.700$ Trái phiếu, tương ứng số Cổ Phần Chuyển Đổi là 147.000 Cổ Phiếu
- $T_{NN}^1(C) = Q_{DK}^1(C) \times T^1 = 18.000 \times 81,6667\% = 14.700$ Trái phiếu, tương ứng số Cổ Phần Chuyển Đổi là 147.000 Cổ Phiếu

2.21. Các loại thuế có liên quan

❖ Thuế thu nhập cá nhân

Tại Việt Nam, thuế thu nhập cá nhân được điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật sau đây:

- (i) Luật thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 10/12/2025 (gọi chung là Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân)
- (ii) Luật số 09/2026/QH16 ngày 24/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế GTGT, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt;
- (iii) Nghị định số 253/2026/NĐ - CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật thuế TNCN;
- (iv) Nghị định số 91/2014/NĐ – CP ngày 1/10/2014 sửa đổi, một số điều tại các Nghị định quy định về thuế và Nghị định số 12/2015/NĐ–CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
- (v) Thông tư số 25/2018/TT -BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Nghị Định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông Tư Số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của bộ tài chính, Thông Tư Số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của bộ tài chính;
- (vi) Thông tư số 119/2014/TT – BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT–BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT–BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT–BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT–

BTC ngày 10/1/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;

- (vii) Thông tư số 151/2014/TT – BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế.

❖ **Thuế giá trị gia tăng:**

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- (i) Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26 tháng 11 năm 2024;
- (ii) Luật số 09/2026/QH16 ngày 24/04/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, luật thuế GTGT, luật thuế thu nhập doanh nghiệp và luật thuế tiêu thụ đặc biệt;
- (iii) Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15;
- (iv) Nghị định 144/2026/NĐ-CP ngày 05/05/2026 sửa đổi, bổ sung một số quy định về thuế GTGT;
- (v) Thông tư số 69/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 hướng dẫn Luật thuế Giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15.

❖ **Thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- (i) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 16/7/2025;
- (ii) Luật số 09/2026/QH16 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN;
- (iii) Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- (iv) Nghị định 141/2026/NĐ-CP ngày 29/04/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP;
- (v) Thông tư 20/2026/TT-BTC ngày 12/03/2026 quy định chi tiết Luật Thuế TNDN và Nghị định 320/2025/NĐ-CP.

2.22. Thông tin về các cam kết

Tại thời điểm ký Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết:

- (i) Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn ở các cam kết về (i) điều kiện chào bán Trái Phiếu chuyển đổi ra công chúng, (ii) việc thanh toán lãi Trái Phiếu, (iii) việc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư liên quan đến Trái Phiếu và (iv) các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

- (ii) Không có bất kỳ khoản nợ phải trả nào quá hạn trên 01 (một) năm và đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.
- (iii) Sẽ thực hiện niêm yết trái phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sau khi kết thúc đợt chào bán.
- (iv) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

2.23. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu là 3.560.951.900.000 VNĐ (*Ba nghìn năm trăm sáu mươi tỷ chín trăm năm mươi một triệu chín trăm nghìn đồng*). Tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu sẽ được sử dụng để đầu tư, góp vốn vào công ty con và/hoặc đầu tư vào các chương trình, dự án trực tiếp hoặc thông qua góp vốn vào Công ty con của Tổ Chức Phát Hành, hợp tác đầu tư dự án.

2. Phương án khả thi

2.1. Góp vốn thực hiện dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận

Căn cứ Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐQT ngày 25/05/2026 của Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua phương án sử dụng vốn phát hành để góp vốn vào Công ty TNHH BOT Cao Tốc Sài Gòn – Mỹ Thuận để thực hiện dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận với một số thông tin cụ thể như sau:

- Thông tin chung về Doanh Nghiệp Dự Án:

Doanh nghiệp dự án	:	Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn – Mỹ Thuận (tên viết tắt “ BOT Cao Tốc Sài Gòn – Mỹ Thuận ”);
Trụ sở chính	:	32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
Vốn điều lệ đăng ký & thực góp	:	50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng);
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	Số 0319299458 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/12/2025
Mã số thuế	:	0319299458
Người đại diện theo pháp luật	:	Ông Khương Văn Cường – Tổng Giám đốc

Hoạt động kinh doanh chính : Xây dựng công trình đường bộ

Danh sách thành viên góp vốn của Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn – Mỹ Thuận (ngày 30/06/2026)

- Công ty Cổ phần Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (40% vốn điều lệ Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn – Mỹ Thuận);
 - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (15% vốn điều lệ Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn – Mỹ Thuận)
 - Công ty Cổ phần Tasco (15% vốn điều lệ Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn – Mỹ Thuận)
 - Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long – Công ty Cổ phần (15% vốn điều lệ Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn – Mỹ Thuận)
 - Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ và Đầu tư CII (15% vốn điều lệ Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn – Mỹ Thuận)
- Liên Danh Nhà Đầu Tư đã góp vốn chủ sở hữu vào Doanh Nghiệp Dự Án tại thời điểm 31/07/2026: 542,475 tỷ đồng. Trong đó, số tiền do CTCP Tasco thực góp tại thời điểm 31/07/2026 là 18,75 tỷ đồng;
 - Tỷ lệ sở hữu dự kiến của CTCP Tasco tại công ty sau khi góp vốn: 15%;
 - Giá trị góp vốn của Tổ Chức Phát Hành vào Doanh Nghiệp Dự Án: 500.000.000.000 đồng;
 - Thời gian thực hiện dự kiến: Quý III/2026 - Quý IV/2026, sau khi hoàn thành đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng;
 - Mục đích góp vốn: để thực hiện đầu tư Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương – Mỹ Thuận.

2.1.1. Thông tin về phương án khả thi Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương – Mỹ Thuận

a. Cơ quan lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long - Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z - Công ty, Cổ phần Tư Vấn thiết kế Xây dựng Đại Phong.

b. Cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan ký kết hợp đồng, bên mời thầu:

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: Bộ Xây dựng;
- Cơ quan ký kết hợp đồng: Cục đường bộ Việt Nam;
- Bên mời thầu: Ban Quản lý dự án 7

c. *Thông tin về dự án:*

- ❖ **Tên dự án:** Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận theo phương thức đối tác công tư.
- ❖ **Nhà đầu tư được chỉ định của dự án:** Theo Quyết định số 2166/QĐ-BXD ngày 26/11/2025, liên danh các nhà đầu tư bao gồm 05 nhà đầu tư là: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Tasco, Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long – CTCP, Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII.
 - CTCP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (40%): được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302483177 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/12/2001, có địa chỉ đăng ký tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (15%): được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313365915 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/07/2015, có địa chỉ đăng ký tại số 32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
 - Công ty Cổ phần Tasco (15%): được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, có địa chỉ đăng ký tại Tầng 1 và Tầng 20 Tòa nhà Tasco, Lô HH2-2, đường Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
 - Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long – CTCP (15%): được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800177056 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 02/10/1998, có địa chỉ đăng ký tại Số nhà 07, phố Cao Sơn, Phường Đông Quang, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam;
 - Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ và Đầu tư CII (15%): được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312270481 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 09/05/2013, có địa chỉ đăng ký tại Số 6 đường 404, khu phố 35, Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- ❖ **Mục tiêu dự án:** Việc đầu tư mở rộng hoàn chỉnh tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận nhằm giảm ùn tắc giao thông, cùng với các dự án giao thông đang khai thác trong khu vực sẽ hình thành một mạng lưới giao thông hoàn chỉnh khu vực Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và từng bước hoàn chỉnh mạng lưới đường cao tốc vùng đồng bằng sông Cửu Long; góp phần đáp ứng nhu cầu vận tải từ các tỉnh Tây Nam Bộ đi Thành phố Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam Bộ và các tỉnh thành cả nước; tạo dư địa, động lực phát triển không gian vùng với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, kết nối các trung tâm kinh tế, cửa khẩu quốc tế và cảng biển; nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế vùng; góp phần đảm bảo quốc phòng - an ninh; từng bước thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

❖ Phạm vi dự án:

- Điểm đầu: Km9+325 tại nút giao Chợ Đệm, thuộc địa phận xã Tân Nhựt, thành phố Hồ Chí Minh;
- Điểm cuối: Km105+454 tại đầu cầu phía Bắc cầu Mỹ Thuận 2, thuộc địa phận xã An Hữu, tỉnh Đồng Tháp.
- Tổng chiều dài khoảng 96,13 km.

❖ Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh và tỉnh Đồng Tháp

❖ Quy mô đầu tư xây dựng dự án:

- Đường cao tốc

+ Cấp đường:

- Đoạn Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương: quy mô giai đoạn hoàn chỉnh theo quy hoạch 10 - 12 làn xe (đoạn từ Chợ Đệm - Vành đai 4 quy mô 12 làn xe, đoạn từ Vành đai 4 - Trung Lương quy mô 10 làn xe), vận tốc thiết kế $V_{tk}=120\text{km/h}$. Phân kỳ đầu tư quy mô 08 làn xe, vận tốc thiết kế $V_{tk}=120\text{km/h}$ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường bộ cao tốc QCVN 117:2024/BGTVT, Tiêu chuẩn đường cao tốc TCVN 5729:2012 và TCVN 5729:1997;
- Đoạn Trung Lương - Mỹ Thuận và đoạn từ nút giao An Thái Trung đến đầu cầu phía Bắc cầu Mỹ Thuận 2: đầu tư hoàn chỉnh quy mô 6 làn xe theo quy hoạch được duyệt, vận tốc thiết kế $V_{tk}=100\text{ km/h}$ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường bộ cao tốc QCVN 117:2024/BGTVT, Tiêu chuẩn đường cao tốc TCVN 5729:2012

+ Mặt cắt ngang:

Đoạn Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương:

- Đoạn Chợ Đệm - Vành đai 4: mặt cắt ngang giai đoạn hoàn chỉnh với bề rộng nền đường $B_{nền} = 56\text{m}$. Mặt cắt ngang phân kỳ đầu tư giai đoạn I với bề rộng nền đường $B_{nền} = 41\text{m}$.
- Đoạn Vành đai 4 - Trung Lương: mặt cắt ngang giai đoạn hoàn chỉnh với bề rộng nền đường $B_{nền} = 48,5\text{m}$. Mặt cắt ngang phân kỳ đầu tư giai đoạn I với bề rộng nền đường $B_{nền} = 41\text{m}$.

Đoạn Trung Lương - Mỹ Thuận và đoạn từ nút giao An Thái Trung đến đầu cầu phía Bắc cầu Mỹ Thuận 2: mặt cắt ngang hoàn chỉnh với bề rộng nền đường $B_{nền} = 32,25\text{m}$.

+ Mặt đường: cấp cao A1

+ Công trình cầu:

- Công trình cầu thiết kế bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực theo các tiêu chuẩn TCVN 11823 - 1:2017 đến TCVN 11823 - 14:2017 “Thiết kế cầu đường bộ”.

- Tái trọng thiết kế HL93
- + Nút giao: xây dựng các nút giao liên thông và trục thông bảo đảm khai thác an toàn, kết nối thuận lợi.
- + Tần suất thiết kế: đảm bảo tần suất $P = 1\%$
- ***Đường gom, đường ngang, hoàn trả đường dân sinh***
 - + Cấp đường: phù hợp với đường hiện hữu, tối thiểu bảo đảm quy mô đường cấp V đồng bằng (đối với đoạn Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương) và đường giao thông nông thôn cấp B (đối với đoạn Trung Lương - Mỹ Thuận và đoạn từ nút giao An Thái Trung đến đầu cầu phía Bắc cầu Mỹ Thuận 2).
 - + Tần suất thiết kế: theo quy định của cấp đường; đối với đường hoàn trả, bảo đảm phù hợp với hiện trạng đường đang khai thác.
 - + Mặt đường: bê tông nhựa, láng nhựa hoặc bê tông xi măng
- ***Công trình phục vụ khai thác***
 - + Hệ thống quản lý giao thông thông minh: xây dựng mới, tận dụng và nâng cấp hệ thống quản lý giao thông thông minh, hệ thống thu phí điện tử không dừng, công trình kiểm soát tải trọng xe bảo đảm kiểm soát và điều khiển giao thông phù hợp với quy mô đầu tư tuyến đường, đáp ứng yêu cầu vận hành, khai thác đường cao tốc, bảo đảm kết nối đồng bộ, thống nhất với các tuyến lân cận.
 - + Trạm dừng nghỉ: tại Km28+200 (đoạn Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương) và tại Km78+220 (đoạn Trung Lương - Mỹ Thuận).

❖ **Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng; nhu cầu sử dụng tài nguyên khác**

Tổng diện tích chiếm dụng đất khoảng 1.070,21 ha; trong đó: 949,71 ha đã giải phóng mặt bằng trong giai đoạn trước đây và 120,5 ha cần giải phóng mặt bằng bổ sung (Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 6,37 ha; tỉnh Tây Ninh khoảng 60,84 ha và tỉnh Đồng Tháp khoảng 53,29 ha).

❖ **Tổng mức đầu tư:**

Tổng mức đầu tư dự án 36.125,25 tỷ đồng, trong đó:

Stt	Hạng mục	Số tiền đầu tư (Tỷ đồng)
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	5.087,89
2	Chi phí xây dựng	20.770,32
3	Chi phí thiết bị	710,90
4	Chi phí quản lý dự án, tư vấn đầu tư, chi phí khác	1.580,89
5	Chi phí dự phòng	3.751,17

Stt	Hạng mục	Số tiền đầu tư (Tỷ đồng)
6	Lãi vay trong thời gian xây dựng	4.224,08
	Tổng cộng	36.125,25

❖ **Phương án tài chính của Dự án:**

- **Cơ cấu nguồn vốn:**

+ Tổng vốn đầu tư khoảng 36.125,25 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư khoảng 5.425,86 tỷ đồng (chiếm 15% tổng vốn đầu tư).
- Vốn do nhà đầu tư huy động khoảng 30.699,39 tỷ đồng (chiếm 85% tổng vốn đầu tư).

+ Kế hoạch giải ngân vốn dự kiến:

Năm	2026	2027	2028
Tỷ lệ giải ngân vốn dự kiến	20%	35%	45%

- **Mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ:**

Đơn vị: đồng/xe nhóm 1/km

Giai đoạn	2029-2031	2032-2034	2035-2037	2038-2040	2041-2043	2044-2046	2047-2049	2050-2052
Mức giá	2.100	2.352	2.634	2.950	3.304	3.701	4.145	4.642

Mức giá dịch vụ giữa các nhóm xe còn lại so với xe nhóm 1 xác định trên cơ sở hệ số tương quan giữa các nhóm xe theo hình thức thu giá dịch vụ theo chặng được quy định tại Phụ lục II Thông tư số 28/2021/TT-BGTVT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng).

- **Tính toán hiệu quả tài chính:**

Stt	Các chỉ tiêu kinh tế đạt được	Giá trị
1	Giá trị hiện tại ròng (NPV) (Tỷ đồng)	25,30
2	Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) (%)	11,12
3	Tỷ suất lợi ích – chi phí (B/C)	1,032
4	Thời gian thu phí hoàn vốn	17 năm 2 tháng

- + **Loại hợp đồng dự án PPP:** Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT).
- + **Thời gian thực hiện dự án:** từ năm 2026, hoàn thành đưa vào khai thác năm 2029.

2.1.2. Trường hợp Dự án có sử dụng vốn vay ngân hàng, nêu cam kết cấp hạn mức tín dụng của ngân hàng:

Ngày 02/07/2025, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (“Vietcombank”) đã đồng ý chủ trương là ngân hàng đầu mối thu xếp vốn đối với Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương – Mỹ Thuận với số tiền thu xếp vốn dự kiến khoảng 29.850 tỷ đồng theo hình thức cấp tín dụng hợp vốn trong đó Vietcombank là ngân hàng đầu mối thu xếp vốn. Các ngân hàng sẽ tham gia hợp vốn bao gồm Vietcombank, Ngân hàng TMCP Tiền Phong, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Ngày 16/07/2026, tại Trụ sở Bộ Xây dựng, Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn – Mỹ Thuận – doanh nghiệp phát triển Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương – Mỹ Thuận (“Dự Án”) đã ký kết hợp đồng tín dụng với Các Ngân Hàng Hợp Vốn do Vietcombank là ngân hàng đầu mối. Tổng giá trị hạn mức tín dụng tối đa được thu xếp cho Dự Án là 27.093,938 tỷ đồng, tương đương trên 1 tỷ USD. Dự Án dự kiến sẽ sử dụng số tiền là 21.530,53 tỷ đồng trong tổng hạn mức được cấp tín dụng.

2.1.3. Ý kiến của tổ chức chuyên môn độc lập về phương án khả thi: Không có

2.2. Đầu tư Dự án Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ (Tên thương mại Khu Biệt thự cao cấp Việt Trì Legacy Lakeside)

Căn cứ Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐQT ngày 25/05/2026 của Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua phương án sử dụng vốn phát hành để đầu tư Dự án Khu nhà ở đô thị với một số thông tin cụ thể như sau:

- Giá trị góp vốn của Tổ Chức Phát Hành vào Dự Án: 500.951.900.000 đồng
- Thời gian thực hiện dự kiến: Quý III/2026 - Quý IV/2026
- Mục đích đầu tư: để thực hiện đầu tư Dự án Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ (Tên thương mại Khu Biệt thự cao cấp Việt Trì Legacy Lakeside).

2.2.1. Thông tin phương án khả thi Dự án Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ (Tên thương mại Khu Biệt thự cao cấp Việt Trì Legacy Lakeside)

a. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng, tổ chức tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở:

- Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở:
- + Công trình dân dụng:

- Công ty Cổ phần Kiến trúc Việt (*phần biệt thự, nhà cầu lạc bộ, nhà sinh hoạt cộng đồng*).
 - Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Greenlines Hà Nội (*phần nhà ở xã hội*).
- + Công trình hạ tầng kỹ thuật: Công ty Cổ phần xây dựng TEG.
- Tổ chức khảo sát: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng HD Hà Nội.
- Tổ chức tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở: Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng Phú Thọ.

b. Thông tin dự án:

- **Tên dự án:** Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì.
- **Người quyết định đầu tư:** Công ty Cổ phần Tasco.
- **Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Tasco.
- **Mục tiêu dự án:**
 - + Hình thành một khu nhà ở đô thị đồng bộ về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, một phần công trình hạ tầng xã hội. Quy hoạch sử dụng đất, tổ chức không gian các công trình kiến trúc thuộc dự án với các khu vực lân cận nhằm xây dựng một khu nhà ở mới khang trang, hiện đại, đảm bảo kiến trúc cảnh quan và môi trường khu vực;
 - + Làm cơ sở để thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định, quản lý xây dựng theo quy hoạch, khai thác sử dụng quỹ đất hiệu quả, hợp lý;
 - + Từng bước hoàn thiện các chỉ tiêu về nhà ở trên địa bàn thành phố Việt Trì theo Chương trình Phát triển nhà tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt Quyết định số 2283/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2022. Đồng thời nâng cao các chỉ tiêu theo tiêu chuẩn về nhà ở trên địa bàn thành phố Việt Trì theo quy định.
- **Quy mô đầu tư xây dựng:** Khu nhà ở đô thị tại Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ có diện tích sử dụng đất 172.360m² (17,3 ha), gồm các hạng mục: san nền, công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước và thông tin liên lạc, ...), công trình cấp điện, công trình kiến trúc (nhà ở, công trình công cộng và công trình thương mại dịch vụ, cảnh quan cây xanh ...).
- **Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:**
 - + Địa điểm xây dựng: tại phố Anh Dũng, thuộc địa bàn phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
 - + Diện tích đất sử dụng: 17,3ha.
- **Loại, nhóm dự án; loại cấp công trình chính:**

- + Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV; Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III; Công trình dân dụng, cấp III.
- + Nhóm dự án: Nhóm B
- Giá trị dự toán công trình xây dựng theo Báo cáo kết quả thẩm tra dự toán công trình xây dựng của Viện khoa học công nghệ xây dựng ngày 31/3/2026 như sau :

Tổng Dự toán xây dựng công trình: **983.477.955.000 đồng**, trong đó:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị (VNĐ)
1	Chi phí xây dựng (*)	848.923.956.960
2	Chi phí thiết bị	39.503.224.463
3	Chi phí quản lý dự án	10.964.356.287
4	Chi phí tư vấn đầu tư	34.104.456.307
5	Chi phí khác	3.149.677.264
6	Chi phí dự phòng	46.832.283.564
	Tổng cộng	983.477.954.846
	Làm tròn	983.477.955.000

(*) Công ty dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền 500.951.900.000 đồng huy động được từ đợt chào bán để bổ sung nguồn vốn thực hiện hạng mục chi phí xây dựng của Dự án.

- Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:
 - + Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn tự có của Chủ đầu tư và nguồn vốn huy động hợp pháp khác.
 - + Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Theo tiến độ thực hiện dự án.

2.2.2. Trường hợp Dự án có sử dụng vốn vay ngân hàng, nêu cam kết cấp hạn mức tín dụng của ngân hàng

Công ty hiện đang chủ động làm việc và tiếp cận với các ngân hàng, tổ chức tín dụng để thu xếp nguồn vốn vay phục vụ triển khai Dự án. Trên cơ sở hồ sơ pháp lý, hiệu quả đầu tư và phương án tài chính của Dự án, các bên cho vay đang trong quá trình đánh giá, thẩm định để xem xét cấp hạn mức tín dụng phù hợp theo quy định nội bộ của từng ngân hàng và quy định pháp luật hiện hành. Công ty sẽ tiếp tục cập nhật và hoàn thiện các thủ tục cần thiết nhằm đảm bảo nguồn vốn phục vụ tiến độ triển khai Dự án.

2.2.3. Ý kiến của tổ chức chuyên môn độc lập về phương án khả thi:

- Theo Báo cáo Kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi ngày 01/07/2024 của Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình Xây dựng Phú Thọ, Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì đủ điều kiện để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.
- Theo thông báo số 60/SXD-QLXD ngày 03/07/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ V/v thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì đủ điều kiện phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

3. Thông tin về tình hình triển khai dự án

3.1. Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận

3.1.1. Cơ sở pháp lý của dự án:

- Quyết định số 2166/QĐ-BXD ngày 26/11/2025 của Bộ Xây dựng về phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương – Mỹ Thuận theo phương thức đối tác công tư;
- Hợp đồng BOT số 60/HĐ.BOT-CĐBVN ngày 08 tháng 12 năm 2025 ký giữa Cục Đường Bộ Việt Nam, Liên Danh Nhà Đầu Tư và Công ty TNHH BOT Cao Tốc Sài Gòn – Mỹ Thuận.

3.1.2. Hiện trạng đoạn Hồ Chí Minh – Trung Lương

- Nền đường rộng 26m, 4 làn xe cơ giới (3,75m/làn), 2 làn dừng xe khẩn cấp;
- Đã giải phóng mặt bằng cho giai đoạn 2, Mỗi bên rộng 10m – 14m;
- Tổng chiều dài phần đường: 22km;
- Tổng chiều dài phần cầu: 18km.



*Hình 1: Hiện trạng đoạn Hồ Chí Minh – Trung Lương***3.1.3. Hiện trạng đoạn Hồ Chí Minh – Trung Lương**

- Nền đường rộng 17m, 4 làn xe cơ giới (3,75m/làn), làn dừng xe khẩn cấp không liên tục;
- Đã giải phóng mặt bằng cho giai đoạn 2 (mở rộng sang bên trái đủ quy mô nền đường rộng 32,5m);
- Tổng chiều dài phần đường: 45km;
- Tổng chiều dài phần cầu: 6km.

*Hình 2: Hiện trạng đoạn Trung Lương – Mỹ Thuận***3.1.4. Kế hoạch triển khai/Tiến độ thực hiện****❖ Cơ sở pháp lý:**

- Ngày 26/11/2025, Bộ Xây Dựng đã ban hành Quyết định số 2166/QĐ-BXD ngày 26/11/2025 về phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương – Mỹ Thuận theo phương thức đối tác công tư;
- Công ty TNHH BOT Cao Tốc Sài Gòn – Mỹ Thuận là Doanh nghiệp dự án được thành lập và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0319299458 được Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 06/12/2025;
- Ngày 08/12/2025, Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) số 60/HĐ.BOT-CĐBVN được ký kết giữa Cục Đường Bộ Việt Nam, Liên Danh Nhà Đầu Tư và Công ty TNHH BOT Cao Tốc Sài Gòn – Mỹ Thuận;
- Ngày 19/12/2025, Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương – Mỹ Thuận chính thức được khởi công.

❖ Đến thời điểm hiện tại, Dự Án đã thực hiện:

- Công tác cấm cọc giải phóng mặt bằng cơ bản hoàn thành;

- Đã ký hợp đồng thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với tỉnh Tây Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh; đang hoàn thiện thủ tục để ký kết hợp đồng với tỉnh Đồng Tháp;
- Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh đã có kế hoạch tiến độ chi tiết cho công tác giải phóng mặt bằng (“GPMB”); tỉnh Đồng Tháp vẫn đang tiến hành đo đạc kiểm kê tài sản để lập phương án GPMB;
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được Cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận thẩm định đối với toàn bộ 96/96 km chiều dài tuyến;
- Các nhà thầu đã triển khai công tác thi công, huy động nhân lực, thiết bị và thi công các hạng mục ưu tiên
- Dự án sẽ thực hiện thi công trong 3 năm (từ năm 2026 đến năm 2028) và dự kiến hoàn thành đưa vào khai thác vào năm 2029.

3.1.5. Tình hình thu xếp vốn đối với dự án

❖ Dự Án thuộc danh mục dự án trọng điểm Quốc gia:

- Dự Án là công trình giao thông trọng điểm Quốc gia, có vai trò quan trọng trong việc kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với vùng Đồng bằng sông Cửu Long, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực.
- Trong bối cảnh lưu lượng phương tiện trên tuyến liên tục gia tăng và đã vượt năng lực khai thác thiết kế tại một số đoạn, việc đầu tư Dự Án là cấp thiết nhằm nâng cao năng lực thông hành, giảm ùn tắc, đáp ứng nhu cầu vận tải ngày càng tăng và bảo đảm kết nối thông suốt trên trục giao thông huyết mạch của khu vực.
- Thể hiện sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã đưa Dự Án vào danh mục các công trình quan trọng Quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải theo Quyết định số 1673/QĐ-TTg ngày 06/08/2025. Sau khi hoàn thành, Dự Án sẽ góp phần nâng cao hiệu quả vận tải, giảm chi phí logistics, tăng cường liên kết vùng và tạo động lực phát triển cho khu vực phía Nam cũng như cả nước.

❖ Tiến độ huy động và giải ngân vốn theo Hợp Đồng BOT:

Theo Phụ lục 4 Hợp Đồng BOT, tiến độ huy động và giải ngân vốn cho Dự Án dự kiến như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Danh mục nguồn vốn	Tiến độ huy động, giải ngân các nguồn vốn dự kiến			Tổng cộng
		Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	
I	Tổng vốn đầu tư (gồm lãi vay)	7.225,05	12.643,84	16.256,36	36.125,25

STT	Danh mục nguồn vốn	Tiền độ huy động, giải ngân các nguồn vốn dự kiến			Tổng cộng
		Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	
-	Vốn chủ sở hữu	1.085,17	1.899,05	2.441,64	5.425,86 (*)
-	Vốn vay và vốn huy động khác	6.139,88	10.744,79	13.814,72	30.699,39
II	Tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn theo năm	100%	100%	100%	
-	Tỷ lệ giải ngân vốn chủ sở hữu tối thiểu	15%	15%	15%	
-	Tỷ lệ giải ngân vốn vay và vốn huy động khác	85%	85%	85%	

(*) Vốn CSH: 5.425,86 tỷ đồng, cơ cấu góp vốn của Liên Danh Nhà Đầu tư như sau:

- CII (tỷ lệ góp 40%) tương ứng 2.170,344 tỷ đồng,
- CTCP Tập đoàn Đèo Cả (tỷ lệ góp 15%) tương ứng 813,879 tỷ đồng
- CTCP Tasco (tỷ lệ góp 15%) tương ứng 813,879 tỷ đồng;
- TCT Đầu tư Xây dựng Hoàng Long – CTCP (tỷ lệ góp 15%) tương ứng 813,879 tỷ đồng
- Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ và Đầu tư CII (tỷ lệ góp 15%) tương ứng 813,879 tỷ đồng.

- Tính đến ngày 31/07/2026, Dự án đã thực hiện giải ngân khoảng 3.061,48 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn chủ sở hữu: 542,48 tỷ đồng, trong đó:

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên thành viên góp vốn	Số tiền đã góp
1	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	191.000.000.000
2	Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	127.750.000.000
3	CTCP Tập đoàn Đèo Cả	193.725.800.000
4	Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long – CTCP	11.250.000.000

STT	Tên thành viên góp vốn	Số tiền đã góp
5	CTCP Tasco	18.750.000.000 (*)
	Tổng cộng	542.475.800.000

(*) Tính đến hết ngày 31/07/2026, Công Ty đã góp 18,75 tỷ đồng, số tiền còn lại là 795,129 tỷ đồng Công Ty sẽ góp theo tiến độ Dự Án

- Vốn do nhà đầu tư huy động (Vốn vay và vốn huy động khác): 2.519 tỷ đồng
- Đối với nguồn vốn vay và vốn huy động khác; đến năm 2028, Dự án dự kiến sẽ được giải ngân tổng cộng 30.699,39 tỷ đồng, trong đó 21.530,53 tỷ đồng dự kiến được giải ngân từ nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng và 9.168,86 tỷ đồng từ nguồn vốn huy động khác. Ngày 16/07/2026, tại Trụ sở Bộ Xây dựng, Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn – Mỹ Thuận – doanh nghiệp phát triển Dự Án đã ký kết hợp đồng tín dụng với Các Ngân Hàng Hợp Vốn do Vietcombank là ngân hàng đầu mối, với tổng giá trị hạn mức tín dụng tối đa được các Ngân hàng cấp là 27.093,938 tỷ đồng. Tại thời điểm hiện tại, ngân hàng chưa thực hiện giải ngân khoản vay này.

3.2. Dự án Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ - Tên thương mại Khu Biệt thự cao cấp Việt Trì Legacy Lakeside (tên cũ là Dự án Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì)

3.2.1. Cơ sở pháp lý dự án

- Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 22/08/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở đô thị tại Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì;
- Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì;
- Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc chấp thuận Nhà đầu tư thực hiện dự án Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì;
- Báo cáo số 87/BC-TTKĐ ngày 01/07/2024 Báo cáo kết quả thẩm tra BCNCKT;
- Thông báo số 60/SXD-QLXD ngày 03/07/2024 v/v Thông báo kết quả thẩm định BCNCKT;
- Giấy phép môi trường số 12/GPMT-TNMT ngày 02/07/2024;
- Quyết định số 42.02/QĐ-TASCO ngày 10/07/2024 về Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế PCCC số 209/TD-PCCC ngày 10/09/2024;

- Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 v/v chuyển mục đích sử dụng và giao đất cho CTCP Tasco để thực hiện dự án;
- Báo cáo số 164/2025/TTQT/02 ngày 31/3/2026 BC kết quả thẩm tra dự toán công trình.

3.2.2. Hiện trạng dự án

Dự án Đô thị Việt Trì Legacy Lakeside tại trung tâm Phú Thọ đã khởi công ngày 01/03/2026 và hiện đang triển khai thi công nhà mẫu và khu nhà cộng đồng.

3.2.3. Kế hoạch triển khai/Tiến độ thực hiện

❖ Cơ sở pháp lý:

- Ngày 08/01/2024, UBND tỉnh Phú Thọ đã ban hành quyết định số 28/QĐ-UBND quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì
- Ngày 10/05/2024, UBND tỉnh Phú Thọ đã ban hành quyết định số 875/QĐ-UBND quyết định chấp thuận nhà đầu tư Dự án Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì
- Ngày 10/07/2024, Công ty Cổ phần Tasco đã ban hành quyết định số 42.02/QĐ-TASCO Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Ngày 08/10/2025, Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ban hành Quyết định số 1334/QĐ-UBND về việc chuyển mục đích sử dụng và giao đất cho Công ty Cổ phần Tasco để thực hiện dự án Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, Phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ.
- Căn cứ theo Quyết định số 42.02/QĐ-TASCO ngày 10/07/2024, Khu đô thị tại Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ có diện tích sử dụng đất 172.360 m² (17,236 ha), gồm các hạng mục: san nền, công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước và thông tin liên lạc,...), công trình cấp điện, công trình kiến trúc (nhà ở, công trình công cộng và công trình thương mại dịch vụ, cảnh quan cây xanh...). Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ giao 73.012,78 m² (7,301 ha) diện tích đất để thực hiện Dự án theo Quyết định số 1334/QĐ-UBND. Đối với phần diện tích còn lại, Công ty đang tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan để được cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành quyết định giao đất, dự kiến trong Quý 3/2026.

❖ Đến thời điểm hiện tại, Dự Án đã thực hiện:

Đến thời điểm hiện tại Dự án đã thực hiện giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích đã được giao và đang thực hiện triển khai thi công san lấp mặt bằng và đang thi công một số hạng mục của dự án như nhà mẫu, Club House, hạ tầng...

❖ Thời gian thực hiện: Đầu tư xây dựng hoàn thành, nghiệm thu dự án theo quy định trong quý II năm 2027.

❖ Thời hạn hoạt động dự án:

- Đối với đất thương mại, dịch vụ: 50 năm.
- Đối với đất ở: 50 năm, người mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất được sử dụng đất ổn định lâu dài.
- Thời điểm tính thời hạn hoạt động của dự án: Từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất của cấp có thẩm quyền.

3.2.4. Tình hình thu xếp vốn đối với dự án

Tiền độ huy động và giải ngân vốn cho Dự Án dự kiến như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Danh mục nguồn vốn	Tiền độ huy động, giải ngân các nguồn vốn dự kiến			Tổng cộng
		Đến Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	
I	Tổng vốn đầu tư xây dựng	739,53	199,99	43,96	983,48
-	Vốn chủ sở hữu	147,91	40,00	8,79	196,70
-	Vốn vay và vốn huy động khác	591,62	159,99	35,17	786,78
II	Tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn theo năm	100%	100%	100%	
-	Tỷ lệ giải ngân vốn chủ sở hữu tối thiểu	20%	20%	20%	
-	Tỷ lệ giải ngân vốn vay và vốn huy động khác	80%	80%	80%	

- Tính đến ngày 31/07/2026, Dự án đã thực hiện giải ngân khoảng 146 tỷ đồng, bao gồm:
 - Vốn chủ sở hữu: 146 tỷ đồng;
 - Vốn do nhà đầu tư huy động (Vốn vay và vốn huy động khác): 0 tỷ đồng.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Theo Phương án phát hành đã được thông qua tại Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông của Tổ Chức Phát Hành và Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐQT ngày 25/05/2026 của Hội đồng quản trị Tổ Chức Phát Hành, 35.609.519 (Ba mươi lăm triệu sáu trăm linh chín nghìn năm trăm mười chín) Trái Phiếu được chào bán của HUT dự kiến sẽ thu về 3.560.951.900.000 VNĐ (Ba nghìn năm trăm sáu mươi tỷ chín trăm năm mươi một triệu chín trăm

ngàn đồng) được sử dụng theo thứ tự từ trên xuống dưới như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn/ Hạng mục	Số tiền dự kiến sử dụng (đồng)	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Góp vốn vào Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn – Mỹ Thuận để thực hiện dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận	500.000.000.000	Quý III/2026 – Quý IV/2026
2	Góp vốn vào Công ty TNHH Tasco Land	1.360.000.000.000	Quý III/2026 – Quý IV/2026
2.1	Mua cổ phần Công ty Cổ phần Du lịch Bến Thành – Non Nước của (các) cổ đông hiện hữu	350.000.000.000	Quý III/2026 – Quý IV/2026
2.2	Mua cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ana phát hành thêm	710.000.000.000	Quý III/2026 – Quý IV/2026
2.3	Mua phần vốn góp Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Mai của (các) thành viên góp vốn	300.000.000.000	Quý III/2026 – Quý IV/2026
3	Góp vốn vào Công ty TNHH Tasco Investment	1.200.000.000.000	Quý III/2026 – Quý IV/2026
3.1	Mua cổ phần Công ty Cổ phần DNP Holding của (các) cổ đông hiện hữu	200.000.000.000	Quý III/2026 – Quý IV/2026
3.2	Thanh toán gốc, lãi của các khoản nợ vay	293.900.000.000	Quý III/2026 – Quý IV/2026
3.3	Góp vốn vào Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco ("Tasco Pharma")	368.400.000.000	Quý III/2026 – Quý IV/2026
3.4	Đầu tư, góp vốn vào Công ty CP Năng lượng Tasco ("Tasco Energy")	337.700.000.000	Quý III/2026 – Quý IV/2026
4	Góp vốn đầu tư Dự án Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ (Tên thương mại Khu Biệt thự cao cấp Việt Trì Legacy Lakeside)	500.951.900.000	Quý III/2026 – Quý IV/2026
	Tổng cộng	3.560.951.900.000	

- (i) Trong trường hợp thời gian phát hành kéo dài mà do nhu cầu cấp thiết phải góp vốn trước đầu tư vào các công ty con / dự án đảm bảo đúng tiến độ theo quy định pháp luật liên quan và nhu

cầu kinh doanh, Hội đồng quản trị có thể huy động từ cá nhân, tổ chức khác để góp vốn/hợp tác đầu tư. Công ty sẽ dùng nguồn vốn thu từ đợt chào bán trái phiếu này để hoàn trả.

(ii) Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số trái phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ từng đợt phát hành không đủ theo đúng dự kiến, Hội đồng quản trị thực hiện các giải pháp sau:

- Điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế và;
- Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua vay ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng và/hoặc có thể huy động từ cá nhân, tổ chức khác để góp vốn/hợp tác đầu tư.

1.1. Góp vốn vào Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn – Mỹ Thuận để thực hiện dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận
Chi tiết theo Mục VIII Bản cáo bạch này.

1.2. Góp vốn vào Công ty TNHH Tasco Land

1.2.1. Thông tin chung Công ty TNHH Tasco Land

Trụ sở chính	:	Tầng 6, tòa nhà Tasco, Lô HH 2-2, đường Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Vốn điều lệ đăng ký & thực góp	:	750.000.000.000 VNĐ (Bảy trăm năm mươi tỷ đồng)
Giấy phép thành lập và hoạt động	:	Số 0109935403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/03/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 07/09/2026
Mã số thuế	:	0109935403
Người đại diện theo pháp luật	:	Ông Nguyễn Việt Hà – Tổng giám đốc
Hoạt động kinh doanh chính	:	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Danh sách thành viên góp vốn của Công ty TNHH Tasco Land (tại ngày 30/06/2026)	:	Công ty Cổ phần Tasco (100% vốn điều lệ Công ty TNHH Tasco Land)

- Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty TNHH Tasco Land:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Tổng tài sản	995.372	1.130.577	1.148.264

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Vốn chủ sở hữu	683.713	750.000	760.481
Doanh thu thuần	8.935	6.274	15.548
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(20.839)	169.996	13.485
Lợi nhuận trước thuế	(20.522)	169.674	13.178
Lợi nhuận sau thuế	(20.522)	148.806	10.481

Nguồn: Công ty TNHH Tasco Land

1.2.2. Mối quan hệ với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành:

Chi tiết theo Mục IV.5 và Mục VI.3 Bản cáo bạch này.

1.2.3. Thông tin về việc đầu tư vào Công ty TNHH Tasco Land

- Cơ sở pháp lý CTCP Tasco thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Tasco Land:
 - + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 CTCP Tasco số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2026;
 - + Nghị quyết HĐQT CTCP Tasco số 06/2026/NQ-HĐQT ngày 25/05/2026 thông qua chi tiết phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng, thông qua phương án sử dụng vốn và thông qua việc niêm yết Trái phiếu;
 - + Quyết định của Chủ sở hữu Công ty TNHH Tasco Land số 29/2026/QĐ-TASCO ngày 15/7/2026 về việc Thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền.
- Tỷ lệ sở hữu của Tasco tại công ty trước khi góp vốn: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu của Tasco tại công ty sau khi góp vốn: 100%
- Hình thức đầu tư: Góp vốn bằng phương thức nộp tiền vào tài khoản của Công ty TNHH Tasco Land.
- Giá trị thực hiện: Dự kiến là 1.360.000.000.000 đồng, trong đó số tiền dự kiến sử dụng thu được từ đợt chào bán là 1.360.000.000.000 đồng.
- Tiến độ thực hiện: Công ty dự kiến đầu tư vào Quý III - IV/2026, sau khi hoàn thành đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng.

1.2.4. Phương án tăng vốn điều lệ Công ty TNHH Tasco Land

- Cơ sở pháp lý:
 - + Quyết định của Chủ sở hữu Công ty TNHH Tasco Land số 29/2026/QĐ-TASCO ngày 15/7/2026 về việc Thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền.

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 750.000.000.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi tỷ đồng*)
- Tổng số vốn thu được: 1.360.000.000.000 đồng (*Một nghìn ba trăm sáu mươi tỷ đồng*)
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 2.110.000.000.000 đồng (*Hai nghìn một trăm mười tỷ đồng*)
- Thời gian thực hiện: Dự kiến Quý III/2026 – Quý IV/2026

1.2.5. Phương án sử dụng vốn dự kiến của Công ty TNHH Tasco Land

Phương án sử dụng vốn dự kiến của Công ty TNHH Tasco Land:

STT	Mục đích sử dụng	Số tiền tăng vốn sử dụng (đồng)	Thời gian thực hiện
A	Mua cổ phần Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước của (các) cổ đông hiện hữu	350.000.000.000	Quý III/2026 – Quý IV/2026
B	Mua cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ana phát hành thêm	710.000.000.000	Quý III/2026 – Quý IV/2026
C	Mua phần vốn góp Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Mai của (các) thành viên góp vốn	300.000.000.000	Quý III/2026 – Quý IV/2026

Thông tin chi tiết:

A. Tasco Land mua cổ phần Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước của (các) cổ đông hiện hữu

a. Thông tin của Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước
- Giấy CNĐKDN: số 0400403042 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 10/09/2007, Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 17/06/2026
- Trụ sở chính: 21 Trường Sa, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 224.750.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi tư tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng*)
- Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
Chi tiết: Kinh doanh khách sạn. Cho thuê các dịch vụ lưu trú khác
- Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Tổng tài sản	242.915	229.941
Vốn chủ sở hữu	94.778	89.520
Doanh thu thuần	58.168	68.432
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(15.346)	(5.268)
Lợi nhuận trước thuế	(16.372)	(5.268)
Lợi nhuận sau thuế	(16.372)	(5.268)

Nguồn: Công ty Cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước

b. *Mối quan hệ với Công ty TNHH Tasco Land và người có liên quan của Công ty TNHH Tasco Land*

- Ông Ngô Đức Vũ là Phó Chủ tịch HĐQT tại CTCP Tasco (*Tasco là công ty mẹ của Công ty TNHH Tasco Land*) và là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước.

c. *Mua cổ phần Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước của (các) cổ đông hiện hữu*

- Cơ sở pháp lý: Quyết định của Chủ sở hữu Công ty TNHH Tasco Land số 29/2026/QĐ-TASCO ngày 15/7/2026 về việc Thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền.
- Số lượng cổ phần dự kiến mua: 13.162.219 cổ phần
- Giá trị chuyển nhượng dự kiến: 350.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Tasco Land tại CTCP Du lịch Bến Thành - Non Nước trước giao dịch: 0 %
- Tỷ lệ sở hữu của Tasco Land tại CTCP Du lịch Bến Thành - Non Nước dự kiến sau giao dịch: 58,56%
- Nguồn góp vốn vào CTCP Du lịch Bến Thành - Non Nước: Công ty TNHH Tasco Land sẽ sử dụng 350.000.000.000 đồng do CTCP Tasco góp vốn để mua cổ phần từ (các) cổ đông hiện hữu tại Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước
- Thời gian thực hiện: Dự kiến Quý III/2026 – Quý IV/2026

B. Tasco Land mua cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ana phát hành thêm

a. *Thông tin của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ana*

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ana
- Giấy CNĐKDN: số 0110452538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/08/2023, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 3 ngày

26/06/2025

- Trụ sở chính: Tầng 13, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1, Khu Đô thị Mỹ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Vốn điều lệ: 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng)
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu
- Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư
- Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Ana:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Tổng tài sản	566.090	911.486
Vốn chủ sở hữu	59.974	352.281
Doanh thu thuần	0	0
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(23)	2.774
Lợi nhuận trước thuế	(23)	2.774
Lợi nhuận sau thuế	(23)	2.774

Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Ana

b. *Mối quan hệ với Công ty TNHH Tasco Land và người có liên quan của Công ty TNHH Tasco Land*

Không có.

c. *Thông tin về việc mua cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ana phát hành thêm*

- Cơ sở pháp lý:
 - + Quyết định của Chủ sở hữu Công ty TNHH Tasco Land số 29/2026/QĐ-TASCO ngày 15/7/2026 về việc Thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền.
- Giá trị góp vốn dự kiến: 710.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần phát hành thêm dự kiến mua: 71.000.000 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu của Tasco Land tại CTCP Đầu tư và Phát triển Ana trước khi góp: 0 %
- Tỷ lệ sở hữu của Tasco Land tại CTCP Đầu tư và Phát triển Ana sau khi góp: 66,98 %
- Nguồn góp vốn vào CTCP Đầu tư và Phát triển Ana: Công ty TNHH Tasco Land sẽ sử dụng một phần số tiền do CTCP Tasco góp vốn để mua cổ phần phát hành thêm tại

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ana

- Thời gian thực hiện: Dự kiến Quý III/2026 – Quý IV/2026
- d. Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ana**
- Cơ sở pháp lý:
 - + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ana về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ
- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng)
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 71.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số vốn thu được: 710.000.000.000 đồng (Bảy trăm mười tỷ đồng)
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 1.060.000.000.000 đồng (Một nghìn không trăm sáu mươi tỷ đồng)
- Thời gian thực hiện: Dự kiến trong năm 2026

e. Phương án sử dụng vốn dự kiến của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ana

Thực hiện việc mua cổ phần phát hành thêm của Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 - VC9 ("VC9")

C. Tasco Land mua phần vốn góp Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Mai của (các) thành viên góp vốn

a. Thông tin của Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Mai

- Tên công ty: Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Mai
- Giấy CNĐKDN: số 0100284965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/12/1993, Số Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 08/07/2025
- Trụ sở chính: Số 46 Nguyễn Trường Tộ, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 55.000.000.000 đồng (Năm mươi lăm tỷ đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư, phát triển dự án, kinh doanh bất động sản nghỉ dưỡng
- Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Mai:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Tổng tài sản	69.845	65.883
Vốn chủ sở hữu	45.500	51.482
Doanh thu thuần	28.634	32.758
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.744	6.485
Lợi nhuận trước thuế	1.739	6.502
Lợi nhuận sau thuế	1.739	5.982

Nguồn: Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Mai

b. *Mối quan hệ với Công ty TNHH Tasco Land và người có liên quan của Công ty TNHH Tasco Land*

Không có.

c. *Thông tin về việc để mua phần vốn góp Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Mai của (các) thành viên góp vốn*

- Cơ sở pháp lý:
 - + Quyết định của Chủ sở hữu Công ty TNHH Tasco Land số 29/2026/QĐ-TASCO ngày 15/7/2026 về việc Thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền.
- Số lượng phần vốn góp dự kiến mua: Toàn bộ phần vốn góp 55.000.000.000 đồng tại Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Mai của (các) thành viên góp vốn (tương đương 100% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Mai)
- Giá trị chuyển nhượng dự kiến: 300.300.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Tasco Land tại Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Mai trước giao dịch: 0%
- Tỷ lệ sở hữu của Tasco Land tại Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Mai sau giao dịch: 100%
- Nguồn góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Mai: Công ty TNHH Tasco Land sẽ sử dụng số tiền 300.000.000.000 đồng do CTCP Tasco góp vốn để mua phần vốn góp từ (các) thành viên góp vốn tại Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Mai
- Thời gian thực hiện: Dự kiến Quý III/2026 – Quý IV/2026

1.3. Góp vốn vào Công ty TNHH Tasco Investment

1.3.1. Thông tin chung

Trụ sở chính : Tầng 6, Tòa nhà Tasco, Lô HH 2-2, đường Phạm Hùng,

Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Vốn điều lệ đăng ký & thực góp : 1.450.000.000.000 VNĐ (*Một nghìn bốn trăm năm mươi tỷ đồng*)
- Giấy phép thành lập và hoạt động : Số 0109383696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/10/2020, Sở Tài chính Thành Phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 09/12/2025
- Mã số thuế : 0109383696
- Người đại diện theo pháp luật : Bà Phan Thùy Giang – Chủ tịch Công ty
- Hoạt động kinh doanh chính : Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu
- Danh sách thành viên góp vốn của Công ty TNHH Tasco Investment (ngày 30/06/2026) : Công ty Cổ phần Tasco (100% vốn điều lệ Công ty TNHH Tasco Investment)

- Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty TNHH Tasco Investment:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Tổng tài sản	231.199	1.853.165	2.245.736
Vốn chủ sở hữu	226.059	1.450.000	1.450.411
Doanh thu thuần	15.819	7.364	8.554
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(2.309)	36.143	23.035
Lợi nhuận trước thuế	(2.968)	36.176	23.026
Lợi nhuận sau thuế	(2.968)	33.289	18.411

Nguồn: Công ty TNHH Tasco Investment

1.3.2. Mối quan hệ với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành

Chi tiết theo Mục IV.5 và Mục VI.3 Bản cáo bạch này.

1.3.3. Thông tin về việc đầu tư vào Công ty TNHH Tasco Investment

- Cơ sở pháp lý CTCP Tasco thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Tasco Investment:
- + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 CTCP Tasco số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2026;

- + Nghị quyết HĐQT CTCP Tasco số 06/2026/NQ-HĐQT ngày 25/05/2026 thông qua chi tiết phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng, thông qua phương án sử dụng vốn và thông qua việc niêm yết Trái phiếu;
- + Quyết định của Chủ sở hữu Công ty TNHH Tasco Investment số 28/2026/QĐ-TASCO ngày 15/7/2026 về việc Thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền.
- Tỷ lệ sở hữu của Tasco tại công ty trước khi góp vốn: 100%;
- Tỷ lệ sở hữu của Tasco tại công ty sau khi góp vốn: 100%;
- Hình thức đầu tư: Góp vốn bằng phương thức nộp tiền vào tài khoản của Công ty TNHH Tasco Investment;
- Giá trị thực hiện: Dự kiến là 1.200.000.000.000 đồng trong đó số tiền dự kiến sử dụng thu được từ đợt chào bán là 1.200.000.000.000 đồng;
- Tiến độ thực hiện: Công ty dự kiến đầu tư vào Quý III-IV/2026, sau khi hoàn thành đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng;

1.3.4. Phương án tăng vốn điều lệ Công ty TNHH Tasco Investment

- Cơ sở pháp lý:
 - + Quyết định của Chủ sở hữu Công ty TNHH Tasco Investment số 28/2026/QĐ-TASCO ngày 15/7/2026 về việc Thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền.
- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 1.450.000.000.000 đồng (Một nghìn bốn trăm năm mươi tỷ đồng)
- Tổng số vốn thu được: 1.200.000.000.000 đồng (Một nghìn hai trăm tỷ đồng)
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 2.650.000.000.000 đồng (Hai nghìn sáu trăm năm mươi tỷ đồng)
- Thời gian thực hiện: Dự kiến Quý III/2026 – Quý IV/2026

1.3.5. Phương án sử dụng vốn dự kiến của Công ty TNHH Tasco Investment

Phương án sử dụng vốn dự kiến của Công ty TNHH Tasco Investment:

STT	Mục đích sử dụng	Số tiền tăng vốn sử dụng (đồng)	Thời gian thực hiện
A	Mua cổ phần Công ty cổ phần DNP Holding của (các) cổ đông hiện hữu	200.000.000.000	Quý III/2026 – Quý IV/2026
B	Thanh toán gốc lãi của các khoản nợ vay	293.900.000.000	Quý III/2026 – Quý IV/2026
C	Góp vốn vào Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco	368.400.000.000	Quý III/2026 – Quý IV/2026

STT	Mục đích sử dụng	Số tiền tăng vốn sử dụng (đồng)	Thời gian thực hiện
D	Góp vốn, đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Tasco (“Tasco Energy”)	337.700.000.000	Quý III/2026 – Quý IV/2026

A. Tasco Investment mua cổ phần từ (các) cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần DNP Holding

a. Thông tin của Công ty cổ phần DNP Holding

- Tên công ty: Công ty cổ phần DNP Holding
- Giấy CNĐKDN: 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02/01/2004, Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi lần thứ 27 ngày 22/07/2025
- Trụ sở chính: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 1.409.748.460.000 đồng (*Một nghìn bốn trăm linh chín tỷ bảy trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*)
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất sản phẩm từ plastic
Chi tiết: Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa
- Một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần DNP Holding:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Tổng tài sản	17.673.463	19.164.445	19.865.334
Vốn chủ sở hữu	6.075.282	6.378.149	6.513.666
Doanh thu thuần	8.898.420	9.504.302	5.342.813
Lợi nhuận trước thuế	228.720	364.886	234.362
Lợi nhuận sau thuế	191.791	249.344	175.228

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2026 của Công ty Cổ phần DNP Holding

b. Mối quan hệ với Công ty TNHH Tasco Investment và người có liên quan của Công ty TNHH Tasco Investment

- Công ty Cổ phần DNP Holding là công ty con của Công ty TNHH Tasco Investment
- Bà Phan Thùy Giang là Phó Tổng Giám đốc tại CTCP Tasco (*Tasco là công ty mẹ của*

Công ty TNHH Tasco Investment), là chủ tịch kiêm đại diện pháp luật Công ty TNHH Tasco Investment và là Phó Tổng Giám đốc CTCP DNP Holding

- Bà Hoàng Thị Soa là Thành viên Ban kiểm soát tại CTCP Tasco (*Tasco là công ty mẹ của Công ty TNHH Tasco Investment*) và là Người Phụ trách Quản trị CTCP DNP Holding

c. Thông tin về việc mua cổ phần từ (các) cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần DNP Holding

- Cơ sở pháp lý:
 - + Nghị quyết HĐQT số 25/2025/NQ-HĐQT ngày 03/10/2025 của Hội đồng quản trị CTCP Tasco về việc thông qua chủ trương chấp thuận cho Công ty TNHH Tasco Investment đầu tư mua cổ phần chi phối tại Công ty Cổ phần DNP Holding;
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/10/2025 của ĐHĐCĐ CTCP DNP Holding về việc thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - + Tờ trình số 06/2025/TTr-HĐQT ngày 03/10/2025 của HĐQT CTCP DNP Holding về việc chấp thuận việc các cổ đông không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai khi nhận chuyển quyền sở hữu cổ phiếu DNP dẫn đến việc sở hữu đạt và vượt các mức phải chào mua công khai theo quy định của pháp luật;
 - + Quyết định của Chủ sở hữu Công ty TNHH Tasco Investment số 28/2026/QĐ-TASCO ngày 15/7/2026 về việc Thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền.
- Tỷ lệ sở hữu của Tasco Investment tại CTCP DNP Holding trước khi mua cổ phần: 57,2%
- Số lượng cổ phần dự kiến mua: 10.000.000 cổ phần
- Phương thức thực hiện: thỏa thuận trên sàn GDCK
- Tỷ lệ sở hữu của Tasco Investment tại CTCP DNP Holding dự kiến sau khi mua cổ phần: 64,3%
- Tổng giá trị thực hiện: 200.000.000.000 đồng
- Nguồn vốn mua cổ phần CTCP DNP Holding: Công ty TNHH Tasco Investment sẽ sử dụng một phần số tiền do CTCP Tasco góp vốn để mua cổ phần Công ty Cổ phần DNP Holding của (các) cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông đã được ĐHĐCĐ CTCP DNP Holding thông qua theo Nghị Quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/10/2025.
- Thời gian thực hiện: Dự kiến Quý III/2026 – Quý IV/2026

B. Tasco Investment thanh toán gốc lãi của các khoản nợ vay

Số tiền 293.900.000.000 đồng dự kiến sẽ được sử dụng để thanh toán một phần gốc, lãi vay của Công ty TNHH Tasco Investment tại các công ty chứng khoán, với tổng dư nợ đến ngày 30/06/2026 là 296,1 tỷ đồng theo Báo cáo tài chính Quý II/2026 của Tasco Investment.

Các khoản vay nêu trên được Tasco Investment sử dụng để tài trợ cho việc mua 80.683.437 cổ phiếu của CTCP DNP Holding trong năm 2025. Các giao dịch mua cổ phiếu được thực hiện theo phương thức giao dịch thỏa thuận trên sàn, trong các khoảng thời gian từ ngày 21/10/2025 đến ngày 20/11/2025 và từ ngày 28/11/2025 đến ngày 26/12/2025, với tổng giá trị giao dịch là 1.629,8 tỷ đồng, nâng tỷ lệ sở hữu của Tasco Investment tại DNP từ 0% lên 52,7%.

Tại thời điểm hiện tại, Tasco Investment đang sở hữu 80.683.437 cổ phiếu CTCP DNP Holding, tương đương 52,7% vốn điều lệ của DNP Holding.

C. Tasco Investment góp vốn vào Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco

a. Thông tin của Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco

- Tên công ty: Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco
- Giấy CNĐKDN: số 0111474213 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/04/2026
- Trụ sở chính: Tầng 20, Tòa nhà Tasco, Lô HH2-2, đường Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế.
- Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024 (*)	Năm 2025 (*)
Tổng tài sản	0	0
Vốn chủ sở hữu	0	0
Doanh thu thuần	0	0
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	0	0
Lợi nhuận trước thuế	0	0
Lợi nhuận sau thuế	0	0

(*) Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco được Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào ngày 22/04/2026, do đó Công ty chưa có số liệu tài chính năm 2024 và năm 2025.

Nguồn: Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco

b. Mối quan hệ với Công ty TNHH Tasco Investment và người có liên quan của Công ty TNHH Tasco Investment

- Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco là công ty con của Công ty TNHH Tasco Investment
 - c. **Thông tin về việc góp vốn vào Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco để trả nợ khoản vay và đầu tư/góp vốn vào mảng sinh phẩm và dược phẩm**
 - Cơ sở pháp lý:
 - + Quyết định của Chủ sở hữu Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco số 15/2026/QĐ-IVM ngày 15/7/2026 về việc tăng vốn điều lệ Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco.
 - Giá trị góp vốn dự kiến: 368.400.000.000 đồng
 - Tỷ lệ sở hữu của Tasco Investment tại Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco trước khi góp: 100%
 - Tỷ lệ sở hữu của Tasco Investment tại Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco sau khi góp: 100%
 - Nguồn góp vốn vào tại Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco: Công ty TNHH Tasco Investment sẽ sử dụng một phần số tiền do CTCP Tasco góp vốn để góp vốn vào Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco.
 - Thời gian thực hiện: Quý III/2026 – Quý IV/2026
 - d. **Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco**
 - Cơ sở pháp lý:
 - + Quyết định của Chủ sở hữu Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco số 15/2026/QĐ-IVM ngày 15/7/2026 về việc tăng vốn điều lệ Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco.
 - Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 250.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng)
 - Số lượng vốn góp dự kiến: 368.400.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tám tỷ bốn trăm triệu đồng)
 - Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 618.400.000.000 đồng (Sáu trăm mười tám tỷ bốn trăm triệu đồng)
 - Thời gian thực hiện: Dự kiến Quý III/2026 – Quý IV/2026
 - e. **Phương án sử dụng vốn dự kiến của Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco**
- Số tiền dự kiến thu được từ đợt tăng vốn của Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco là 368.400.000.000 đồng sẽ được sử dụng để
- ❖ **Thanh toán gốc, lãi vay cho Công ty Cổ phần Chứng khoán với tổng số tiền là 105.800.000.000 đồng (theo số liệu BCTC 30/6/2026)**

Khoản vay nêu trên được Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco sử dụng để tài trợ cho việc mua 1.482.494 cổ phần PMC. Các giao dịch mua cổ phiếu được thực hiện theo

phương thức giao dịch thỏa thuận trên sàn, hoàn thành vào ngày 14/05/2026 (1.082.494 cổ phần) và ngày 19/05/2026 (400.000 cổ phần), với tổng giá trị giao dịch là 208 tỷ đồng, nâng tỷ lệ sở hữu của Tasco Pharma tại PMC từ 0% lên 15,9%.

Sau thời điểm 30/06/2026, Công ty đã thực hiện mua thêm 792.000 cổ phần theo phương thức giao dịch thỏa thuận, hoàn thành vào ngày 12/08/2026. Tại thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco đang sở hữu 2.274.494 cổ phần PMC, tương đương 24,4% vốn điều lệ của CTCP Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.

❖ **Thực hiện việc mua cổ phần PMC để tăng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Dược phẩm Dược liệu Pharmedic với tổng giá trị mua dự kiến 262.600.000.000 VNĐ (Hai trăm sáu mươi hai tỷ sáu trăm triệu đồng)**

• **Thông tin của Công ty cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic**

- Tên công ty: Công ty cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic
- Giấy CNĐKDN: 064075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09/12/1997, thay đổi lần thứ 13 ngày 14/06/2024
- Trụ sở chính: 367 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 93.325.730.000 đồng (Chín mươi ba tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh dược phẩm
- Một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty Dược phẩm Dược liệu Pharmedic:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Tổng tài sản	375.839	345.424	413.010
Vốn chủ sở hữu	289.612	240.855	252.490
Doanh thu thuần	498.185	546.567	257.671
Lợi nhuận trước thuế	100.313	102.999	45.500
Lợi nhuận sau thuế	80.133	82.305	36.349

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024, 2025 và Báo cáo tài chính Quý II năm 2026 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic

• **Mối quan hệ với Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco và người có liên quan của Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco**

- Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic là công ty liên kết của Công ty

TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco

- **Thông tin về việc mua cổ phần PMC từ (các) cổ đông hiện hữu của Dược phẩm Dược liệu Pharmedic**
- Cơ sở pháp lý:
 - + Quyết định của Chủ sở hữu Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco về việc Thông qua mua cổ phần PMC từ (các) cổ đông hiện hữu của CTCP Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco tại CTCP Dược phẩm Dược liệu Pharmedic trước khi mua cổ phần: 24,4%
- Phương thức thực hiện: thỏa thuận trên sàn GDCK
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco tại CTCP Dược phẩm Dược liệu Pharmedic sau khi mua cổ phần khoảng: 40% (tỷ lệ thực tế, số lượng và giá mua sẽ phụ thuộc vào thực tế tại thời điểm thực hiện)
- Số lượng cổ phần mua dự kiến: tối đa 1.458.535 cổ phần
- Tổng giá trị thực hiện dự kiến: tối đa 262.600.000.000 đồng
- Nguồn vốn mua cổ phần PMC: Công ty TNHH Sinh phẩm và Dược phẩm Tasco sẽ sử dụng một phần số tiền do Công ty TNHH Tasco Investment góp vốn để mua cổ phần PMC của (các) cổ đông hiện hữu.
- Thời gian thực hiện: Dự kiến Quý III/2026 – Quý IV/2026

D. Tasco Investment mua cổ phần Công ty Cổ phần Năng lượng Tasco để bổ sung vốn theo phương án kinh doanh

a. Thông tin của Công ty Cổ phần Năng lượng Tasco

- Tên công ty: Công ty cổ phần Năng lượng Tasco
 - Giấy CNĐKDN: số 0318788791 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/12/2024, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 02/03/2026.
 - Trụ sở chính: Tòa nhà Tasco, 220 Bis Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Vốn điều lệ: 46.660.000.000 đồng (Bốn mươi sáu tỷ sáu trăm sáu mươi triệu đồng)
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Chi tiết: - Cho thuê pin năng lượng mặt trời, máy phát điện năng lượng mặt trời, máy biến thế năng lượng mặt trời, thiết bị điện năng lượng mặt trời,...; - Cho thuê hệ thống, giải pháp, thiết bị kiểm soát, lưu trữ điện năng,...; - Cho thuê palet, container, dàn giáo, bệ, thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Cho thuê vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Cho thuê thiết bị và dụng cụ đo lường. - Cho thuê các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Cho thuê vận hành máy móc, thiết bị và đồ

dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển phù hợp với các mặt hàng công ty kinh doanh. - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu;

- Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty cổ phần Năng lượng Tasco:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Tổng tài sản	0	76.270	93.356
Vốn chủ sở hữu	0	46.797	47.028
Doanh thu thuần	0	4.285	5.586
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	0	175	294
Lợi nhuận trước thuế	0	175	293
Lợi nhuận sau thuế	0	137	231

Nguồn: Công ty Cổ phần Năng lượng Tasco

b. *Mối quan hệ với Công ty TNHH Tasco Investment và người có liên quan của Công ty TNHH Tasco Investment*

- Công ty Cổ phần Năng lượng Tasco là công ty con gián tiếp của Công ty TNHH Tasco Investment.

c. *Thông tin về việc mua cổ phần Công ty Cổ phần Năng lượng Tasco để bổ sung vốn kinh doanh*

- Cơ sở pháp lý:
 - + Quyết định của Chủ sở hữu Công ty TNHH Tasco Investment số 28/2026/QĐ-TASCO ngày 15/7/2026 về việc Thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền.
- Giá trị góp vốn dự kiến: 337.700.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Tasco Investment tại CTCP Năng lượng Tasco trước khi góp: 0%
- Tỷ lệ sở hữu của Tasco Investment tại CTCP Năng lượng Tasco sau khi góp: 87,86%
- Nguồn góp vốn vào CTCP Năng lượng Tasco: Công ty TNHH Tasco Investment sẽ sử dụng một phần số tiền do CTCP Tasco góp vốn để góp vốn vào Công ty Cổ phần Năng lượng Tasco
- Thời gian thực hiện: Dự kiến Quý III/2026 – Quý IV/2026

d. *Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Tasco*

- Cơ sở pháp lý:
 - + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Năng lượng Tasco về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ
- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 46.660.000,000 đồng (*Bốn mươi sáu tỷ sáu trăm sáu mươi triệu đồng*)
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 33.770.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số vốn thu được: 337.700.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi bảy tỷ bảy trăm triệu đồng*)
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 384.360.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi tư tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng*)
- Thời gian thực hiện: Dự kiến Quý III/2026 – Quý IV/2026

e. Phương án sử dụng vốn dự kiến của Công ty Cổ phần Năng lượng Tasco

Số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành cổ phần của CTCP Năng lượng Tasco là 337.700.000.000 đồng sẽ được sử dụng để bổ sung vốn theo phương án kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt. Công ty dự kiến triển khai các dự án điện và tích trữ điện thuộc nhiều địa điểm khác nhau (nhà máy nước, showroom ô tô, nhà máy sản xuất, Khu nghỉ dưỡng..) với tổng công suất lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời gần 50.000 KWh và hệ thống lưu trữ điện khoảng 141.000 MWp.

2. Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán

Đối với gốc Trái Phiếu: Trái Phiếu đang lưu hành bắt buộc chuyển đổi thành cổ phần phổ thông vào Ngày Đáo Hạn. Vì vậy Tổ Chức Phát Hành không phải hoàn trả gốc Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Đối với lãi Trái phiếu: Trên cơ sở Tổ Chức Phát Hành đã đầu tư số tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu (theo mục đích sử dụng vốn được trình bày ở trên), Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng phần lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh, đầu tư và các nguồn thu hợp pháp khác để thanh toán lãi Trái Phiếu khi đến hạn. Chi tiết dòng tiền dự phóng thanh toán lãi trái phiếu như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Năm 2031
Dòng tiền HĐKD thuần	(534.576)	(4.091.924)	608.981	2.941.235	7.825.377	93.199

Chỉ tiêu	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Năm 2031
Dòng tiền HĐĐT thuần	(2.636.161)	507.428	1.337.326	3.196.649	2.872.769	3.076.563
Dòng tiền HĐTC thuần	4.021.783	3.532.212	1.692.571	(2.463.892)	(4.126.709)	(150.000)
Lưu chuyển tiền trong kỳ	851.046	(52.284)	3.638.878	3.673.993	6.571.438	3.019.762
Tiền đầu kỳ	24.076	875.122	822.838	4.461.716	8.135.709	14.707.146
Tiền cuối kỳ	875.122	822.838	4.461.716	8.135.709	14.707.146	17.726.908

Như vậy, đến Ngày Đáo Hạn dự kiến, dòng tiền của Tổ Chức Phát Hành sẽ đủ để thanh toán tiền lãi của Trái Phiếu chuyển đổi chào bán ra công chúng cho nhà đầu tư.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**1. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán****TỔ CHỨC PHÁT HÀNH: CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

- Trụ sở chính : Tầng 1 và Tầng 20, tòa nhà Tasco, Lô HH2-2, đường Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội.
- Điện thoại : 024 6668 6863.
- Website : www.tasco.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO

- Địa chỉ : Tầng 20, tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng, Hà Nội.
- Điện thoại : 024 3783 3911 Fax: 024 3783 3914.
- Website : www.bdo.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK

- Trụ sở chính : Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn Ngoại giao, phường Xuân Đình, TP Hà Nội.
- Điện thoại : 024 3974 1771. Fax: 024 3974 1760.
- Website : www.vbse.com.vn

2. Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Trên cơ sở các thông tin thu thập được từ Tổ Chức Phát Hành, với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank có một số ý kiến, nhận định như sau:

Tổng giá trị Trái Phiếu chuyển đổi chào bán ra công chúng lần này của HUT là 3.560.951.900.000 đồng theo mệnh giá, tương đương với tỷ lệ 33,33% vốn điều lệ của HUT. Mục đích, phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán đã được ĐHĐCĐ của HUT thông qua, phù hợp với quy định của pháp luật.

Bên cạnh các rủi ro đã được đề cập trong Bản Cáo Bạch này, Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank đánh giá việc gia tăng nguồn vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán này là cần thiết và phù hợp với nhu cầu, mục đích sử dụng của HUT. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra với góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên các thông tin chúng tôi thu thập và đánh giá trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính và chứng khoán. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của Trái Phiếu được chào bán và tính chắc chắn của những số liệu trong kế hoạch sử dụng vốn của HUT, cũng như sự thành công của đợt phát hành. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo.

3. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán

Không có. Vì trong đợt chào bán này, HUT đã ký Hợp đồng dịch vụ với Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank. Theo đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank - với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn – thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu chuyển đổi

của HUT. Do vậy, HUT không sử dụng hay thuê dịch vụ tư vấn của bất kỳ chuyên gia nào khác cho đợt chào bán này.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Ngoài các thông tin về rủi ro, các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, các cam kết đưa ra nhưng chưa thực hiện, những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành đã được trình bày một cách công khai, minh bạch và đầy đủ trong Bản Cáo Bạch này, theo sự đánh giá và tin tưởng tốt nhất của mình tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành nhận thấy không có thông tin quan trọng nào khác có thể ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư. Các nhà đầu tư cần có những đánh giá khách quan và tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng và nhận định một cách đầy đủ các nhân tố rủi ro trước khi có quyết định đầu tư vào Trái Phiếu.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2026

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO



HOÀNG MINH HÙNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Unit 1

VŨ ĐÌNH ĐỘ

KÊ TOÁN TRƯỞNG



BÙI THỊ BÌNH

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC 



PHẠM NGỌC HIỆP

XIII. PHỤ LỤC:

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thay đổi gần nhất;
2. Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2026 của ĐHĐCĐ thường niên của HUT, trong đó thông qua Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng;
Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐQT ngày 25/05/2026 của HĐQT thông qua chi tiết phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng, thông qua phương án sử dụng vốn và thông qua việc niêm yết Trái Phiếu;
Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐQT ngày 25/05/2026 của HĐQT thông qua bộ hồ sơ chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng;
3. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
4. Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 (riêng và hợp nhất) đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 đã được soát xét (riêng và hợp nhất) của Công ty Cổ phần Tasco;
5. Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất được kiểm toán;
6. Văn bản số 171/2026/CV-TASCO ngày 25/05/2026 của Tổ Chức Phát Hành về việc Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành về điều kiện phát hành, thanh toán, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; Cam kết về việc triển khai niêm yết trái phiếu và Cam kết Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa tích.
7. Tài liệu có liên quan việc sử dụng vốn.